

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

Tạp chí văn nghệ * Lá Bối xuất bản

Coi sóc : TRỤ VŨ

2	Tản Đà	<i>Vịnh bức dư đồ rách</i>
3 — 6	Trụ Vũ	<i>Tiếng mẹ</i>
7 — 8	Thái Luân	<i>Anh hùng</i>
9 — 12	Dạ Giao Đăng	<i>Chuyện thời chiến</i>
13 — 16	Kiên Minh	<i>Đường sông, nét núi</i>
17 — 20	Thiếu Sơn	<i>Nhà văn phải làm gì để giữ thơm quê mẹ?</i>
21 — 27	Duy Lê	<i>Tiếng hát trên đường vũ bão</i>
28 — 32	Hồ Hữu Tường	<i>Cốc cần</i>
33 — 42	Đông Tùng	<i>Quan vân Trường có xứng đáng là một vị thần...</i>
43 — 46	Hằng Hà Sa	<i>Nhọt bao tử</i>
47 — 50	Chinh Văn	<i>Buổi sớm</i>
51 — 57	Nhất Hạnh	<i>Nói với tuổi hai mươi</i>
58 — 67	Trần Đông Phương	<i>Cô bé tia sáng mặt trời</i>
68 — 70	Trần, Nhật Nguyệt	<i>Sao biên</i>
71 — 74	Chinh Ba	<i>Tóc</i>
75 — 80	Sơn Nam	<i>Tìm cây kiềng đẹp</i>
81 — 87	Vương Pên Liêm	<i>Đường lối Giáo dục cộng đồng...</i>
88 — 90	Lê Kim Sơn	<i>Gió Thạch Vưu</i>
91 — 93	Thi Vũ	<i>Người nuôi một</i>
94 — 98	Trụ Vũ	<i>Chiếc kẹo Sơ vinh gum</i>

Số 10 tháng 4 năm 1966

vịnh hoa cúc

Bề ai tát cạn, núi ai dời
Mà giống da vàng vẫn tốt tươi
Tiết lạnh dãi dầu gan đá thắm
Gió xuân đưa đón nhụy vàng phơi
Thử đem bông trắng mà so sánh
Mới biết ông xanh khéo vẽ vời
Còn giải non xanh, còn nước biếc
Hãy còn vàng thắm lúc nào phai.

THƠ XƯA

vịnh bức dư đồ rách

Nọ bức dư đồ thử đứng coi,
Sông sông, núi núi, khéo bia cười
Biết bao lúc mới công vờn vẽ
Sao đến bây giờ rách tả toai
Ấy trước ông cha mua đề lại
Mà sau con cháu lấy làm chơi !
Thôi thôi chớ trách chi đàn trẻ
Thôi đề rồi ta sẽ liệu bồi.

TẢN-ĐÀ

tiếng mẹ

tặng Hoàng Tông

thôi xin

Thôi xin ngưng tiếng hận thù
cho con tôi được tiếng ru đưa đường
chỉ cần những tiếng ru thương
« công cha như núi Thái Sơn » ... ngọt ngào
là con được thấy trời cao
là con được thấy đường nào con đi.

thôi xin ngưng tiếng sân si
tiếng dơi tiếng quạ tiếng gù tối đen
cho mẹ tôi được bình yên
lắng nghe những tiếng gió hiền bên sông
tiếng cành dâu tiếng cành bông
tiếng tơ tiếng lụa tiếng trầm tiếng hương.

thôi xin ngưng tiếng đoạn trường.
cho em tôi được nghe hồn bồ câu
trời sinh chim đề yếm âu
trời sinh suối đề ngọt ngào cho hoa
trời sinh nắng đề chan hòa
trời sinh hoa đề thiết tha với người
trời sinh em đề mỉm cười
hăm lăm năm ấy, thật đời phi nhân.

sao không

Sao không cất tiếng tương thân
« anh em như thề tay chân » ruột rà
« anh em cùng mẹ cùng cha
cùng chung bác mẹ », nở má thế... sao ?

sao không cất tiếng ngọt ngào
tiếng hương tiếng nguyệt tiếng sao đêm rằm
tiếng dòng sông tiếng nghìn năm
sao không xướng họa tiếng bằng Việt Nam ?

sao không cất tiếng kim lan
tiếng Lưu Dương, nghĩa đá vàng biển sông
sao không cất tiếng tơ đồng
cất chỉ những giọng hỡi hùng máu xương ?

sao không cất tiếng quê hương
« mẹ già như chuối ba hương »... ngọt ngào
sao không cất tiếng ca dao
« lên non cho biết non cao »... mặn nồng.

lời ru của mẹ

Mẹ sinh đưa con đầu lòng
mẹ dạy hai tiếng đầu lòng : **YÊU THƯƠNG**
thương đời thương nước thương non
thương cha thương mẹ lại thương hòa bình. (1)

Mẹ ru con bằng câu kinh
A Di Đà Phật... « giữ mình sạch trong ».

Mẹ sinh đưa con đầu lòng
mẹ dạy hai tiếng đầu lòng : **NƯỚC NON**
« con ơi con ngủ cho ngon
để mẹ đi gánh nước non cho đầy »...
« trông trời trông đất trông mây
trông mưa trông gió trông ngày trông đêm
trông cho chân cứng đá mềm »...
để cho dân tộc bước lên hòa đồng

(1) Hòa bình trong tự do dân chủ.

mẹ sinh đứa con đầu lòng
mẹ dạy hai tiếng đầu lòng : VIỆT NAM
ân tình chứa chứa chan chan
trăm xe không đổi, nghìn vàng không trao.

tiếng ru

Tiếng ru mỗi độ càng cao
nguồn khơi Hy Mã, nước dào Cửu Long
thương về « giòng Phố nước trong »
thương lên « chín chín ngọn Hồng » sử xanh
« đường vô xứ Huế loanh quanh
non xanh nước biếc như tranh họa đồ
yêu em anh đã muốn vô
sá ngại truông Hồ hay phá Tam Giang »...

Lên cao muôn trượng núi Tràng
ngắm xem một đóa hoa vàng tốt tươi.
này cô gái Cửu Long ơi
còn ta, còn bầu, mặt trời còn xanh.

mẹ ta

Ai quên quê mẹ cho đành
ta còn giữ lấy tấm hình mẹ ta
hiên ngang một giải sơn hà
bốn phương vang dậy khúc ca anh hùng

mẹ ta : sắc áo nâu sồng
mẹ ta : đôi mắt dịu lòng Hượng Giang
mẹ ta : tim thép gan vàng
vững thân đại thụ chở đàn bò câu
tình thương, vượt núi rừng sâu
áo nâu về tận Cà Mau lấy lừng
tình là núi, nghĩa là sông

mẹ ta : thân thể Lạc Hồng quang vinh
ôi nguồn sữa mẹ ái tình
lúa thơm, mía ngọt cho mình với ta...
suối Phương Đông dội chan hòa
tóc thiêng mẹ kết đóa hoa Ưu Đàm.

ai đi quên chuyện đá vàng

Ai đi quên chuyện đá vàng
để mơ một giấc mơ tàn phương xa
ta về vun xới vườn ta
có ngô, có đậu, có cà, có khoai
tinh mai ý trúc lảng lai
đêm thu đối nguyệt ngâm vài « tân thanh »

... « như nàng lấy hiếu làm trinh
bụi nào đục được cái mình ấy vay
trời còn để đến hôm nay
tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời
hoa tàn mà lại thêm tươi
trăng già mà lại hơn mười rằm xưa...
... kể từ sen ngó đào tơ
mười lăm năm ấy, bây giờ là đây !... »

bé thơ hồng ngũ

Thôi xin ngừng tiếng gió ai
đề' cho ta hát một bài Phương Nam
cho em giữ ngọc gìn vàng
cho me được thấy hoa tàn thêm tươi
cho con được nở nụ cười
bé thơ hồng ngũ thơm nôi thái bình.

TRỤ VŨ

Việt Nam, 11-9-2509

anh hùng

A chào anh hùng

Chào anh hùng mạnh giỏi

Chào anh hùng oai phong

— Này thằng kia mày là ai ?

Mày là ai mà chào đón

Mày là ai mà mỉm cười

Thằng kia mày là ai

Mày là ai mà rách nát

Mày là ai mà xanh xao

Mày là ai mà ốm thể

— Thưa ông tôi mũi tẹt

Thằng   ho lao

Ho lao vì cúi xuống, ngẩng lên chóng mặt

Ho lao vì gọi không thành lời

Ho lao vì không được khóc

La hét cho đủ hơi...

Dạ người   ho lao ốm yếu

Chào đón anh hùng được không ?

— Thưa anh hùng

Thưa anh hùng to lớn như người ngoại quốc

Thưa anh hùng sang trọng như dân Mỹ Châu
Thưa anh hùng của dân tộc
Quê hương anh hùng ở đâu ?

Thưa anh hùng nói gì tôi không hiểu
Anh hùng vừa nhắc đến Việt Nam à
Anh hùng cười gì tôi không hiểu
Hãy cảm ơn anh hùng bắt tay chúng ta

Còn mẹ, mẹ Việt Nam cũng cảm ơn chứ
Cảm ơn đi mẹ
mẹ có con được  tôn anh hùng
Mẹ hãnh diện lắm không.

Ôi tôi chóng mặt, tôi mửa ra máu
Việt Nam khốn khổ ơi !
Việt Nam chiến tranh, vô phước ơi !

Chào đàn kiến tha mồi trong đêm
Chào ghế bàn, chào cơm nguội
Tụi bây có biết  anh hùng không ?
Tôi thật là mất dạy.

THÁI LUÂN

chuyện thời chiến tranh pháp-việt

chơi xỏ

thằng ma-rốc-can-h chơi xỏ
nó nói tao chỉ bắn những thằng Việt Nam nào
trung người có máu đỏ
và mỗi ngày nó bắn một trăm người một ngàn người
thằng ma-rốc-can-h chơi xỏ
vì máu ai không đỏ
máu của những con người
bị nó bắn chết tươi

đòi thoại

dạ thưa ông tôi là người quốc gia
vì tôi yêu nước yêu nhà
vì tôi muốn xứ sở tôi độc lập
vì tôi muốn anh em tôi cầm sắt vui hòa
dạ thưa ông ông nói ông sang đây để giúp
những người quốc gia
xin ông đừng bắn tôi mà
thằng việt-nam nói với thằng ma-rốc-can-h như thế
trong một chiều trên bãi tha ma
à mày yêu nước hả
tao bắn mày chết cha

lời le clerc

hỡi thằng dân Việt-Nam
mày sẽ có tự do
bây giờ thì cái còng

hỡi thằng dân Việt-Nam
mày sẽ có dân chủ
bây giờ Nguyễn-văn-Tâm

hỡi thằng dân Việt-Nam
mày sẽ có nhân quyền
bây giờ tao hộ nghiêm
— NGHIÊM !

hỡi thằng dân Việt-Nam
mày sẽ có tự quyết
bây giờ tao là LE CLERC

hỡi thằng dân Việt-Nam
mày sẽ có hòa bình
bây giờ cho quả bom
(ăn đi con !)

tam đoạn luận

chính quyền là của nhân dân
nhân dân là ông Ngô-đình-Diệm
chính quyền là của ông Ngô-đình-Diệm

chính quyền là của ông Trần-văn-Hữu
chính quyền là của ông Nguyễn-văn-Tâm

dạ thừa ông cũng theo tam đoạn luận
chính quyền là của thực dân

ông này

ông này là ông thánh
không phải người Việt-Nam

mặc dầu tắm thân ông
do cha sinh mẹ dưỡng
bát cơm hầm mắm cà
nuôi ông thành khôn lớn

kể ông cũng khôn ngoan
làm Việt-Nam chi đại
khi thẳng Tây tới hỏi
tay cầm súng gườm gườm
ê mày là Việt-Nam
ông xềnh xang đáp lại
dạ thừa ông không phải
tôi là thánh ông ời
nhờ ông khéo trả lời
nên đời ông sống mãi

nhưng cái nghĩa thịt xương
tình cây da bến cũ
ban đêm ông nằm ngủ
ông nhớ mẹ nhớ cha
ông nghe mùi mắm cà
thoảng ra từng hơi thở

khi ông còn hơi thở
ông còn là Việt-Nam

bán

à bây giờ mày đã nghèo rồi
mày có cái gì mày bán tao mua

dạ thưa ông tôi có ngôi nhà
của ông cha để lại

ờ mày bán tao mua

dạ thưa ông tôi có chiếc nhẫn vàng
của vợ chồng kỷ niệm

ờ mày bán tao mua

dạ thưa ông tôi có cái nồi đồng
để nấu cơm hàng bữa

ờ mày bán tao mua

dạ thưa ông tôi không còn một thứ gì
đáng giá một đồng xu

kìa kìa mày còn có cái gì mang giữa ngực
mày bán, tao mua

dạ thưa ông cái này không bán được
đó là bài thơ

giải nghĩa dùm

dạ thưa ông nước chúng tôi độc lập
chính ông đã bảo rồi mà

dạ thưa ông sao ông còn cướp của

dạ thưa ông sao ông còn đốt nhà

dạ thưa ông sao ông còn nướng chả

dạ thưa ông sao ông còn hãm đàn bà

dạ thưa ông vì sao tôi không hiểu

dạ thưa ông xin ông giải nghĩa dùm

DẠ GIAO ĐĂNG

kiêm minh

ĐƯỜNG SÔNG, NÉT NÚI

TUYÊN, em họ tôi đến thăm tôi hôm qua. Bước vào nhà, chưa kịp ngồi xuống ghế đã nói :

— Em vừa ở Huế vào đây ? Em có về làng. Vui lắm.

Tôi ngạc nhiên :

— Vui à ? Vui sao ?

— Vui lắm.

Khi Tuyên nói « vui lắm », lần nữa thì tôi mới sực nhớ hai chữ « vui lắm » là « ngôn ngữ tắt » của Tuyên. Tuyên thường nói « vui lắm », và chữ vui đó không có nghĩa là vui. Hai chữ « vui lắm » mà Tuyên thường dùng trong câu nói của mình là cũng như một cái khịt mũi hay một cái tăng hăng vậy thôi.

— Sao ? có về làng à ?

— Em có về làng. Vui lắm. Anh biết làng mình bây giờ có bao nhiêu dân không ? Năm người. Vui lắm.

Và Tuyên kể tên của năm người dân đó rồi tỉnh bày tiếp :

— Cả năm ông tóc tai đều bạc cả, ông ít tuổi nhất cũng đến 60, nhưng cả năm đều còn mạnh. Họ gần như sống trên đảo hoang... Vui lắm. Họ còn làm được ruộng và còn bắt cá được. Họ chỉ làm đâu được hai mẫu để đủ ăn thôi, còn bao nhiêu thì bỏ hoang. Vui lắm. Họ sống trong đình và trong chùa.

Cả làng mình bây giờ chỉ còn có hai con trâu thôi, vui lắm.

Tuyên nhớ đến đâu thì nói đến đấy cho nên những sự việc và hình ảnh mà Tuyên trình bày rất lộn xộn. Tôi thấy

không thể trách Tuyên về các lỗi trình bày đó.

— Anh biết không ? Hai con trâu một con là cái một con là đực. Điều này thật quý cho năm người dân của làng mình. Anh biết vì sao mà em nó là quý không ?

Mỗi lần con trâu cái sinh ra một con nghé thì rồi có thêm được một con trâu nữa.

ĐẾN đây, tôi hãy tạm ngừng kể về những điều Tuyên nói để trình bày đôi giòng về làng tôi.

Làng tôi nhỏ, nghèo, có một con sông nhỏ chảy qua, sông nước xanh trong, hai bên bờ có tre và trong tre có gió. Từ làng, nhìn về phía mặt trời lặn, phía nguồn của con sông thấy được những đường nét của núi. Mùa xuân, mùa hạ, những đường nét của dãy Trường Sơn trông rất rõ. Về mùa thu và mùa đông thì đường nét của núi mờ mờ, có nhiều khi không thấy !

Làng tôi như đã nói, rất nghèo. Ruộng đất ít và ruộng đất thì cày lên sỏi đá. Rất nhiều gia đình tìm lên thành phố. Tuy nhiên số người ở lại với làng không phải là ít. Và như thế ruộng vườn vẫn vui, xóm làng vẫn êm ấm.

Nhưng đó là chuyện ngày xưa. Bây giờ thì, như Tuyên đã cho biết, làng chỉ còn năm ông già và hai con trâu.

Làng tôi hiện thuộc trong một vùng có thể gọi là vùng đệm. Vùng đệm này có không phải do một thỏa ước hay

quy chế nào cả mà vì đó là một cái vùng mà dân chúng chẳng còn bao nhiêu, lại chỉ toàn là những người già, những người đã sống vượt quá xa cái thời cầm súng. Những người già đó tuy họ còn làm ruộng được đấy, nhưng họ đâu đủ sức để làm nhiều mà có vấn đề ai ngại mùa màng lụt, vào tay ai để có vấn đề khác. Thêm nữa, cái vùng này không có cái gọi là địa lợi, đó là cái vùng không có duyên với những người cầm quân.

Chính vì hai lẽ trên mà có vùng đệm này. Vùng này đâu chỉ gồm có năm hay sáu làng gì đó thôi.

Trong năm sáu làng đó, hiện sống những ông già tóc bạc không hiểu nhờ đâu mà vẫn mạnh khỏe để có thể sinh hoạt không thua gì thời trai tráng. Có lẽ nhờ giòng sông trước mặt, gần gũi, và những nét núi ở chân trời, xa xôi,

Những người đó họ không muốn rời nơi chôn nhau cắt rốn. Như là họ không thể thở được cái không khí nào khác hơn là cái không khí của xóm làng nơi họ sinh ra, lớn lên và đang già.

BÂY giờ thì tôi trình bày tiếp về những điều Tuyên kể :

— Làng mình bây giờ không có xóm nữa, vui lắm. Tất cả năm ông già đều ở chung với nhau trong ngôi đình làng. Họ cày ruộng, cấy lúa, gặt lúa, làm cho lúa thành gạo, nấu cơm, bắt cá, nuôi gà nuôi vịt và đỡ đẻ cho trâu.

Tuyên ngừng lại một lát. Tôi định hỏi Tuyên một vài chuyện, nhưng tôi cứ im lặng. Tôi muốn để cho Tuyên nhớ gì nói đó.

— À, phải nói cho anh rõ là trong đời em, em đã được trải qua một ngày rất quý giá... Đó là ngày con trâu cái trong làng mình lần đầu tiên sinh con. Đó là ngày mừng 5 Tết vừa rồi, ngày lễ Đống Đa đỏ. Con trâu nó đẻ trước sân đình, dưới cây đa già. Khi đó vào buổi chiều, trời hơi lạnh.

Có tất cả 11 người đứng và ngồi bao quanh con trâu đang đẻ : năm người dân quyết sống « cổ thủ » với làng mình, em và mấy bác mấy chú ở thành phố về thăm làng, tất cả là 11 người. Chưa bao giờ em thấy một sự sinh đẻ đầy kỳ diệu đến thế. Sự sinh đẻ nó làm cho làng mình đứng giây, vươn vai.

Khi con nghé lọt ra hoàn toàn xong, mẹ nó đưa lưỡi liếm mắt liếm mũi, liếm thân hình con và con nghé lúc đó cho vang lên tiếng kêu the the dễ thương làm sao ! Mọi người có mặt lúc đó không ai bảo ai mà tất cả đều im lặng.

Khi này có tiếng động cơ máy bay trên trời. Mọi người nhìn lên một chút thấy có hai phi cơ bay ngang rất mau. Cũng nghe có tiếng súng nổ không xa lắm. Có lẽ vì là đang vào những ngày đầu xuân và có lẽ vì bận quán sát những sợi lông tơ mềm mại trên mình con vật vừa ra đời cho nên chuyện động cơ máy bay, chuyện tiếng súng người ta coi thường.

Chuyện của người em họ của tôi kể nghe buồn mà vui, vui mà buồn.

LÚC này có một người đàn ông đi vào nhà tôi để hỏi giờ. Tuyên

ngừng kể. Khi người đàn ông đi ra, tôi nói với Tuyên :

— Đó là ông Tư ở bên cạnh. Bảy giờ là 9 giờ sáng, đã đến giờ ông ấy đi làm. Ông ấy làm nghề... đánh cờ thế. Ừ, làm nghề đánh cờ thế.

Tôi kể cho Tuyên nghe hôm nọ vì một việc chẳng lành, ông Tư bị dẫn vào một bót Cảnh sát. Người ta hỏi ông tên tuổi và nghề nghiệp. Ông Khai tên tuổi và nghề nghiệp ra.

« Tôi làm nghề... làm nghề đánh cờ thế ».

Trong căn cước của ông Tư nơi chỗ nghề nghiệp ghi hai chữ « làm ruộng » nhưng ông lại nói ông làm nghề đánh cờ thế, vì vậy mà người cảnh sát thư ký phải lấy làm bối rối. Cuối cùng, sau một hồi suy nghĩ, người cảnh sát thư ký biên nơi chỗ nghề nghiệp của ông Tư là : làm vườn. Ông Tư liếc nhìn vào cuốn sổ, đọc thấy thế, hơi lấy làm buồn. Ông Tư sau khi về nhà đã kể lại chuyện đó bằng một giọng điệu đầy phàn nàn.

Biết sao mà mình kể cho Tuyên nghe chuyện đó không ? Mình nghĩ rằng nếu ông Tư được chứng kiến sự ra đời của con nghé đó, chắc là ông sung sướng vô cùng.

Tuyên im lặng nghe tôi nói. Chắc là Tuyên đang thấy lại cái cảnh trâu đẻ vào chiều mừng năm Tết, dưới cây đa già trước sân đình làng.

TUYÊN lại kể tiếp :

« — Sân đình làng khi đó thật là vui và khi đó em nghe có những

tiếng xôn xao kỳ lạ trong không gian, vui lắm. Đó là tiếng gió mùa xuân trên quê hương. À, phải kể cho anh nghe nhiều điều nữa. Em đã nói với anh là năm ông già trên quê hương ta làm đủ mọi việc, từ cày ruộng, cấy lúa đến dỡ để cho trâu, sấu sóc nghe. Còn mấy việc họ làm nữa mà bây giờ em mới nhớ. Họ thường đi thăm những ngôi mộ tổ, họ thay phiên đánh chuông chùa và thắp nhang trong các nhà thờ họ, nhà thờ chi, nhà thờ nhánh vui lắm.

Một ông già — ông này mình gọi là bác họ, ông có hỏi thăm anh — đã nói với em :

— Có tiếng chuông vang lên, mình thấy làng mình bớt hoang vu.

Ông bác họ này dễ thương quá anh ơi ! Ông học ít mà ông ăn nói nghe thật hay. Có một đêm — em ở lại làng mình đến một tuần lễ — em nằm bên ông nghe ông nói chuyện làng, chuyện nước mà mình phát khóc, khóc mà không buồn khổ.

Ông bác đã cho em biết mấy lâu nay việc chép gia phả bị đứt đoạn. « Cần phải chép gia phả. Đề biết ai sống ai chết, chết tại đâu, để biết con cháu đứa nào lấy vợ lấy chồng sinh con đẻ cái như thế nào. Cần lắm ».

Ông bác nói thế rồi tiếp, giọng buồn rầu. Nhưng, lúc này chép gia phả khó lắm. Bởi vì chú bác cô dì anh em chị em, con cái cháu chắt lúc này ở mỗi nơi vài người vui lắm. Đó là chưa nói đến chuyện nhiều khi ở gần nhau mà không biết nhau.

Ông bác còn muốn trình bày tiếp về chuyện chép gia phả nữa, nhưng vui lắm, ông ngừng lại rồi nói nhỏ nhỏ, gần như là nói thầm chỉ để cho một mình mình nghe : « Thôi, để nói chuyện khác ».

Và ông bác ông nói qua chuyện khác nhưng rồi « chuyện khác » ông cũng chỉ nói được nửa chừng thôi đề rồi lại tự đề nghị nói qua chuyện khác cũng phải thế, nghĩa là cũng phải ngừng lại ở nửa vơi, vui lắm.

TÔI nghĩ thời chiến tranh, có nhiều chuyện không thể nói cho trọn vẹn được, bởi vì thường thường đang nói nửa chừng thì nghe nghèn nghẹn trong cổ họng.

Đêm đó, Tuyền tiếp, em và ông bác cho đến gà gáy sáng mới nhắm mắt. Anh biết không, em bắt đầu ngủ khi ngoài sân đình con nghé thức giậy kêu lên mấy tiếng trước khi tìm vú mẹ. Lúc này xa xa có những tiếng súng lớn gầm lên. Những tiếng súng gầm lên khá lớn nhưng chúng vẫn không làm khóa lấp được tiếng « lấp nhấp » ngon lành của con nghé đang bú sữa mẹ lúc trời sắp sáng.

Tuyền ngừng lại ngồi im trên ghế. Những ngày về sống với làng, người em họ tôi đã được thấy và được nghe rất nhiều hình ảnh và âm thanh kỳ diệu của quê hương, những hình ảnh âm thanh đó đã chất chứa đến đầy trong tim óc Tuyền làm Tuyền không thể nào mà kể ra cho hết được trong một buổi sáng.

Tôi nghĩ chỉ riêng một tiếng lấp nhấp vang lên trước sân đình khi con nghé mút vú mẹ cũng đã đủ để chiếm cả tâm hồn Tuyền rồi. Tôi sẽ nhớ mãi câu nói của người em họ tôi : « Những tiếng súng gầm lên, khá lớn nhưng chúng vẫn không làm khóa lấp được tiếng « lấp nhấp » êm dịu của con vật nhỏ bé.

Tôi đang lắng nghe tiếng « lấp nhấp » êm dịu đó. Và thấy trời sáng trên quê hương.

Tháng 3.66.

thiếu sơn

NHÀ VĂN PHẢI LÀM GÌ ĐỂ giữ thơm quê mẹ ?

MỞI đây, một sinh viên văn khoa lại kiếm tôi đề phỏng vấn nói là đại diện cho giáo sư và những anh em cùng lớp muốn hỏi tôi về một vài vấn đề liên quan tới văn học thời tiền chiến.

Tôi không mấy thích nhắc lại những chuyện xa xưa, nhưng vì không muốn phụ lòng một người bạn trẻ tôi không thể không nói lại cho anh nghe những cái mà anh muốn biết ở một thời đại mà anh cần nghiên cứu.

Anh muốn biết những động cơ đã thúc đẩy cho tôi lựa nghề văn, vì sao tôi đã lựa bộ môn phê bình, những bước đầu của một nhà văn hồi tiền chiến và những cuộc bút chiến mà tôi

có tham dự về duy tâm và duy vật, nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị nhân sinh v.v...

Tôi không có ý viết lại đây cuộc phỏng vấn vì việc đó là việc của người tới phỏng vấn chứ không phải là việc của kẻ bị phỏng vấn. Nhưng hơn ôn lại những chuyện xưa với người bạn trẻ tôi như tỉnh giấc mơ mà nhớ tới một vài kỷ niệm, rút ra được một vài kinh nghiệm, có thể có bổ ích phần nào cho những người cầm bút ở thế hệ hôm nay.

TRƯỚC hết, tôi nhớ lại cái không khí và hoàn cảnh của xã hội Việt Nam hồi 40 năm về trước.

Tôi sống trong một gia đình trung lưu. Cha tôi là một công chức. Cha tôi mua năm «*Đông Dương tạp chí*» rồi kế tiếp mua «*Nam Phong*». Vốn học ở nhà trường tôi rất ít nên đọc những tạp chí nói trên tôi thấy rất có hứng thú và coi như những sách học của tôi. Những nhà văn có tên tuổi hồi đó tôi coi như là những ngôi sao Bắc Đẩu, lấy các ông làm kiểu mẫu và coi các ông như bậc Thầy. Tôi thấy rằng tôi không bao giờ có thể đứng ngang hàng hay vượt cao hơn những ngôi sao đó. Tôi khổ luyện để viết nên được những bài văn và tôi sung sướng khi tôi thấy văn tôi được đăng trên báo, bút hiệu của tôi được đề gần với những bút hiệu của những ông thầy. Tôi càng thành công bao nhiêu, tôi càng thỏa mãn bao nhiêu, tôi càng thấy tôi cách biệt với xã hội bên ngoài và không mấy quan tâm đến những phong trào tranh đấu của dân tộc. Năm 1930 có cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng, một số liệt sĩ phải lên đoạn đầu đài. Tôi cũng xúc động như một phần lớn nhân dân đã xúc động. Nhưng tôi chê họ không thức thời và đã «*vọng động tự khi*.» Tôi còn ngang nhiên viết lên tạp chí *Nam Phong* đề nói lên những ý kiến của tôi. Bấy giờ người ta cho những ý kiến đó là phản động nhưng hồi đó tôi đâu có biết tôi phản động. Tôi đã đi đúng đường lối của những ông thầy và cho như thế là phải.

HỒI đó, tôi cho rằng văn chương là một cái gì cao quý, không thể đánh giá bằng tiền bạc nên không

bao giờ tôi đòi tiền nhuận bút và cũng không bao giờ người ta trả tiền nhuận bút cho tôi. Nhơn đó mà tôi nghĩ rằng phải có một nghề thứ hai để nó nuôi sống nhà văn. Tôi thi vô làm thư ký sở Bureau Điện và đổi vào làm việc ở trong Nam. Lần lần tôi làm quen được với những ông Phan Khôi, Đào Trinh Nhất, Bùi thế Mỹ, Diệp văn Kỳ...

Tôi giao thiệp với ông Phan Khôi nhiều nhứt và chính ông đã nâng đỡ tôi rất nhiều khi tôi bắt đầu viết ở *Phụ nữ Tân văn* và viết một loạt bài «*phê bình nhân vật*». Ông Phan đã sửa chữa những vụng về trong câu văn của tôi nhưng chớ hề ông bắt tôi phải có những nhận định theo ông. Ông hoàn toàn tôn trọng tư tưởng của tôi. Nếu ông không đồng ý thì ông viết bài thương xác. Nhờ thế mà tôi thấy tôi đã gỡ bỏ được phần nào sự lệ thuộc tư tưởng đối với những người tiền bối. Tôi thấy tôi phải đào sâu tư tưởng của tôi và viết ra những cái gì do đầu óc mình nghĩ ra hơn là nhai lại những tư tưởng của kẻ khác. Tôi bắt đầu tin ở tôi và lấy làm thích thú khi thấy ông Phan Khôi đã gia cho ông Phạm Quỳnh một danh từ «*học phiệt*».

Nhà quân phiệt lấy võ lực bắt người ta phải theo mình thì nhà «*học phiệt*» cũng lấy địa vị độc tôn của mình trong học giới và văn giới để bắt người ta phải đi theo đường lối của mình. Lúc đó tôi chưa nhận ra đường lối của ông Phạm Quỳnh nhưng tôi thấy rằng tôi có thể nói khác và nghĩ khác ông. Ông không còn là ngôi sao Bắc Đẩu của tôi nữa, mặc dầu tôi vẫn kính trọng ông. Càng gần ông Phan Khôi

tôi càng thấy tôi có thể đi xa hơn được và sẽ tự tạo cho mình một địa vị trên văn đàn. Tôi không cam tâm làm học trò của ai nhưng vẫn chưa dám làm thầy ai cả.

TUY nhiên, tôi vẫn sống trong «tháp ngà» và lấy làm hãnh diện được góp mặt trong làng văn, làng báo. Tôi vẫn cho rằng con nhà cầm viết phải có cái gì đặc biệt hơn người. Điều kiện tối thiểu là phải có văn tài mới được phép cầm viết. Chính do quan niệm đó mà tôi chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật và đứng trên lập trường duy tâm trong cuộc bút chiến với những ông Hải Triều, Hoài Thanh, Phan Khôi mà bây giờ anh em sinh viên văn khoa còn phải nghiên cứu và học tập.

Tôi cho rằng trời đã phú bẩm cho nhà văn những thiên tư đặc biệt và chính nhà văn còn phải khổ luyện rất nhiều mới tạo nên được một sự nghiệp văn chương. Phải viết cho đúng chánh tả, phải cân nhắc giá trị từng câu, từng chữ, phải diễn tả hợp lý, hợp tình, tóm lại phải hoàn thành một tác phẩm văn chương trước đã, việc phục vụ nhân sinh chỉ là việc thứ yếu mà thôi. Có thể có những tư tưởng hay, ý kiến đẹp mà viết bừa bãi, bậy bạ, văn bất thành cú thì sao gọi là văn chương cho được. Hồi đó, tôi cho là tôi có lý, nhưng cũng vì quan niệm đó mà tôi trọng hình thức mà coi rẻ nội dung. Mà một khi đã coi rẻ nội dung thì mình chỉ viết để thỏa mãn cho riêng mình, để dương danh với thiên hạ, để củng cố địa vị mình trong làng văn chứ mình

không thấy trách nhiệm của mình đối với nhân dân và xã hội.

CÁI «tháp ngà» mà tôi đã giam mình vào đó một cách thỏa mãn chính cuộc cách mạng tháng 8/45 đã phá vỡ giùm tôi. Từ đó tôi mới thấy làng văn không phải là một khu biệt lập mà tao nhân mặc khách có thể sống cách biệt với đời để làm nơi tiêu sầu giải muộn cho một hạng người phong lưu no đủ vì luôn luôn thỏa hiệp với chế độ và chánh quyền. Chế độ thực dân, chánh quyền bảo hộ coi họ là những người không nguy hiểm, hơn nữa, còn có khi dùng họ để ru ngủ quần chúng.

Tôi cũng bị ru ngủ như ai và khi bừng mắt dậy mới thấy những cái mình đã viết thật không bổ ích gì cho dân tộc, một dân tộc có tinh thần bất khuất, luôn luôn sẵn sàng hưởng ứng tất cả mọi phong trào giải phóng chống xâm lăng. Những liệt sĩ đã bỏ mình vì nước mà tôi dám hạ bút viết là họ đã «vọng động tự khi» thì cây bút đó còn có giá trị gì đâu cho bạn trẻ ngày nay phải học tập?

Tôi đã đi kháng chiến nhưng đi kháng chiến trễ hơn người ta nhiều. Tôi năm 1949 tôi mới vô bưng và nhận định rằng chỉ độ 1, 2 năm nữa là hết giặc và tôi cũng được tiếng là tham gia kháng chiến như ai. Nhưng tôi đã tính trật và phải ở suốt trong 5, 6 năm trường mới được về đoàn tụ với gia đình. Trong thời gian đó tôi mới học tập được những bài học gian khổ và hy sinh. Nhưng thật ra tôi đã chịu đựng ít hơn mọi người và kẻ như

không có hy sinh gì cả. Chính vì thế mà tôi thấy nếu tôi còn cầm viết được tôi sẽ phải viết những gì khác hơn những cái tôi đã viết trước kia. Tôi phải nói lên đức hy sinh, lòng ái quốc, tinh thần bất khuất của dân tộc để phản ánh một phần nào giai đoạn lịch sử mà tôi đã chứng kiến. Giáo sư Prétou, một chiến sĩ xã hội đã từng tranh đấu cho nền độc lập của dân tộc Việt Nam đã viết cho tôi một bức thư trong có nói những lời này : *« Chúng ta đã hợp sức nhau lại để viết nên những hàng chữ huy hoàng với những bàn tay không đẫm máu nhưng chúng ta vẫn biết kính trọng những giọt máu đã đổ ra ».*

Giáo sư là người Pháp ông cũng biết thương xót những thanh niên Pháp đã ngã gục trong trận giặc như bản ở Việt Nam. Nhưng ông không tán thành trận giặc như bản đó của bọn thực dân Pháp nên những giọt máu mà ông nói trên đây chính là những giọt máu anh hùng của người Việt Nam đã đổ ra để giữ nước, giữ làng.

Một người Pháp có tư tưởng xã hội mà có thái độ như thế.

Huống chỉ một người Việt Nam, hơn nữa lại là một con người cầm bút, không thể có một thái độ khác được. Tôi thành thật nói trên đây những sai lầm của tôi, chưa chắc tôi còn ngày giờ để sửa chữa. Nhưng tôi cứ phải nói ra để thế hệ trẻ sửa chữa giúp tôi. Và như thế cũng là để « giữ thơm quê mẹ ».

Ở một trường trung học công lập một nữ giáo sư đã trích văn tôi để dạy vào giờ « Việt Văn ». Học trò hỏi tiểu sử của tác giả thì cô giáo nói rằng : « Tác giả sanh vào cuối thế kỷ XIX và đã chết rồi ».

Tôi có thuật lại chuyện đó với anh sinh viên đến phỏng vấn tôi vì anh tỏ vẻ băn khoăn nếu tôi chết đi thì không biết hỏi ai những gì anh không kiếm được ở trong sách.

Nhưng anh khỏi cần phải băn khoăn vì những gì tôi đã nói ra với anh đều không bỏ ích bằng những lời tự phê ở trên đây vì do đó các bạn sẽ tránh được những sai lầm nghiêm trọng của một số nhà văn thời tiền chiến.

giữ thơm quê mẹ

NGUYỆT SAN PHÁT HUY VĂN NGHỆ DÂN TỘC

càng ngày càng khởi sắc

số 11 phát hành 1-5-1966

duy lê

TIẾNG HÁT

TRÊN ĐU'ÔNG VŨ BÃO

truyện Alger — 1950

NĂNG tắt, và gió mạnh bỗng về
từng luồng nghe rõ, đưa hoàng
hôn cùng về.

Alger tối dần trong khoảnh khắc.

Ngồi ở đây, thấp bên trong cửa sổ,
Mellie chỉ có thể thấy nền trời Alger
đóng khung trong một hình vuông
vẫn. Một đường mây trắng giăng chênh
ở bên trên. Một hàng cao thấp không
đều những ngọn cây xanh đen, nhô
lên từ phần dưới cùng bệ cửa. Cả mây
và cả cây, hình như cùng giao động.

Một vì sao... hai vì sao... ờ ! đúng
rồi, chỉ có hai: một lu và một sáng,
hiện lên trên nền trời xám nhạt...

Một tiếng trẻ khóc, nhiều tiếng vó
ngựa, tiếng máy xe, tiếng người đi, và
xa hơn, tiếng kèn binh từ một đồn
quân Áo.

Không có gì lạ cả : chỉ là một buổi
chiều quen thuộc.

À mà không, hình như còn có một
tiếng gì khác nữa, đang vọng rõ trên
đường.

Mellie rời khỏi chỗ ngồi. Và nàng
biết ngay đó là tiếng giày của một toán
tuần quân Áo. Nàng nghe rõ cả tiếng
vũ khí lách cách bên mình họ.

Alger dạo này quả đã khó thở thật
rồi !

Nàng sẽ thở dài. Một ý nghĩ không
vui vừa chọt đến với nàng.

Trở về chỗ ngồi, nàng cầm lại chiếc
bít-tết rách đang khâu dở.

Bữa cơm chiều nàng đã làm xong từ
sớm, lúc nắng còn đọng sáng chiếu

thánh giá trên nóc nhà thờ bên kia đường.

Bây giờ thì chỉ còn đợi Wutler.

Xế nay, khi đi làm, anh đã bảo là anh phải về muộn trong tối nay. Nàng hiểu được, anh sẽ đi đâu, và làm gì, trong buổi chiều về muộn này, sau giờ tan xưởng.

Vì thế, mà tiếng giầy đinh, tiếng vũ khí, đã xa rồi, nhưng những vẻ mặt đanh ác của những tên quân Áo, nàng vẫn cứ còn thấy trên mặt bí tất rách.

Và nàng lại thở dài...

Thấp về phía sau nàng, sát lò sưởi, bé Polski đang cặm cuội viết trên chiếc ghế con nắn nét từng chữ.

Không quay lại nhìn, nàng cũng biết con nàng đang viết gì. Chiếc mồm xinh xinh của bé cứ mỗi một chữ viết xong lại nhắm đọc chữ mình sắp viết.

Nàng biết bé vừa viết xong chữ «lĩnh diệu». Và bây giờ thì bé đọc lên chữ «Hỡi». Chắc hẳn chữ sắp tới mà bé sẽ đọc là chữ «Nghệ sĩ».

Nàng có lạ gì cái tác phẩm ấy đâu. Nó là một thi phẩm, là một bản hùng ca tha thiết như lời trời cuối cùng của người lính chiến gục xuống ở chiến trường và mạnh như tiếng thét xung phong giữa trời lửa đạn. Giận hờn, và thương yêu, và tin tưởng phẫn đấu của đất trời Phi châu đã un đúc nên nó và tung nó đi, sâu vào nơi sâu kín nhất của lòng người dân Algérie nô lệ.

Nàng đã thuộc lòng từng giòng, từng chữ. Wutler cũng thế. Và chính Bolski cũng đã có thể đọc lâu không vấp. Hôm nay bé còn chép lại thì chắc là

bé chép đề tặng một cậu bạn nào đó của bé thôi. Không biết đã là lần thứ mấy, bé làm cái việc này.

Bé chưa đầy mười tuổi đâu. Đã đến trường từ năm kia. Nhưng lại không ham học những bài bằng Áo ngữ. Mà chỉ ham học thuộc lòng những bài thơ, những bản hát, của tiếng nói quê hương gần gũi.

Đang viết, nghe mẹ thở dài, Bolski ngừng viết, ngừng lên nhìn. Không thấy mẹ nói gì, bé lại cúi xuống tiếp tục viết.

Chiếc bút tất trên tay Mellie đã lạnh lặn.

Wutler vẫn chưa về. Đồ ăn có lẽ đã nguội cả rồi.

Nàng vươn vai, muốn đứng dậy; nhưng nàng chợt nghe Bolski buông viết, rồi cầm lại viết, và lên giọng đọc, từ chữ đầu. Hẳn là cậu muốn dò lại đoạn thơ vừa viết.

Nàng thôi không đứng dậy. Nàng muốn trong lúc này, ngồi im nghe con... hát. Hát, ừ, Bolski đã chuyển giọng hát chứ không phải đọc :

« Đừng ai nhẹ dạ

Mà dám gọi khúc đàn to

Từ nay, kẻ mang cây đàn ly tao trong tay

Có một trách nhiệm nặng nề... »

Bé bỗng ngừng lại, chấm bút vào mực. Có lẽ bé sửa một chữ sai.

Rồi bé lại tiếp :

*... « Nếu anh đến, chỉ cốt ca ngợi
Những khoái lạc, sâu tư riêng rẽ*

*Thì cuộc đời chẳng đợi gì nơi anh
Thà vứt bỏ cây huyền cầm linh diệu
Hỡi nghệ sĩ !
Hãy tiến lên cùng dân tộc
Qua lửa khói và bão táp... »*

Bé lại dứt tiếng hát.

Và nàng chợt nghe bé quay mình,
đặt tay lên vế nàng, lay gọi :

— Mẹ này !

Nàng xoay lại.

— Mẹ giải cho con biết chữ « nghệ sĩ » đi ! Mẹ ! « Nghệ sĩ là gì ? »

— « Nghệ sĩ » ? Đề mẹ nghĩ xem...
« Nghệ sĩ » !...Ờ, nghệ sĩ là những người
vẽ tranh cho con xem, viết văn cho con
đọc, làm thơ cho con ngâm, đặt nhạc
cho con hát. . . Và những người đã hát
cho con nghe, đã làm tường cho con
xem ấy nữa. . .

— Như những người ở nhà hát lớn
ấy à ?

— Ừ, họ chính là nghệ sĩ đấy.

Bé lại hỏi, giữa vòng tay mẹ :

— Thế bác Petofi cũng là nghệ sĩ
phải không mẹ ?

— Phải rồi con trai mẹ chóng hiểu
lắm ! . . . Thôi con viết nốt đi đề mẹ đi
xem lại đề ă.

Nàng đứng dậy. Bolski hình như còn
có điều gì chưa thỏa mãn. Thấy mẹ
sắp đi, bé vội hỏi :

— Còn mẹ, mẹ có phải là nghệ sĩ
không ?

Mellie bật cười thành tiếng vì
câu hỏi của con. . . Nàng nhìn lại bé,
và khi thấy bé tiu ngử vì tiếng cười
của mình, nàng cúi xuống hôn lên

tóc con :

— Sao con lại hỏi vậy ? Mẹ là nghệ
sĩ thế nào được ?

— Thì mẹ cũng kể truyện xưa cho
con nghe; cũng hát ru con ngủ đó nà ?

À ra vậy. Nàng bỗng cảm thấy câu
đáp của nàng trở nên khó. Nhưng rồi
nàng cũng đáp :

— Ờ; ờ phải rồi; mẹ cũng là... nghệ
sĩ. Nhưng chỉ là nghệ sĩ với Bolski
thôi !... con bằng lòng chưa ?

Nàng lại hôn bé. Xong, nàng đi.

Và tự nhiên nàng mỉm cười.

Còn lại một mình, Bolski lại khẻ hát
tiếp đoạn bỏ dở. Sau bữa, Mellie cũng
nghe được cái giọng vui vẻ của con
nàng :

*«Đáng rửa xả thay kẻ nào ngừng lại
Nghỉ ngơi trong bóng tối*

*Toàn dân hãy chờ chờ hỡi, đau khổ và
chiến đấu...»*

BOLSKI thức giấc trong một tiếng
sét dữ dội; nồm gần đâu đây và
rền lan xa xa; xa về hướng gió đang
tràn đi vun vút.

Trời đã sáng. Nhưng không có nắng
mà chỉ có mưa gió loạn cuồng.

Gió dữ quá. Và mưa thì nhiều đến
động ngập con đường rộng sau nhà.

Bé không thấy cha bé đâu cả.

Đêm rồi cha bé về muộn quá. Bé đã
phải ăn cơm trước một mình; và đi ngủ

trước khi cha bé về.

Hình như lúc ấy đã khá khuya; cha bé còn nói chuyện gì với má bé lâu lắm, mới đi nằm. Trong mơ màng, bé nghe dứt quãng có những tiếng gì như tiếng «biều tình»... «giải phóng»... «nô lệ»... Lại nói đến cả quân Áo và bác Petofi. Lại thật! Trưa nay bé phải hỏi cha mới được. Và phải xin cha dắt đi xem bác Petofi thôi! Cha cứ hẹn mãi làm bé chẳng biết bác ấy ra làm sao cả... Ờ, bác ấy ra làm sao nhỉ?! Mẹ bảo bác ấy chỉ mới 25 tuổi thôi, còn nhỏ hơn cha những 5 tuổi. Mà sao bác lại giỏi?! Và lại làm được bài thơ hay?!... Nhiều không biết là mấy bài nữa... Để xem... «Đứng lên hơi dân Algérie» này, «Một ý tưởng dày vò tôi không dứt» này...

Mellie đang đứng lặng bên cửa sổ, trông ra ngoài chấp chùng mưa gió.

Biết Bolski đã dậy, và đang đến phía sau mình lắm lắm gì như đang tính một bài toán nhảm, nàng cũng không quay lại để hôn lên cái dễ yêu đó của bé. Đang có một niềm vui lớn, và một phần khởi chưa hề có, lẫn với pháp phồng lo ngại trong tim nàng.

Khuya nay, Wutler về đã đem theo về niềm vui và phần khởi đó cho nàng. Và sớm nay, Wutler lại đi, với bộ quần áo lem luốc vết dầu của anh, đã để lại cho nàng, cùng với chiếc hôn, một lo ngại pháp phồng.

Bởi vì, anh không phải đến xưởng làm. Mà chắc chắn là giờ này, anh đang cùng với Potofi, cùng với bạn bè thân thuộc, cùng với nghìn vạn

người dân Algérie nô lệ, đi trùng trùng điệp điệp ở đại lộ bên kia; dưới mưa này, gió này.

Đi đâu? Và để làm gì?... Ồi Thượng Đế! Xin hãy hiền họ, hãy thương họ, và giúp cho họ thành công! Họ chỉ đi tìm cái sống! Ba thế kỷ rồi còn gì! Ba thế kỷ, Alger này, và nước non Algérie này, có được sống đâu?!. Chết cả nhân phẩm con người! Và héo hắt cả buồng tim là phôi.

— Đau biết bao nhiêu!...

Nàng cúi mặt xuống; khi chợt nói lên lời nói đó. Hình như có nước mắt trong mi nàng.

Nhưng rồi nàng lại ngẩng lên, nhìn ra chiếc thánh giá đang rõ trong mưa; trên nóc nhà thờ.

Và tự nhiên nàng thấy muốn đi qua đại lộ bên kia để mà cùng đi với mọi người, với chồng nàng, trong mưa gió và trước nguy hiểm...

— Mẹ!

Bolski! đã đứng bên nàng từ nãy. Bé khẽ gọi khi thấy mắt mẹ long lanh ướt.

Mellie xoay lại rồi bỗng ngồi xuống trước mặt bé, nắm lấy đôi tay bé nhỏ của bé:

— Bolski! Con có yêu tổ quốc không?

— Tổ Quốc? Tổ Quốc?...

Hình như bé đang cố nhớ để hiểu Tổ Quốc là gì.

Mellie nói ngay :

— Tổ Quốc là thành phố Alger này của con, là miền quê ngoại con, là toàn cả nước Algérie. là tiếng con nói, là chữ con viết, là cha, là mẹ, là thầy...

Bolski ngắt lời mẹ, kêu lên :

— Ô ! Thế thì con có yêu chứ sao không ?

— Giỏi lắm ! Thế con có ghét quân Áo không ?

— Những tên đảng đồn ấy à ? Có, con có ghét. Nó cứ rượt các con...

— Đủ rồi. Bây giờ thì nghe mẹ hỏi câu chót : con có can đảm không ?

— Để làm gì chứ mẹ ? Sao hôm nay...

Nàng ngắt lời con :

— Để ở nhà một mình mà không sợ...

— ?...

— Cho mẹ đi biểu tình... Con nghe chưa ? Mẹ đi biểu tình, với cha con. với bác Petofi, với...

— Ở ! Sao mẹ không cho con cùng đi ?

Mellie nhìn ra trời, rồi nhìn lại con; lắc đầu :

— Mưa to lắm, con không đi được đâu... Bằng lòng đi con, Bolski !

Bolski ngần ngừ, nhưng rồi bỗng gật đầu.

Mắt Mellie sáng lên, nàng vui mừng hôn ngay má bé.

Xong, nàng đứng dậy, với lấy chiếc áo đi mưa.

Nàng dặn con một câu chót. Và ra cửa.

Bolski cùng theo ra cửa. Không phải để đóng cửa theo lời mẹ dặn, mà để trông hút bóng mẹ bằng mình đi trong mưa gió.

Mưa tạt ướt cả áo, Bolski vẫn cố đứng chờ để thấy cho được cái hương ngọt của con đường mẹ đi mù xa trong nước trắng...



KHÔNG ! ... Mấy trăm năm rồi, các người đã nói. Và chúng tôi đã nghe... Bây giờ thì đến lúc chúng tôi nói. Và đến lúc các người phải ra khỏi Alger, ra khỏi lãnh thổ Algérie.

Đó là câu trả lời cho toàn quân Áo đang muốn ngăn lại làn sóng biểu tình bằng mơn trớn ; và là lời cuối cùng, của người thợ máy dừng cầm Wutler.

Bên cạnh thi sĩ Petofi, anh đã thét nên những lời đó. Và súng của những kẻ có súng đã nổ.

Chiếc áo thợ lem luốc những vết dầu lão đảo trong mưa, rồi ngã trên tay những người bạn đồng hành.

Cùng một lúc, đường phố như rung chuyển trong tiếng thét, trong bước chân, tràn đi như thác lũ. Dưới gió mưa cầm hờn đã bốc cháy trong lòng người.

Tiếng súng cầm ngay. Và những tay súng bị bẹp dí ngay trong lòng thác lũ.

Cầm hờn đã đi tới, không gì ngăn lại được...

Bây giờ thì chỉ còn lại Wutler, trong tay một người bạn. Toàn thân anh ướt sũng nước, và loang loang đỏ.

Anh nhìn vòm trời Alger trắng xóa nước. Anh nhìn những chữ màu nổi rõ trên tường. Và anh mấp máy đọc.

« *Sẽ chẳng bao giờ... nó lệ !
Chẳng bao giờ... »*

Và anh mỉm cười.

Bạn anh, không cầm được nước mắt.

— Tôi đưa anh về nhà chứ, Wutler ?

Wutler nhìn bạn và lắc nhẹ đầu :

— Vô ích... anh ! ... Anh nên... Đi lên với các bạn... Đi đi anh !... Đừng để trống... trông lúc này... hàng ngũ cách mạng...

— ...

— Tôi chỉ muốn... nhẵn...

Wutler bỗng ướn mình trên tay bạn. Một tiếng nấc mạnh. Một giọng máu mót bật từ vết thương. Và nước mắt, tuôn tràn theo tiếng gọi :

— Mellie !... Bolski !...



MELLIE đã gục trên thây chồng như thế, không biết bao lâu rồi.

Đau đớn đã lịm nàng dưới gió mưa cuồng loạn...

Ban nãy, nàng đã phấn khởi biết bao nhiêu ! Phấn khởi mà chạy theo tiếng hát đang đồng vọng. Nàng có nghe tiếng súng. Nàng có ngừng chân

trong một khoảnh khắc. Rồi nàng lại chạy lên, tin ở sức mạnh của cả một lớp người.

Nhưng bộ quần áo lem luốc vết dầu đang bắt động bên lề đại lộ này, đã khiến nàng dừng lại.

Đến cuối cùng, nàng gọi thét lên trong gió vút:

— Wutler...

Và cảm nghe cả đất trời run rẩy.

Bây giờ thì nàng đã thôi khóc, đã thôi lay gọi. Nhưng đau đớn vẫn từng hồi thồn thức.

Nàng nghe và mặc kệ, mưa gió vạt vã trên thân nàng. Nàng cũng nghe, gi như tiếng hát, vọng từ đầu phố nàng qua ban nãy... Phải rồi tiếng hát !... Của một lớp người nào đi trễ đây chẳng ? Sao mà nghe trong vút ? !...

... « *Dân tộc hãy vùng lên !*

Tổ-Quốc kêu gọi bạn

Trông giờ này đây, hoặc chẳng bao giờ nữa

Chúng ta sẽ nô lệ, hoặc tự do...

Phải lựa chọn số mệnh ! ...»

Nàng ngừng lên về hướng tiếng hát, rồi từ từ đứng lên. Mắt vẫn không lệch hướng nhìn.

Sao lại có một đám trẻ như thế kia?

Và đưa đi đầu, ờ, đưa đi đầu. sao lại... Thôi rồi ! đúng rồi ! chính Bolski !

— Trời ! Phải làm sao bây giờ ? !...

Nàng đã đột nhiên có ý nghĩ không muốn để cho Bolski thấy cái chết của Wutler, trong lúc này. Nàng biết con

nàng đang vui, đang có một niềm phấn khởi, cũng như nàng lúc nãy, trước khi đến đây. Nàng muốn giữ trọn vẹn niềm vui đó cho con, ít nhất cũng trọn một ngày vĩ đại này...

— Phải làm thế nào bây giờ ?...

Nhìn thấy Wutler, rồi nhìn về hướng Bolski, lại nhìn thấy Wutler.

Cuối cùng nàng bỗng cởi nhanh áo đi mưa. Và phủ nhanh lên người Wutler. Xong, nàng lao đảo đi ngược về hướng Bolski.

Đằng kia, Bolski cũng đã nhận ra nàng. Bé chạy đến. Và ôm chầm lấy nàng, vui vẻ :

— Ở nhà buồn quá, mẹ ! Con rủ các bạn con đi theo mẹ đây... Sao mẹ lại ở đây ? Cha con đâu ? Bác Petofi đâu chẳng thấy ?... Hở mẹ ?...

Mellie nghe tim mình đau nhói. Nước mắt ứa ra, không giữ được. Nhưng trời đã giúp nàng : Bolski chỉ thấy nước mưa trên mặt nàng.

Nàng tránh mắt Bolski, khi đáp :

— Cha con đã đi lên trước rồi. Cả bác Petofi... Đùng lăm ! Vui lăm !...

Nàng muốn nấc lên theo tiếng « vui lăm » của nàng.

— Sao mẹ không đi ?... Đi, mẹ ! Cho các con đi với. Cho các con biết bác...

Bolski bỗng thấy mẹ liếc nhanh về phía sau. Nhìn theo, bé thấy rõ chiếc áo mưa của mẹ đang phủ kín một hình hài.

Và bé hỏi :

— Ai lại nằm kia mẹ ? Họ làm sao vậy ?

Wellie giật mình, đáp vội vàng :

— Ấy, một người chết ! Lạ lăm, mẹ không biết là ai...

— Họ bị quân Áo bắn à ?

— Đùng rồi ! Nhưng thôi, ta đi...

Nàng giữ Bolski bên trái nàng ; và cố che lấp mắt nhìn của bé, khi đi ngang chiếc áo đi mưa.

Cẩn đến đau môi, để nén tiếng khóc, và nén được ; nhưng nước mắt, thì nàng chỉ còn biết ngửa mặt lên, để nước mưa chan hoà...

Bây giờ thì Wutler đã ở phía sau nàng. Nàng buông Bolski, để Bolski đi lên trước, cùng với lớp người măng sứa.

Tiếng hát lại cất cao. Theo nhịp tay của Bolski, theo tiếng chân rầm rập đều trong nước :

*Chúng ta thề trước Thượng Đế, Dân Tộc.
Sẽ chẳng bao giờ nô lệ !
Chẳng bao giờ !...»*

Nàng cảm nghe, có cái gì đang dấy chết dưới mưa gào, gió thét. Và có cái gì đang nẩy nở, lớn lên, mạnh mẽ và hiền hòa, sát bên cạnh thì thể người thợ máy của thành Alger đứng cảm.

Bất giác, nàng cũng cùng cất tiếng hát...

Nhưng rồi, đau đớn lại dồn về tim nàng trong khoảnh khắc. Nàng quay về phía sau, về phía chiếc áo đi mưa, rồi bỗng bùng lấy mặt, nước nở :

— Wutler !...

Gió nức nở theo nàng. Và trời cũng cùng nàng nhỏ lệ.

Và Bolski, không, Bolski vẫn say với tiếng hát, vẫn say với điệp khúc hùng mạnh nhất của loài người :

*«Sẽ chẳng bao giờ nô lệ !
Chẳng bao giờ !...»*

VIII. 1959

hồ hữu tường

CÓC CẦN

NGÀY xưa...

Ở đất Hậu Giang, có chàng họ Võ, tên là Trình Tường, tự là Lân Chỉ, hiệu là Long Giang Ngự Phủ. Vốn con nhà nho, chàng theo nếp của ông cha. Từ sáu bảy tuổi, đã từng theo một cụ đồ ở hàng xóm mà học đòi việc ý thành, tâm chánh. Đến mười bốn tuổi, đã nổi tiếng là hay chữ, nên lạy cha mẹ, đến đất Long Hồ, vào hầu cụ nghề Thanh Khê mà học việc cách vật trí tri và luyện đạo tu thân. Trong đám môn sinh của cụ nghề, Trình Tường tỏ ra là đỉnh ngộ hơn tất cả, mà thơ lại hay, nên cụ nghề rất thương, gã đưa con gái mình cho, để được một chàng rể quý. Được học với một người thầy gương mẫu, như cụ nghề Thanh Khê, mà thầy này nay lại là bố vợ, nên sự kính phục kia thêm tô điểm chút màu sắc thân yêu. Nhờ vậy mà phần tề gia của nho đạo, chàng rất mực cố gắng, đến ba mươi tuổi, Trình Tường đã hoàn thành tất cả sự học của đạo nho, mà về phần hành, chàng chỉ còn đáp nốt hai giai đoạn chót là trị quốc, bình thiên hạ ; ấy là chàng sẽ đắc đạo.

Phỏng gặp thời bình trị, có lẽ chàng sẽ do theo nấc thang khoa cử, chiếm chút công danh, rồi lặng lẽ mà theo cái đà đó, giúp nước, an dân, để hoàn thành công việc trị, bình. Chẳng may, sanh chẳng gặp thời, thịnh linh nước bị loạn. Trong triều, loạn thần, nghịch tặc làm rối bời mối nước, ngoài dân gian, giặc cướp nổi lung tung. Mỗi lượt mang lều chống đến trường, thì ai

nhiều tiền của dút lót, mặc dầu dốt thế nào cũng đỗ ; còn ai có tài ba lỗi lạc đến đâu nữa, nhưng thiếu lễ lộc cho đám nịnh thần cũng chỉ nuốt hận ôm lều chống mà về. Tình trạng ấy gây ra không biết bao nhiêu nổi bất bình, nên năm nọ, thi sinh toan tổ chức một cuộc loạn trường, rồi thừa thế, lôi cuốn dân mà mưu đại sự. Lẽ tất nhiên, Trình Tường vốn được anh em mến tài và kính nể, nên được cử làm thủ lãnh, để điều động cuộc dấy loạn này. Chẳng may, âm mưu bị phát giác sớm, việc chưa khởi, đã thất bại, mà Trình Tường bị bắt.

Nghe tin Trình Tường bị bắt, các sĩ tử thấy hơi ối. Bởi ai cũng biết tánh cương trực của chàng, lòng gan dạ sắt của chàng không sao làm cho chàng chịu nhục mà theo phe bọn đua nịnh. Mà dù chàng có mềm yếu, sợ chết mà đầu hàng bọn chúng, để nào chúng nhận cho theo ? Bởi tài chàng sáng như ánh thái dương, còn học lực của lũ gian thần không hơn gì ánh đèn dầu leo lét, thì tránh sao khỏi bị chúng đồ tài mà hãm hại ?

Chỉ còn hai hôm nữa là chàng sẽ bị dẫn ra pháp trường xử tử. Tất cả anh em, cùng dân chúng, lén vào một cụm rừng vắng mà bày ra một cuộc tế sống cho chàng. Mà tại sao có cuộc tế sống này ? Ấy bởi trong đám thi sinh, có một người đồng tông, tên là Tinh Vệ, trước đó có năm một điềm chiêm bao lạ lùng.

Số là ba hôm trước đó, Võ Tinh

Vệ, vừa thương người cùng họ, vừa thương bạn đồng trường, vừa uất hận vì nổi nước, niềm dân, nên có đến một nơi thanh vắng mà cầu Phật khải Tiên, đề nhờ ơn trên cứu độ cho Trình Tường. Quì lạy đã quá mệt mỏi rồi, Tinh Vệ tựa nơi gốc một cây to mà nghỉ. Gió chiều mát mẻ, làm cho chàng thiú thiú buồn ngủ, vừa muốn nhắm mắt ngủ, bỗng nghe nhạc trời tung bừng.

Tinh Vệ mở mắt nhìn quanh chẳng thấy bóng ai, mà tiếng nhạc lại nghe càng gần bên tai vậy. Rồi chen lẫn với tiếng nhạc, thánh thót giọng hạt kêu từng nhịp, từng nhàng, như hòa lẫn với những âm thanh du dương kia. Kế mùi hương thanh thoảng, phảng phất qua, thì Tinh Vệ thấy trước mắt mình những vị Tiên, kẻ cỡi hạc, người cỡi hươu, nai, kẻ ngồi lưng trâu, lưng tượng. Lại có mấy vị Bồ Tát ngự trên tòa sen, phóng hào quang lên cao muôn trượng, chín trời, khoe đủ sắc, muôn tía, nghìn hồng.

Trong đám Tiên, có một ông già đầu sỏi, râu dài, vác một cây gậy cong queo, cỡi một con nai gấm. Còn bên Phật, có một vị đẹp như hoa, mặc nữ phục, có một cô đứng sau hầu, và một chú nhỏ còn chưa vá chạy trước đề cho người sai vặt. Cả hai đồng tiến tới, gần trước Tinh Vệ, thì chú nhỏ chưa vá nói với chàng :

— Người quỳ xuống đi. Đức Quán Thế và Đức Nam Cực, cảm động vì lòng thành của người, nên dắt chư Tiên và chư Phật đến đây chứng kiến. Bởi điều của người cầu nguyện ấy khó làm theo được cho người thỏa ý. Họa may là người đứng trước chư Tiên, chư Phật

mà làm một cuộc đại nguyện, thì mới mong được chút nào !

Tinh Vệ vâng lời chú nhỏ chưa vá, quỳ xuống mà bạch rằng :

— Nước có loạn, thì nên đem trị lại. Dân bị khổ, thì nên đem lạc đến. Nay bạn của con Võ Trình Tường, thấy nước loạn, dân khổ, nên toan cứu nước giúp dân. Chẳng may bị nạn, sẽ bị đem ra pháp trường xử trảm. Thấy kẻ làm phải mà bị nạn, con làm ngơ sao yên được lòng *nghĩa* ? Thấy người vô tội sắp bị giết, con không can thiệp, sao yên được lòng *nhân* ? Huống chi *để cho loạn làm hồng trị, để cho khổ làm hư hoại lạc, thì còn đâu là đạo thánh hiền* Thế nên, để làm cho miền trường đạo thánh hiền, muốn trọn *nghĩa*, trọn *nhân*, con xin mở một cuộc đại nguyện. Con xin sao cho được một việc rất nhỏ, là cứu được Trình Tường. Được việc ấy, thì dù phải hy sinh thế nào, con xin chịu cả.

Bạch xong, Tinh Vệ lạy nữa, và chờ nghe lệnh. Thì Đức Quán Thế phán rằng :

— Xét về lý hậu thiên, luận như nhà người vậy, thì thật là hợp lẽ. Nhưng xét về lý tiên thiên, cầu nguyện như người đã làm, thì thật là trái lẽ. Mà càng trái lẽ hơn nữa là hành vi của Trình Tường. Hành vi nọ, xét về hậu thiên, thật là đáng dựng tượng đồng, bia đá, đề sau cho thế nhơn thờ phụng. Mà cũng chính hành động đó, xét về tiên thiên, lại rất trái với đạo của Trời Đất. Bởi trái với đạo lớn của Trời Đất, nên Trình Tường phải đền trả, đem thân hiến cho pháp trường, nhờ tay đao phủ mà biến thành quỷ không đầu.

Nghe phán như vậy, Tinh Vệ chưa hiểu lẽ cho rành, bèn lạy mà thưa rằng :

— Con hãy còn ngu mê, chưa đạt lý vừa kể ấy. Vậy xin ơn trên cất nghĩa thêm.

Đức Quán Thế chẳng đáp lời, lại dạy qua nói với ông già cõi nai rằng :

— Phiền tiên ông giải rõ điều ấy !

NAM Cực tiên ông liền đưa ngón tay trở mà chỉ lên không trung, thì theo ngón tay ấy, một luồng hào quang phóng lên, cao ngất muôn trượng, tia ra như hoa nước phun lên. Trong hào quang ấy lại hiện ra một cuốn sách, từ từ đáp xuống trước mặt Tinh Vệ, sách lại mở sẵn rồi, dường như để mời đọc. Tinh Vệ trở mắt nhìn để đọc, té ra không có chữ gì cả. Tinh Vệ liền lạy tiên ông mà bạch rằng :

— Con vốn có hai mắt phàm tục, không thể đọc được sách không chữ này. Xin nhờ tiên ông dạy cho !

Nam Cực tiên ông đáp :

— Điều người thắc mắc ấy vốn là bị mặt lớn của Trời Đất. Đọc đề mà chỉ đề làm cho thỏa thích tánh tò mò, thì không thể thấy chữ. Đọc mà không trả giá thật cao, cũng không sao thấy chữ. Vậy người muốn biết, muốn hiểu, thì trước chư Tiên, chư Phật, đông đủ tại đây, người phải phát đại nguyện.

— Chẳng hay con phải nguyện điều chi ?

— Người phải nguyện hai điều. Một là hề biết thì phải làm ngay, chớ chẳng được hỏi tò mò suông...

— Điều đó con làm được. Còn điều thứ hai ra thế nào, xin tiên ông dạy nốt.

— Điều thứ hai, bây giờ chưa nói trước được, bởi nó tùy nơi người làm điều trước ra thế nào. Vậy người hãy lo cho xong điều thứ nhất đi, rồi sau ta sẽ nói. Bây giờ người làm lễ đại nguyện, lạy chư Tiên, chư Phật mà hứa hẹn sức làm xong những điều người sẽ đọc trong quyển sách không chữ này.

Nghe Nam Cực tiên ông dạy như vậy thì Tinh Vệ sinh lòng phần uất vô hạn. Chàng đã không khấn vái chư Tiên chư Phật, lại còn lằm bằm nói một mình rằng :

— Ta chẳng thêm nguyện gì cả, chẳng thêm hứa gì cả ! Trình Tường là người ngay mắc nạn, vì muốn lập nghĩa lớn mà lằm nguy. Cứu Trình Tường là hợp nghĩa, hợp nhân, là làm miên trường đạo thánh hiền. Làm việc ấy có hạp với đạo lớn của Trời Đất cùng chăng, ta cũng... cóc cần.

LÀ thay, chàng vừa buông hai tiếng vô lễ « cóc cần », thì bỗng nhiên sách nọ lại tỏa hào quang, chàng lại đọc rõ ràng :

«Việc của Trình Tường là một việc «gấp hơn lửa cháy mày. Mà tội của «Trình Tường là một tội trọng đối với «Thiên Đình ; chư Phật chư Tiên không «sao tâu rồi với Ngọc Đế được.

«Bây giờ chỉ còn có cách là làm lễ «tế sống Trình Tường, gọi là tượng «trung, để cho chàng chịu tội, rồi luôn «dịp cầu khẩn nơi cậu của Ngọc Đế, nhờ «người tâu rồi. Nhưng trước phải làm

«cho người yêu đương, yêu đương rồi say sưa, say sưa rồi lờ đờ... và trong lúc lờ đờ ấy, sẽ nói cho người hiểu đại nghĩa là thế nào: chừng ấy, người sẽ cóc cần tất cả, miễn là đại nghĩa xong thôi. Ấy là Trình Tường sẽ được cứu».

Vừa đọc đến đó, thì Tinh Vệ té nhào; giựt mình ngồi dậy, té ra thấy mình khi nãy tựa gốc cây mà ngủ gật, nên té nhào. Và mới hay mình đã thấy một điềm chiêm bao lạ. Chàng mới thuật lại cho anh em nghe. Cả thấy nghe xong đều đồng ý, bày ra các cuộc tế sống Trình Tường như trên đã nói.

KHÔNG thể tưởng tượng trước, bữa tế sống Trình Tường không có gì uy nghiêm bằng. Hơn năm ngàn sĩ tử đến dự thi, hơn ba trăm ngàn dân chúng ở thủ đô đều lũ lượt mà kéo vào một cụm rừng vắng cách đó hơn năm mươi dặm. Tuy tiếng là tế lén, nhưng bọn nịnh thần cũng hay được, chúng liền ra lệnh đem quân bao vây cả cụm rừng toan bắt hết không chừa một người nào.

Khi hay được mình bị vây, mà chưa kịp bày tế lễ chi cả, thì cả thấy hội nhau lại đề-bàn xem nên tổ thái độ thế nào. Có Trần Hồng Nhựt, một sĩ tử quê ở đất Quảng, đứng lên hô hào như thế này:

— Trình Tường vốn làm việc nghĩa, mà bị đưa ra pháp trường. Chúng ta bởi lòng thương bạn mà bày ra cuộc tế sống này, đề tiên bạn sang miền cực lạc. Việc ta làm ấy, cũng là một việc nghĩa. Đến như những ai chẳng vì thương Trình Tường mà dự lễ, lại sợ không tế sống chàng, thì chàng bị chết trong uất hận, sao cho khỏi thành quỷ không đầu mà phá phách làng xóm; thì

những kẻ ấy có dự vào cuộc tế sống này cũng muốn tránh cho hậu thế cái nạn bị quỷ ma nhiều nhưong: chính những kẻ ấy cùng đang làm một việc nghĩa. Nay, cả mấy trăm ngàn người, tụ hội lại đây; vì một việc nghĩa ta cứ làm, còn về sau ra sao, ta... cóc cần.

Hồng Nhựt vừa buông tiếng ấy ra, thì cùng một lượt, mấy trăm người nghe đều cảm khái, mấy trăm ngàn bộ ngực phồng lên một lúc. Và cùng một lúc, một tiếng vang lên to, làm rung rung cả cụm rừng:

— *Cóc cần.*

LA thay, thỉnh linh một ông già đầu sói, chỉ còn chút tóc ở tận sau ót, râu dài tới rốn, mặt trẻ như một đứa nên năm tuổi, tay chống gậy tre, hiện giữa đám đông và nói rằng:

— Một lời đại nguyên, muôn thuở vẫn thiêng liêng. Bởi việc đại nghĩa của người khác, mà nghiêng vai gánh lấy, chẳng quản cứu cánh ra sao, điều ấy ở một nguơn thanh bình, ắt là một việc đáng ngàn năm ca ngợi. Nhưng trái lại, nay hãy còn thời đen tối, hãy còn hạ nguơn, thì việc lành kia hóa thành sự sa đọa. Ấu cũng là số phận! Mà ngày nay, phần ta đây, tu luyện ngàn năm mới được bức này, ta cảm thấy các người vì đại nghĩa mà mắc nạn, nếu ta không cứu thì lòng ta không yên. Thôi thì, đến đâu hay đó, dầu ta cùng các người mà mắc đọa, ta cũng... *cóc cần.*

Mấy trăm ngàn người nghe ông già nói như thế, thì hiểu ngay rằng ông là một bức tiên, nên cảm động lắm. Hồng Nhựt thay lời cho tất cả mà thưa lại rằng:

— Trong mấy triệu sanh linh, chưa hẳn đã có một người có đại căn, hể tu luyện mà thành được chánh quả. Mà trong bao nhiêu đại căn, biết được bao nhiêu người dày công tu luyện mà được đắc đạo ? Vậy, tiên ông đã được đắc đạo, thì chớ vì một chút Trinh Tường, chớ vì lũ chúng tôi, mà tiên ông phải mắc họa. Dầu có đến triệu thường nhơn được cứu sống, sao bằng có một vị đắc đạo thành tiên, sống mãi mãi cùng vũ trụ ?

Ông già chưa kịp đáp lời, thì bỗng thấy bốn phía rừng đều phát hỏa, khói, mịt mù, lửa lên cao ngất, không một ai thoát được vòng lửa. Thì ra quan quân vây rừng đã thi hành kế độc, là đặt đồ dẫn hỏa khắp vòng, rồi cùng một lượt châm lửa, nên lửa bốc lên như thế ấy. Thật từ hồi nào, chưa hề có một trận hỏa hoạn to dường ấy. Mà cũng chưa hề khi nào số nạn nhơn của hỏa hoạn to như vậy.

Tội nghiệp thay cho mấy trăm ngàn sanh linh bị đốt rừng mà sắp cháy ra tro! Trong cơn không còn mấy phút sống sót này, không ai mà dẫu nổi lòng của mình được ? Mà đối với mấy trăm ngàn người này, nổi lòng của họ, dầu thầm kín đến đâu, cũng vẫn là đẹp dễ, không gợn chút bợn nhơ. Chỉ là một tình yêu vô hạn định đối với mọi việc, đối với mọi người. Nên tự nhiên, chồng nào cũng muốn ôm vợ vào lòng để che chở ngọn lửa thiêu đốt mình trước. Nên tự nhiên, trai nào cũng lấy thân mình mà che chở ngọn lửa thiêu đốt mình trước khi đốt một cô gái yếu đuối hơn mình (1). Và trong phút ấy, họ không còn dám nhìn cảnh đờn đau là thấy ngọn lửa

thieu đốt bao nhiêu sanh linh vậy. Nên họ không hèn mà nèn, nhắm mắt lại, để không nhìn thấy cảnh vật (2).

Lửa càng cháy, cháy lá, cháy nhánh, cháy cây, rồi cháy luôn cả người.

Nhưng lạ thay, người tuy cháy, mà vẫn không chết. Đến chừng ngọn lửa tàn rồi, chỉ còn lại những khối người đang cháy, lốm đốm mấy điểm đỏ như cục than cháy ngùn và vùi trong tro (3) Quan quân thấy ngọn lửa tắt rồi, cụm rừng đã thành một đám tro khổng lồ và vùi cục than sắp tắt, nên mới kéo về mà phục lĩnh.

oOo

TỪ ẤY, trên cõi trần, xuất hiện một giống, hể gặp đại nghĩa thì xông vào mà làm... *cóc cần* cứu cánh ra sao. Bọn u mê ngu muội chê họ là đại, sao chẳng lo thoả đòi hỏi của xác thịt, sao chẳng vụ lợi, sao chẳng ham quyền. Họ chẳng màng phê bình của thế nhân, nhắm mắt lại, lừ đừ, để khỏi dùng lời mà đáp :

— *Cóc cần!*

Viết xong ngày 29 tháng 3 năm 1955

HỒ HỮU TƯỜNG

(1) Đó là hiện tượng cóc bắt cặp. Cóc đực ôm lưng cóc cái.

(2) Đó là hiện tượng cóc lừ đừ, khi bắt cặp.

(3) Do đó mà da cóc xám như là tro xù xì, lại lốm đốm những điểm đỏ như đang cháy.

(trích ở tập *Chuyện Cóc tích của Văn Hương Giáo chủ*)

đông tùng

Quan văn Trường có xứng đáng là
một vị thần đứng đầu võ miếu
Việt nam không ?

I.— ÍT GIÒNG PHÁT ĐOAN

Việt Nam ta thời xưa, tại Trung Bắc Việt, cứ mỗi đơn vị tổ chức hành chánh, từ Trung ương (Triều đình) tới tỉnh, huyện, tổng, xã hay làng, đều có hai ngôi miếu mạo văn võ song song. Bên văn là Khổng miếu, Thánh miếu, hay Văn chỉ, đứng đầu là Khổng tử, thứ là Tứ phối, Thập tiết và thất thập nhị hiền đều là học trò Khổng Tử. Rồi mới đến linh vị các ông khoa bảng, tiên hiền, tiên nho địa phương quá cố.

Người phụng tự gọi là hội Tư văn, cũng là mấy ông Tiến sĩ, Cử nhân, Tú tài, thí, khóa sinh sĩ tử trong địa phương.

Bên Võ, là Võ miếu hay là Võ Hội, vị thần đứng đầu Võ Miếu là Quan Văn Trường, rồi mới đến linh vị các ông Đô Thống, Đề Đốc, Lãnh binh, chánh phó quản cơ ở địa phương đã quá cố.

Người phụng tự gọi là « Võ Hội », bao gồm những sĩ quan, hạ sĩ quan, binh lính hiện đang tại chức hay đã hưu trí.

Sự thờ phụng của người Việt như vậy, ta thử thăm định lại xem có đúng không ?

Trước hết là Khổng phu Tử. Nguyên Khổng phu Tử không phải là một vị giáo chủ, mà chỉ là một triết gia hay là chính trị, luân lý, xã hội học. Học thuyết của Ngài là xây dựng con người (Tu thân) kiến toàn gia đình (Tề gia) tiến tới trị an quốc gia (Trị quốc) lên một bậc nữa là đại đồng, kiến tạo nhân hòa xã hội (Bình thiên hạ).

Với hoài bão của Ngài trong câu : « Đạo làm người, việc làm chính trị là to lớn nhất ». (Nhân đạo chính vi đại : Lễ Ký). Suốt 30 năm, chu du cùng 74 nước chư hầu, Ngài đã không đạt được sở nguyện, cứu thời hành đạo, tới lúc già, Ngài lại trở về quê hương (Nước Lỗ) mở trường dạy học, trước thư, lập ngôn, đề lại cho hậu thế, tiếp tục thực hiện.

Chưa khi nào Khổng phu Tử tự cho mình là Thánh, hay là một vị Giáo chủ của một tôn giáo, danh từ « Thánh Khổng Tử » chỉ là hậu thế truy tặng Ngài mà thôi. Bởi vậy, hậu thế xây dựng lên kim điện đề tể cúng Ngài như một vị Giáo chủ, biết đâu đã không làm phản lại ý muốn của Ngài lúc sanh tiền, vì chính Ngài há chẳng dạy ta :

« Đối với Quý Thần chỉ nên kính trọng mà xa ra » (Quý Thần kính nhi viễn chi : Luận ngữ) và « Cúng tế một vị Quý Thần mà xét ra không đúng, là siểm nịnh, là hối lộ... » (Phi kỳ quý nhi tế chi siểm giả : Luận ngữ) đó sao.

Tuy nhiên, việc đem Khổng Tử đứng đầu « Văn Miếu » Việt Nam cũng phải tạm nhận là đúng, đúng theo quan niệm của những nhà Nho Việt Nam, vì Ngài là một đại triết gia, đại tư tưởng gia, tập đại thành của Nho giáo, mà lịch sử Nho giáo Việt Nam

chưa có một vị nào theo kịp. Và chẳng, lập Văn Miếu, thờ Khổng Tử, không chỉ ở Việt Nam, mà Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên, đều cũng làm như vậy.

Chỉ có việc Việt Nam ta ngày xưa, lấy Quan Văn Trường, đứng đầu Võ Miếu Việt Nam, là một việc làm sai lầm đáng tiếc cho tiền nhân chúng ta.

Trước khi thăm định lại vấn đề, ta hãy tìm hiểu con người Quan Văn Trường cùng những ưu khuyết điểm của ông qua các tiêu chuẩn tài, đức, trí, rồi ta sẽ đem so sánh với các danh tướng Việt Nam như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi... xem thử ông có xứng đáng là một vị thần đứng đầu Võ Miếu Việt Nam không.

A) VỀ VÕ CÔNG

Đành rằng ta không phủ nhận Quan Công là người có sức mạnh, cương quyết, gan dạ, có kỹ thuật chiến đấu cá nhân khá cao, nói rõ hơn là đâm gươm cỡi ngựa giỏi.

Nhưng ta cũng không thể nói ông là một vị tướng có võ công tuyệt luân. Đề các danh tướng trong lịch sử Trung Hoa ra ngoài, cũng đề ra ngoài luôn những kiện tướng Ngô, Ngụy, mà chỉ nói riêng lấy tướng tá của Tây Thục, ông cũng còn thua xa Mã Siêu và Triệu tử Long.

Có bạn sẽ hỏi chúng tôi, lấy đâu đề cho điểm, như thế ? Chúng tôi xin thưa, có chứ :

Kẻ thù số một và hung hãn nhất của Tây Thục lúc đó là Tào Tháo. Ấy thế mà đời làm tướng của Văn Trường chưa đánh bại được Tào Tháo trận nào đáng kể, chỉ bị Tào Tháo vây ở Thỏ Sơn, rồi do Trương Liêu làm con tin, thuyết phục ông tạm về hàng Tào Tháo, và sau đó một lần ông gặp Tháo ở Huê Dung, thì ông lại đề cho Tháo chạy mất.

Nói về Mã Siêu, trước khi chưa về với Lưu Bị, đã cùng với Hàn Toại cát cứ thành trì, đánh cho nhiều trận Tháo thua xiềng liềng, có trận đã phải cắt râu, quần quân kỳ vào cò đề chạy thoát chết. Như vậy hỏi ai hơn ai kém ? Việc Mã Siêu lại bị bại với Tào Tháo, chỉ tại Hàn Toại, thiếu mưu trí cho nên mới mắc kế phản gián của họ Tào. Tới khi về với Lưu Bị, Khổng Minh, Lưu Bị phải phục là một kiện tướng, cho nên mới liệt vào một trong năm đại tướng (Quan Công, Triệu Vân, Trương Phi, Mã Siêu, Hoàng Trung).

Chớ nên xét về Võ công, Văn Trường không những thua Triệu tử Long mà còn thua cả bọn Mã Siêu, Lã Bố, Bàng Đức, Điền Vi, Hứa Chử, Tào Hồng, Nghiêm Nhan nữa.

B) VỀ MƯU TRÍ

Mưu trí là trên hết, sức mạnh, gan dạ, kỹ thuật chiến đấu cá nhân, chỉ là điều kiện thứ yếu.

Bởi vậy các cò danh tướng đã quy định trong những câu châm ngôn sau đây :

« Mưu trí là điều kiện trên hết của kẻ dụng binh, cho nên kẻ nào trù hoạch được sâu xa và đủ mặt kẻ ấy thắng »

(Binh dĩ mưu trí vi bản, cổ đa toán giả tất thắng : Triệu quốc Sung, Hán thư)

Và :

« Đánh bại đối phương bằng mưu trí hơn bằng sức mạnh, dụng binh đấu trí hơn là đấu con số nhiều ».

(Công nhân dĩ mưu bất dĩ lực, dụng binh đấu trí bất đấu đa : Âu dương Tu)

Và :

« Thắng địch bằng vũ khí chưa phải là tướng giỏi »

(Thắng địch ư bạch nhận chi tiền phi lương tướng giả : Thái công Khương tử Nha).

Và :

« Chẳng cần đánh bằng quân sự mà khuất phục được đối phương là thượng tướng ; Bách chiến bách thắng chỉ là hạ tướng vừa ; Đào hào sâu, đắp thành cao để cố thủ là hạ đẳng ».

(Bất chiến nhi khuất nhân chi binh giả thượng giả ; bách chiến bách thắng giả trung giả ; Thâm câu cao lỵ dị tự thủ giả hạ giả : Lý Vệ Công Văn đối thư).

Và :

« Đánh ngã tâm lý đối phương là trên hết, đánh thành là thứ hai ».

(Công tâm vi thượng, công thành thứ chi : Tôn Tử).

Công tâm là gì ? lấy cái gì để công được tâm ? phải chăng là dùng mưu trí.

Nói tóm lại : Con nhà làm tướng, mưu trí là trên hết, nếu chỉ có sức mạnh, can đảm mà thiếu mưu trí, thì cò nhân gọi là « dưng nhi vô mưu » như loại Hăng Lão, Lữ Bố chẳng hạn.

Không biết có nên nói Quan Vân Trường là một người « dưng nhi vô mưu » không ? Nhưng nói về mưu trí, thì ông là một người rất kém.

Sau đây là bằng chứng cụ thể.

Khi Khổng Minh dùng mưu trí để khắc phục được Kinh Châu của Đông Ngô, Quan Vân Trường được ủy nhiệm đem quân đi trấn Kinh Châu. Trong một bữa tiệc tiễn chân ông lên đường phó nhiệm, Khổng Minh hỏi :

— Nếu Tào Tháo đem quân tới đánh, tướng quân sẽ làm thế nào ?

— Tôi sẽ đem quân kháng cự. Ông trả lời.

Khổng Minh hỏi tiếp :

— Đồng thời Tôn Quyền cũng đưa quân sang đánh nữa thì tướng quân sẽ làm sao ?

— Tôi sẽ chia quân ra đánh cả hai mặt. Khổng Minh buồn bã nói :

— Thử tắc Kinh Châu hữu hỹ, nghĩa là : thế thì Kinh Châu truất mất.

Ông sững sốt hỏi lại :

— Vậy quân sư cho diệu kế.

Khổng Minh nói :

— Đông hòa Tào Tháo, Bắc cự Tào Tháo, tắc Kinh Châu khả bảo vô ngu, nghĩa là : phía Đông Ngải phải tìm đủ mọi cách để hòa hoãn với Tôn Quyền, chỉ một phía Bắc kháng cự Tào Tháo, thì Kinh Châu mới mong giữ nổi.

Vì cái chỗ dưng nhĩ vô mưu của ông, cho nên khi ra trấn thủ Kinh Châu (nguyên đất cũ của Đông Ngô) bị tướng Đông Ngô là Lã Mông tìm cách chọc tức, rồi nhân cơn huyết khí chi dưng, ông quên bẵng cả lời dặn dò của Khổng Minh, dốc toàn lực sang đánh Đông Ngô, rồi lại cũng vì cái chỗ thiếu mưu trí của ông, nên lại mắc mưu tướng Ngô mà bại trận rồi chết.

C) THÁI ĐỘ XỬ THẾ

Không ai phủ nhận được đức tính gan dạ, ngay thẳng của Quan Vân Trường, nhưng có lẽ ông là một người thiếu văn hóa, chúng tôi nói ông thiếu văn hóa là vì đời ông không hề để lại cho hậu bối một di tích văn hóa nào, dù là một bài thơ, hay một tài liệu quân sự.

Có lẽ vì cái bản tính nóng nảy của ông, cộng thêm điều kiện thiếu văn hóa, không có thái độ trang nhã của một nhà nho, cho nên nhiều khi ông đề lộ thái độ vô biên thô bạo trong việc xã giao, xử thế.

Sau đây là những sự kiện chứng minh :

Sở là, khi nhờ được Khổng Minh giúp sức Lưu Bị đã hơi ổn định được tình thế Tây Thục, mới phong cho Quan Vân Trường làm một trong « Ngũ hổ đại tướng » là Quan Công, Trương Phi, Triệu Vân, Hoàng Trung, và Mã Siêu.

Lúc bây giờ ông đang trấn thủ Kinh Châu, khi được tin trên bèn vùng lên nói và phân tích từng nhân vật một :

« Trương Phi là em của ta, cũng là một dũng tướng, Triệu tử Long cũng là một hồ tướng tuyệt luân, đã cùng anh ta vào sinh ra tử, thứ nữa là Hoàng Trung lại cũng là một lão tướng, từng lập nhiều chiến công ở các chiến trường, những người kẻ trên đều là những vị tướng lãnh xứng đáng ngang hàng với ta, còn tên Mã Siêu chỉ là một gã trẻ nít vô danh, làm sao lại được đứng vào hàng ngũ đó ».

Rồi ông kết luận : « Kẻ trượng phu quyết không bao giờ đứng chung vào hàng ngũ với bọn người tiều nhân »

Thế rồi ông viết thư về cho Lưu Bị và Khổng Minh xin về Tây Xuyên đấu võ với Mã Siêu.

Trong khi Lưu Bị đang lúng túng với thái độ khá buồn cười của ông em, thì ông quan văn lắm mọ Khổng Minh, viết thư trả lời hộ, trong đó Khổng Minh đã dùng những lời đề mị và làm yên lòng ông, ví dụ câu này :

« Lặng tôi thấy, Mã Siêu dù có phải là một dũng tướng, chẳng qua cũng đến như Kinh Bối, Bành Việt là cùng, so với Trương

Phi thì có thể được, chứ so sánh sao được với ông tướng « mặt đỏ râu dài » một kiện tướng siêu quần tuyệt luân như Ngải ».

« Hiện nay Ngải đang trấn giữ Kinh Châu trách nhiệm ấy đâu phải nhỏ. Nếu bỏ về Tây Xuyên đầu võ, rồi Kinh Châu xảy ra việc gì, hỏi ai chịu trách nhiệm (?) »

Được thư trên Vân Trường vuốt râu cười ha hả và nói :

« Chỉ có quân sư mới là người biết được tài của ta ». Rồi đem thư ấy ra khoe cùng mỗi người.

Lại một lần khác, trong khi ông đang trấn thủ Kinh Châu, Tôn Quyền lãnh chúa Đông Ngô, cho người sang Kinh Châu xin kết thông gia với ông, ông trợn mắt nói :

— « Ta là một vị hổ tướng, con ta là con cọp, đời nào lại có thể lập gia đình với loài dê chó được ! »

Câu nói khá ngô nghê buồn cười.

1) Đứng trên quan điểm « môn đăng hộ đối » thời xưa mà nói, Tôn Quyền là giòng dõi thế gia cự tộc, nhiều đời làm vương tướng, Quyền hiện là một ông vua cả khu vực Giang Đông, một phần ba thiên hạ, ngang hàng với Tào Tháo và Lưu Bị. Trong khi ông chỉ là một người bình dân, (bán thịt chó) địa vị đương thời của ông cũng chỉ là một tỳ tướng của Thục đang trấn giữ một thành trì (Kinh Châu). Dưới trướng Tôn Quyền còn có hàng trăm kẻ như ông, về tài năng cũng như địa vị, không biết ông nghĩ thế nào khi nói ra câu hồ và chó vào đó.

Buồn cười hơn nữa, khi ông nói ra câu ấy đã quên bằng mó vào sau ót, vì Tôn phu Nhân, vợ Lưu Bị, người mà ông gọi là chị lại là em gái Tôn Quyền đó sao ?

2) Ai cũng biết, việc cầu hôn của Ngô Tôn Quyền chỉ là một thủ đoạn chính trị, cũng như Chu Du trước đó đã dùng Tôn phu Nhân làm mồi câu Lưu Bị. Nhưng gặp phải kẻ cao tay Khổng Minh, đã tương kế tựu kế, đảo lộn thế cờ, đề rồi :

« *Chu lang diệu kế yên thiên hạ*

« *Bồi liễu phu nhân hựu chiết binh* »

Đồng ý, một kẻ tầm thường như ông đâu dám bắt chước khi leo giây. Nhưng, nếu có khước từ thì cũng phải khôn khéo mềm dẻo thì mới phải.

Có lẽ khi nói ra câu trên, đã nhân một lúc cao hứng, rồi quên bằng mất câu bí quyết dặn dò của Khổng Minh : « Đông hòa Tôn Quyền ».

D) ĐẠO ĐỨC TÁC PHONG

Điềm lại những tiêu chuẩn : Võ nghệ, Mưu trí, Thái độ xử thế như trên, ta thấy rằng : Quan Vân Trường chỉ là một người hết sức tầm thường. Vậy chỉ còn lại tiêu chuẩn thứ tư là vấn đề đạo đức, một vấn đề mà các tác giả Tam Quốc Chí : Trần thừa Tộ, Phạm Quann, Bùi Tùng Chi, cho tới Mao tôn Cương, các phê bình gia như Kim thánh Thán, Vương ứng Lân v. v... cũng như các sử gia, văn gia cổ kim Trung Quốc và Việt Nam, thường tặng cho Quan Vân Trường là tuyệt luân.

Những sự việc mà người ta thường đem ra chứng minh là :

Quan Vân Trường là một người trọng nghĩa tuyệt đối, đào viên kết nghĩa với Lưu Bị và Trương Phi, trải bao phen vào sinh ra tử, khi thắng khi trầm, lúc vinh lúc nhục đều có nhau, một lòng một dạ cho tới lúc chết không hề thay đổi. Việc ông tạm đầu hàng Tào Tháo ở Thỏ Sơn, chỉ là một sự

» xử biến tòng quyền » vì lúc đó đang còn có hai bà chị, nếu ông tử chiến chết đi, thì hai bà chị sẽ lọt vào tay giặc, ông không khỏi trách nhiệm với ông anh và đạo nghĩa trời đất. Cho nên, một trong ba điều kiện mà ông đem ra đề thương thuyết với Tào Tháo, do Trương Liêu làm trung gian là : « Khi nào được tin Lưu Bị ở đâu thì ông có quyền đi theo ».

Sau khi tạm về hàng Tào Tháo, lòng trung kiên của ông đối với Lưu Bị vẫn trước sau như một, mặc dù Tào Tháo dùng hết cách mua chuộc, nào tặng xích thố mã, vàng bạc gấm vóc, nào là lên ngựa tặng một nén vàng, xuống ngựa đưa một nén bạc, năm ngày thiết một tiệc lớn, ba ngày đãi một tiệc nhỏ.

Mặt khác Tào Tháo lại dùng quỷ kế, cho ông chú, chị dâu ở chung, với ác ý gây ra luân thường đảo lộn, đề cắt đứt mối tình giữa ông với Lưu Bị, nhưng cuối cùng đã bị ông quật lại bằng hành động, cầm đuốc canh cửa phòng hai chị trắng đêm (bình chúc đạt án).

Nhưng tất cả những thủ đoạn mua chuộc, bằng mưu gian của họ Tào đã bị ông đánh vỡ, cho đến một ngày, ông dò hỏi biết được chỗ ở của Lưu Bị, ông liền dắt hai chị bỏ Tào Tháo đi tìm, mặc dù Tào Tháo đã tìm đủ mọi cách để giữ ông lại, nhưng ông cứ vẫn phá quan, trăm tướng mà bong luôn.

Khi đề cao đức tính can đảm của ông, người ta không quên nhắc tới sự kiện « đan đao phó hội » với Lỗ Túc ở Lục Khẩu.

Khi đề cao tới đức tánh trung nghĩa tuyệt luân của ông là chỗ khi ông bị Đông Ngô bắt, ông khẳng khái chưỡi vào mặt đối phương, đề rồi cả hai bố con và Châu Thương cùng tuân tiết.

Khi đề cao tới thái độ người trượng phu quân tử, người ta thường nhắc việc không nỡ chém Hoàng Trung khi té ngựa của ông. Tất cả những ưu điểm của Quan Vân Trường như đã nêu ở trên : vẫn xung quanh vấn đề Đạo đức và tác phong của « cái ta » Quan Vân Trường.

Nay ta thử tìm hiểu chân giá trị ở từng sự kiện.

1) Vấn đề Đạo đức.

Đành rằng, không ai phủ nhận được lòng trung nghĩa của Quan Vân Trường, nhưng gọi là tuyệt luân đề đem ông làm vị thần đầu võ miếu Việt Nam thì không đúng. Vì trong lịch sử Trung Hoa cũng như Việt Nam, còn vô số những nhân vật còn vĩ đại hơn ông nhiều, ví dụ ở Trung Hoa :

Ông Do Vu đời Xuân Thu, Kinh Kha người nước Yên, Kỷ Tín đời Hán, Dự Nhượng đời Chiến Quốc, Điền Hoành và 500 bộ hạ di thần nước Tề, Kính Đức, Cao Khanh đời Đường, Thống Phát, Văn Thiên Tường đời Tống và không thể kể hết được những nhân vật khẳng khái hy sinh, thung dung tự nghĩa, không những như Quan Vân Trường mà còn vĩ đại hơn nhiều.

Nói về Việt Nam những nhân vật như vậy cũng không hiếm, những Trần Bình Trọng, những Nguyễn Biều, những Lê Lai và vô số những người khác trong lịch sử chống xâm lăng Tàu, nhất là cận đại chống cường bào Pháp, làm sao kể xiết những nhân vật như vậy.

2) Vấn đề tác phong.

Trước hết ta hãy xét việc ông không nỡ chém Hoàng Trung khi té ngựa, quan điểm của các nhà nho thường cho rằng, hành động này là phong độ của người trượng

phu quân tử Đông phương.

Đứng trên bình diện một cá nhân tầm thường khi xử thế mà xét vấn đề, thì ai làm được như vậy, quả đúng là người quân tử đường hoàng. Nhưng nếu chúng ta đứng trên lập trường của những kẻ mưu đồ đại sự, bình định thiên hạ như Quan Công lúc bấy giờ, thì cái lối hành động « quân tử Tàu » như vậy lại cũng không đúng.

Muốn cho đại sự thành công, chỉ nhắm vào mục đích đưa đại sự tới thắng lợi cuối cùng để giải thích, biện minh cho mọi việc làm trong hiện tại.

Vì lẽ đó mà Khổng Tử làm tướng nước Lỗ. Ngài đã tìm đủ mọi cách để chém tên hãnh thần Thiếu chính Mạo; vì đạt lý đó mà Hàn Tín phải đang tay chém người tiều phu đã bày đường cho ông khi vào Ba Thục tìm Lưu Bang. Và cũng vì không đạt lý đó mà Hạng Vũ không chịu nghe lời Phạm Tăng cho thanh toán Lưu Bang lúc Hồng Môn hội ẩm, đề rồi sau đó Hạng Vũ mới bị Lưu Bang giết.

Cũng như ở Việt Nam, cụ Phan đình Phùng vì nể tình bầu bạn, không chịu đề cho Cao Thắng giết tên Việt gian Đinh nhô Quang, đề rồi sau đó Quang trốn về giúp Nguyễn Thân và Pháp đánh phá nghĩa Vũ Quang tan rã.

Các sử gia Trung Quốc, nhất là các tác giả Tam Quốc Chí, khi chép đến sự việc trên đều khen Quan Công là người giỏi, chính nhờ vậy mà hôm sau giao trận, Hoàng Trung lại không nỡ đang tay bắn chết Quan Công là người đã không nỡ giết mình bị té ngựa hôm trước, rồi cả hai đều được khen ngợi.

Nhưng theo thiên kiến chúng tôi, nếu đứng trên bình diện một người đánh giặc cứu nước cả hai đều sai cả. Quan Công sai hôm

trước, Hoàng Trung sai hôm sau.

Thứ nữa ta cũng cần thăm định lại việc « đan đao phó hội » với Lục Tồn và cầm đuốc canh lửa cho nhị tâu (bình chúc đạt đán) của ông.

Trong những Tòa Võ Miếu thờ Quan Vân Trường ở ngoài Trung, Bắc Việt Nam, các cụ ngày xưa đề câu đối như vầy :

« Đan đao phi vũ trụ
« Nhất chúc chiếu cồ kim

Tạm dịch nghĩa :

« Cây đao banh vũ trụ »
« Bó đuốc sáng xưa nay »

Thiệt chúng tôi không sao hiểu được, tại sao các cụ đề Nho chúng ta thời xưa lại đề cao Quan Vân Trường một cách quá đáng như thế ?

Ta thử đặt vấn đề tìm hiểu con dao và bó đuốc của Quan Vân Trường xem sao !

« Đan đao phó hội » dù là một người tầm thường như ông, cũng có thể hiểu được rằng : Lỗ Túc là một anh chàng ưa nhu bất đoán, lại bạn thân với Khổng Minh, gia đình bên cạnh họ Lỗ lúc bấy giờ lại còn Gia các Cầm, một ông đồ Nho trung thực hiền lành, lại anh ruột Khổng Minh, là những kẻ không thể bày gian kế để sát hại ông được, cho nên vấn đề ông vác dao đi phó hội không có gì là vĩ đại cho lắm, so với việc Khổng Minh tay không sang thuyết phục Đông Ngô đánh Tào, Lưu Bị sang Giang Đông tìm vợ, Đặng Thi sang thuyết khách bên Ngô còn vĩ đại và quan trọng hơn nhiều, tại sao các cụ lại không đem ra so sánh.

Con dao, con dao của Quan Vân Trường, một võ tướng tầm thường của một nước trong ba nước (Ngụy, Thục, Ngô) trong một giai đoạn lịch sử hỗn loạn của Tàu có gì

đáng kể cho lắm, mà các cụ Đồ nhà mình lại dùng ba chữ «phi vũ trụ» vào đó. Không biết các cụ hiểu vũ trụ nghĩa là gì nhỉ ? Thiệt ra ba chữ phi vũ trụ, thì họa may những phi thuyền Nga Mỹ trong vài năm nay mới mong đương nổi.

Mấy ông cụ Đồ Nho nhà mình, nếu không phải là nông cạn thì cũng là quá dễ tính.

Thứ đến ta cũng thử tìm hiểu chân giá trị bó đuốc của họ Quan.

Năm 1958, trên mục «Nói hay Đừng» của báo Tự Do, ông Mai Nguyệt phê bình việc phò nhĩ tầu của Quan Văn Trường có viết:

«Vì lúc bây giờ có hai tầu, nếu ông Quan giờ ngón tỳ tèo với tầu này thì sợ bị tầu kia ghen, chớ chi chỉ có một tầu thì vị tất ông đã...»

Lúc đó đã có nhiều tờ báo và dư luận chê trách ông Mai Nguyệt là «phỉ báng cổ nhân».

Riêng chúng tôi thì không nói ông Mai Nguyệt là «phỉ báng cổ nhân» mà chỉ bảo ông đã không tìm hiểu được thấu đáo vấn đề.

Do lai của vấn đề là như vậy:

Thiệt ra Lưu Bị và Quan Công đâu phải là anh em ruột thịt, mà chỉ là tình bạn, sau khi Đào viên kết nghĩa. Khi Quan Công cùng hai chị về hàng Tào Tháo, ác ý của họ Tào là bố trí cho chị em ở chung lộn, cốt làm cho Quan Công sa ngã vào vực thẳm tình dục, để ông quên bằng Lưu Bị, rồi sau đó mới hòng lợi dụng được ông.

Biết được — ai cũng có thể biết được — giả tâm của Tào Tháo, nên Quan Văn Trường đã phản công lại bằng thái độ vác đuốc canh phòng hai chị qua những đêm

trắng.

Hành động này có tính chất chính trị nhiều hơn là vấn đề luân lý. Ông làm như vậy là trực tiếp nói với Tào Tháo: mày đừng hòng hủy diệt sự nghiệp chính trị của tao! Tao sẽ chơi lại thế này cho mày biết.

Chân giá trị của bó đuốc này vốn vẹn chỉ có thể, làm gì mà to chuyện «chiếu sáng cả cổ kim» như các cụ Đồ Nho nhà mình đã tặng cho ông.

Điềm hồng nhất của đời chính trị và quân sự của Quan Văn Trường là việc tha cho Tào Tháo chạy ở Huê dung Đạo.

Nguyên Tào Tháo là một nhân vật tối gian ác, một kẻ thù không đội trời chung của những người đang mưu đồ khôi phục Hán Tộc trong đó có Quan Văn Trường, tại sao ông lại vì cái ơn cũ: biếu ngựa, tặng gấm vóc, vàng bạc, bày tiệc ăn uống trong thời gian ông tạm ở với hắn, mà bây giờ ông tha hắn đi.

Nếu như ông là một người đủ trí sáng suốt, để phân định thế nào là ơn, thế nào là oán, thì những việc mà Tào Tháo đối với ông năm nào chỉ là một thủ đoạn mua chuộc đây gian manh hiểm ác, đáng lẽ ra ông phải căm thù tận xương tủy, chứ sao gọi là ơn được.

Nhân nhắc tới việc Tào Tháo biếu ngựa (xích thố mã) cho Quan Văn Trường, ta cũng nên tìm hiểu thêm về con ngựa ấy.

Tam Quốc Chí chép rằng, khi Quan Công, Quan Bình, Châu Thương bị Đông Ngô giết, thì con xích thố mã cũng nhin ăn rồi chết theo. Sau khi Ngọc tuyền Sơn hiện thánh nhà sư Phồ Tĩnh, trông thấy Văn Trường cỡi xích thố mã bay trên không trung, miệng hô lớn «Trả đầu lại cho ta» (Hoàn ngựa đầu lai).

Nếu ta chịu khó nhận xét một chút sẽ thấy rõ rằng: Ngọc tuyến Sơn hiền thánh chỉ là thần thoại hóa lịch sử đề thần thánh hóa Văn Trường mà thôi, chứ sự thực thì xích thố mã không bao giờ bỏ ăn mà chết cả. Vì do lai con ngựa ấy là của Lã Bố, đã cùng Lã Bố vào sinh ra tử, khuấy nước chọc trời, tại sao khi Lã Bố chết nó lại không chết theo? mà lại cứ ngoan ngoãn về với Tào Tháo? đề rồi họ Tào lại tặng Văn Trường.

Có người sẽ giải thích rằng: Vì Văn Trường là chính nghĩa, một ông chủ xứng đáng, cho nên xích thố mã mới chết theo.

Trong cái đời tranh bá đồ vương, được vua thua giặc, biết ai là chính nghĩa hay không chính nghĩa, ai thành kẻ ấy là chính, ai bất thành người ấy bất chính, và Lã Bố cũng là một nhân vật tử thù với Tào Tháo như Quan Văn Trường, cho nên việc xích thố mã không chết theo Lã Bố mà lại chết theo Văn Trường là một việc phi lý, chúng ta không thể nào tin được.

Một sử gia Tây phương cận đại có nói: « Đọc lịch sử mà thiếu tinh thần khách quan, thiếu sáng suốt nhận định, phân tích, nhất là thiếu sử quan chính xác, nhất định sẽ bị đánh lừa khốc hại » là đúng lắm.

III) KẾT LUẬN

Điềm qua thân thể và sự nghiệp của nhân vật Quan Văn Trường, qua các tiêu chuẩn Võ công, Mưu trí, Đạo đức Tác phong và Thái độ xử thế, ta thấy rằng, Quan Văn Trường là một nhân vật rất tầm thường về cả mọi phương diện, ngoại trừ việc ông hiền thánh ở Ngọc tuyến Sơn, có tính chất thần thoại của những nhà tiểu thuyết lịch sử.

Nếu ta đem thân thể sự nghiệp, nhất là phương diện võ công so sánh với các danh tướng Việt Nam trong lịch sử chống xâm lăng Tàu qua 5 thời kỳ gần một nghìn năm

Bắc thuộc như: Lý thường Kiệt, Lê phụng Hiều, Ngô Quyền, Trần hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn quang Trung v.v..., thì Văn Trường chỉ xứng đáng là một tỳ tướng hạng thường, làm sao mà lại so sánh được với các vị ấy.

Điềm làm bật nổi nhất là, Văn Trường chỉ là một tướng lệnh của nước Thục, trong cuộc nội chiến bần thiêu, nổi da xáo thịt, thời hỗn loạn Tam Quốc của Tàu. Trong khi các vị danh tướng của nước ta, là những vĩ nhân, anh hùng dân tộc, đã vì nền độc lập của tổ quốc, vinh dự của giống nòi, mà đánh bại một kẻ thù khổng lồ ở sát nách là đế quốc phong kiến Trung Hoa rộng lớn gấp 30 lần nhiều hơn.

Cuộc kháng Nguyên của quân dân nhà Trần vào thế kỷ 13 là một võ công còn vĩ đại hơn cả cuộc kháng Nguyên của Nhật Bản đồng thời. Võ công của Nguyễn quang Trung đánh bại quân Xiêm, quân Tàu làm các sử gia Tây phương phải kính phục và nói: « Nguyễn Huệ là Nã phá Luân của Việt Nam ».

Những vị đại anh hùng dân tộc của ta như thế, các tiền nhân ta lại không chọn lấy một người hay nhiều người đứng đầu võ miếu Việt Nam, lại chọn một ông Tướng người Tàu rất tầm thường như Quan Văn Trường, quả là một việc làm kỳ cục quái gở.

Phải chăng đây là hậu quả tai hại của một nghìn năm Bắc thuộc, cộng thêm là ảnh hưởng Tống nho đã nhào nặn lên một lớp người gọi là sĩ phu, giữ hết binh quyền trong triều ngoại dã, có một tự ty mặc cảm, tự cho mình là một phiên thuộc của Thiên triều, rồi cái gì của Thiên triều Trung quốc cũng cho là hơn mình cả. Đi học thì chúí đầu vào Ngũ kinh, Tứ thư, Tính lý, Bắc sử, Quảng sử loại, Đường thi, Cổ văn, mà xem nhẹ, có người không biết tới những kiệt tác

phẩm của văn học các triều Lý, Trần.

Thậm chí có trường hợp, một bộ sách rất giá trị thuộc triều Trần, mà người Trung Hoa phải thán phục và đem sang phổ biến tại Nhật Bản và Triều Tiên và dịch ra nhiều thứ chữ ngoại quốc phổ biến sang tận Âu Mỹ, trong khi đó một ông cử nhân Việt Nam triều Nguyễn, không hề biết tên quyền sách đó, nghĩ có đáng buồn không ?

Cho nên đã có kẻ than phiền rằng : chính về Văn học, nghệ thuật Việt Nam đã bị vong bản từ lúc còn học và thi chữ Hán, chứ không phải mãi tới gần đây học chữ Pháp. Một chính trị gia Tây phương cận đại có nói: « Văn hóa, văn tự là vốn liếng chung của nhân loại, nhưng một mặt nào đó, thì nó cũng là một vũ khí xâm lăng, đồng hóa của bọn cướp nước».

Thật vậy, cận đại các dân tộc Á Phi học chữ Anh, chữ Pháp, chữ Đức, chữ Bồ đào Nha, Hòa lan. Vậy trước đây người Việt Nam học chữ Tàu cũng không thể nằm ngoài thông lệ đó. Nhưng rồi Việt Nam không bị Tàu đồng hóa thì lại là một chuyện.

Từ chỗ đó mà suy ra, ta không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy người ta đem một ông thần người Tàu đứng đầu Võ Miếu Việt Nam cả.

Nhà tiền bối cách mạng, Cụ Lê văn Huân trong bài « bảo vệ quốc hồn, quốc túy » có đoạn viết :

« Bên cạnh những cái quốc hồn, quốc túy, cũng có những cái « quốc không hồn » và « quốc không túy », chúng ta phải đủ sáng suốt, can đảm để loại trừ nó ra nếu không, chúng ta sẽ phạm lỗi chấp mê thủ cụ... »

Bây giờ đây cũng thế: « đất tồ », « quê mẹ » hay là « tồ quốc » chúng ta, bên cạnh những cái « thơm » thì lại cũng có những cái « không thơm chút nào », nhất là giai đoạn hiện tại, cho nên chúng ta phải cố gắng « giữ cho bằng được những cái thơm, đồng thời gạt bỏ những cái không thơm » ; vì có loại bỏ được những cái không thơm, thì mới giữ được những cái thơm.

Với ý nghĩ đó, chúng tôi viết bài tiểu luận này.

GIỮ' THƠ'M QUÊ ME

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ Ớ LÁ BỐI XUẤT BẢN

Thư từ, bài vở,

án phẩm gửi về :

TRỤ VŨ

Bưu phiếu xin đề :

Cô CAO NGỌC THANH

702178, Phan thanh Giản — Saigon

hằng hà sa

NHỌT BAO TỬ

TÔI được đưa vào bệnh viện này đã mấy hôm rồi. Sức chịu đựng của tôi có lẽ đến hôm kia là tốt độ. Tôi không thể ráng hơn được nữa. Mấy năm trước tôi tôi vẫn có chữa thuốc qua loa rồi còn đi làm nuôi vợ, nuôi con. Tôi cứ nghĩ là chưa ai khổ hơn tôi. Một mình nhọc nhằn suốt ngày để mong thằng con lớn đến ngày đủ tuổi kiếm việc ; vợ tôi thì từ ngày sinh khó đến giờ, sức khoẻ yếu dần, chẳng còn giúp đỡ thêm gì cho tôi ngoài vài ba công việc vặt vãnh trong nhà. Đã thế mỗi năm tôi còn vài ba tháng khổ sở vì cơn đau ở đầu kéo lại. Nhưng từ hôm kia thì thực sự tôi mới cảm thấy mình là kẻ bất hạnh nhất trần gian. Giữa lúc thằng con trai nhỏ của tôi bị té chưa lành vết thương ở đầu, thì bỗng nhiên như một lưỡi dao cứa ruột, tôi ngã ra bất tỉnh. Lúc tỉnh dậy, tôi đã thấy vợ tôi khóc

thút thít ở đầu giường và hai cô y tá đang sửa soạn hút bao tử cho tôi. Bác sĩ cho tôi biết là bao tử của tôi bị lủng, chờ hút nước trong bao tử ra một thời gian rồi phải đem lên mổ. Vợ tôi cứ hỏi đi hỏi lại hết bác sĩ trực đến các cô y tá « Dạ thưa, mổ có gì nguy hiểm lắm không ». Thì có trời mới biết, tôi nghĩ thế, và tuy hơi lo sợ lúc đầu, dần dần tôi đón nhận số phận một cách bình thản chỉ tội cho tôi, năm hết mấy ngày để chờ mổ thì có lẽ vợ con tôi đến phải ăn cơm với muối mất thôi. Và tôi nằm yên chờ những nhát dao, nhát kéo đến với tôi, bình thản như một người nghèo nghe những sắc luật đánh vào thuế xa hoa. Qua khung cửa sổ, mùa xuân đến với tôi bằng những cành lá xanh non của cây phượng trong khu nhà thương nghèo nàn này. Tôi thiếp đi trong một giấc ngủ nặng nề. Trong giấc mơ có hai kẻ cướp đi dao vào bụng

tôi đề đòi tiền. Tôi còn nhớ rõ là tôi bật cười, nụ cười héo hắt và thê thảm chua cay, nói với chúng là bao năm nay ung nhọt đã tàn phá bao tử tôi bây giờ có mấy cô áo trắng hút hết những gì còn lại trong bụng tôi rồi còn gì đâu nữa mà mấy ông đòi hỏi. Mấy ông đi đi, bụng tôi trống rỗng mất rồi. Tôi van nài chúng đi đi. Thế mà một trong hai tên, à không, cả hai tên thì phải, cùng đâm lưỡi dao nhọn vào bụng tôi. Tôi thét lên, mở mắt ra, vợ tôi đang lau nước mắt. «Trời ơi, mình làm em sợ quá. Ráng lên chút nữa, bác sĩ sẽ mổ cho». Nhưng tôi không nghe gì cả. Căn phòng đang ồn ào vì những bước chân. Y công, y tá, bác sĩ, thân nhân đang chạy ngược chạy xuôi vì hai bệnh nhân vừa vào. Tôi không trông thấy gì hơn nữa, máu và máu. Tôi trở mắt nhìn, quên mất hình ảnh 2 tên cướp đâm dao vào cái bụng trống rỗng của tôi. Một bác sĩ khá trẻ vừa biên gì vào hồ sơ, vừa quay qua bảo cô y tá:

— Cho em nhỏ này lên phòng mổ trước. Cho gấp ông số 10 một chai máu số 9 hoãn lại, không gấp lắm đâu.

SỐ 9 là số của tôi. Thì ra có trường hợp khẩn cấp hơn tôi. Nghĩ thế rồi tôi quên mất cả tôi, chỉ nhìn thấy bà mẹ trông theo đứa con được chuyển lên phòng mổ, lo lắng, rồi bỗng nhiên khóc òa lên: «Khổ thân con tôi; nó nhỏ dại đã biết gì đâu». Bà ta đang định ngồi xuống giường kể lể thì một bà y tá đã nhỏ nhẹ bảo «Thôi bà chịu khó ra ngoài một chút, đừng khóc, để yên cho bệnh nhân nằm nghỉ». Tôi

không ngờ trong khi bệnh viện nghèo nàn này mà cũng có được một giọng nói ngọt ngào đến thế. Tôi định mở miệng hỏi về trường hợp của tôi bao giờ mới được mổ thì bệnh nhân số 10 đã lên tiếng trước, nhỏ nhỏ:

— Bà làm ơn cho tôi xin miếng nước.

— Ông chịu khó chờ tí xíu — lại cái giọng nói ngọt ngào đó — ông phải mở ngay uống nước nhiều vào đánh thuốc mê nguy hiểm lắm.

Tôi nghe nhiều quá. «Bà chịu khó, ông chịu khó». Tôi cũng chịu khó mấy năm rồi. Tôi vẫn đau bao tử, chịu khó cho đến ngày lủng ruột. Tôi nghĩ đến mấy người bạn chất phác của tôi ở dưới làng, không biết người nào còn, kẻ nào mất. Tôi nghĩ đến khu vườn nhỏ của tôi, đến đàn gà, đến những ngày êm thấm của gia đình tôi. Tôi lại thiếp đi trong ý tưởng khổ sở đó, liều thuốc ngủ cho cách đây mấy giờ vẫn làm tôi chập chờn. Không có gì nặng nề bằng giấc ngủ chập chờn máu và nước mắt

Máu đưa con còn nhỏ dại và nước mắt bà mẹ kẻ lẽ.

TÔI lại choàng dậy vì câu chuyện hơi lớn tiếng giữa những người đàn bà. Những người đàn bà trong cùng một hoàn cảnh bắt chuyện nhau thật dễ dàng và to nhỏ với nhau như những tri kỷ đã lâu lắm. Giọng nói người đàn bà miền Nam mộc mạc và rõ ràng như từng sự kiện đề dờn về cho họ : « Chị nghĩ coi, tía nó đi lính. Hồi này cấy ruộng cũng nguy hiểm lắm. Thôi thì có lệnh đòi tôi bảo tía nó đi ngay. Má con tôi tìm cách sống tạm qua ngày cũng đủ. Nhưng mà khổ lắm. Nơm nớp suốt ngày. Ở ngoài không yên mà dờn vô ấp cũng không yên. Chỉ oan cho tôi, làm việc cả ngày, cứ tưởng con tôi ham chơi, đi cả đêm không về : có ngờ đâu ra nông nỗi này ». Bà ta còn muốn kẻ lẽ dài dòng nữa về trường hợp bị thương của thằng bé dù bà ta đã thú thật là lo làm ăn chẳng biết gì về nó. Giả thuyết này hay giả thuyết nọ thì cũng không bằng giả thuyết là nó như một chồi non ai uốn như thế nào thì sẽ ngã theo về phía đó. Có gì lạ đâu mà phải thắc mắc.

Thế nhưng đàn bà có lối kể chuyện riêng của họ, có một lối nhìn mang nặng tính cách gia đình của câu chuyện. Tôi cũng chẳng lạ gì lúc nghe vợ tôi khuyên « thôi thì hai chị bỏ quách mà về Saigon. Điện khi tắt khi cháy, nước lúc có lúc không, nhưng dù sao cũng

« yên thân », mà nào vợ tôi có hay là dù sống không yên thân, người dân quê vẫn bám lấy mảnh vườn, thửa ruộng của mình, dù có nghèo nàn xơ xác cũng không bỏ nổi cổ trâu trong nhà. Làm sao bỏ làng quách mà đi cho được.

TIẾNG vợ tôi xa dần ; cả tiếng ồn ào chung quanh cũng nhỏ dần. Và tôi lại chìm vào giấc ngủ khác, chấp chờn, nặng nhọc. Ống cao su đề từ lỗ mũi của tôi xuống bao tử không còn làm cho tôi khó chịu nữa, nhưng làm tôi có cảm tưởng trong giấc mơ, tôi không còn ngửi thấy mùi thơm của lúa chín đồng ruộng, mùi cỏ dại hai bên đường làng, mùi « hăng hắc » thân yêu của những lá tre khô rơi khắp đường vào những buổi chiều hè. Giấc ngủ của tôi giao động bởi những bánh xe lăn, những tiếng kim khi chạm nhau ; tiếng la hét của lũ trẻ tranh nhau pháo Tết. Một cái pháo nổ quá sớm ; hai ba đứa lăn ra bị thương. Lính, cảnh sát vây quanh. Tôi ngửi thấy mùi máu, tanh hôi lợm giọng. Tôi cảm thấy nhờn nhờn và ói liên hồi. Thì ra tôi mửa thực, và thức dậy trong một cảm giác thoải mái hơn bao giờ hết.

Trời đã sáng hẳn. Sự tỉnh táo và cơn đau đã dịu dần làm cho tôi quan sát kỹ lưỡng cảnh vật chung quanh. Trong đêm, hai ba trường hợp bị thương được gởi vào và tôi vẫn được xếp vào loại « không khẩn cấp », hoãn mổ cho đến hôm nay. Chung quanh tôi giường nào cũng dính đầy máu, mới buổi sáng chưa kịp thay drap. Chiếc máy lạnh đã cũ chạy kêu ầm ỉ như tiếng máy bay. Mấy sợi giây chuyền serum, máu, treo-

lũng lảng ở đầu giường. Đứa bé và người đàn ông hòm qua đã mở xong, vẫn chưa tỉnh. Hai người đàn bà đi vô đi ra, lo lắng, thỉnh thoảng lại đến gần giường khóc thút thít. Bác sĩ bảo «bệnh cháu khá nặng, nhiều mảnh đạn ghim sâu vào phổi và ruột. Cả hai chân cũng bị nhiều chỗ. Thôi, chúng tôi cố gắng được chừng nào hay chừng đó». Người đàn ông số mười, theo lời bác sĩ, không có gì nặng nếu được đem về sớm hơn. Nhưng ông ta không thể nào được chuyển về sớm hơn vì những ụ đất dọc đường, vì những chiếc cầu nhỏ mà ưu tiên phải dành cho xe quân đội

Đến đây, tôi đã nói dối.

Tôi đã nói dối. Tôi về là tại tôi không chịu đựng nổi những câu mè sảng đó. Tôi hiểu tại sao đứa bé mười tuổi đi suốt đêm không về, tại sao người công chức mắc phải tai nạn. Tôi hiểu hết. Hai ngày nằm bệnh viện cho tôi niềm mong ước mới cho mùa xuân. Tôi vẫn là người chưa bất hạnh nhất trần gian như tôi tưởng. Người bất hạnh nhất vẫn là những người đàn bà Việt Nam ; âm thầm, lo lắng cho gia đình, nhìn chồng, nhìn con ra đi, đi sâu vào những gò bó vượt ngoài tầm tay yếu đuối và nhỏ bé của mình. Đủ rồi, tôi không muốn nằm bệnh viện nữa. Ung nhọt bao tử tôi là một thứ ung nhọt nhỏ, nhỏ gấp triệu lần ung nhọt của đất nước.

TÔI bị tai. Bác sĩ ơi, cho tôi về. Không được, ông cần nằm ít hôm nữa để điều trị. Ông về bây giờ nguy hiểm lắm. Thôi tôi về được rồi, tôi khỏe lắm.

Tôi đã nói dối. Tôi về là tại tôi không chịu đựng nổi những câu mè sảng đó. Tôi hiểu tại sao đứa bé mười tuổi đi suốt đêm không về, tại sao người công chức mắc phải tai nạn. Tôi hiểu hết. Hai ngày nằm bệnh viện cho tôi niềm mong ước mới cho mùa xuân. Tôi vẫn là người chưa bất hạnh nhất trần gian như tôi tưởng. Người bất hạnh nhất vẫn là những người đàn bà Việt Nam ; âm thầm, lo lắng cho gia đình, nhìn chồng, nhìn con ra đi, đi sâu vào những gò bó vượt ngoài tầm tay yếu đuối và nhỏ bé của mình. Đủ rồi, tôi không muốn nằm bệnh viện nữa. Ung nhọt bao tử tôi là một thứ ung nhọt nhỏ, nhỏ gấp triệu lần ung nhọt của đất nước.

TÔI gấp đôi người lại vì một cơn đau nhói thỉnh linh kéo lại.

Bác sĩ cho tôi biết là sau một đêm hút bao tử như vậy tôi có thể khỏi phải bị mổ ngay, nhưng cần nằm ít hôm để phòng xem có gì lạ nữa. Tôi muốn về, muốn trốn hết những chết chóc phi lý ở đây. Làm sao tôi chịu đựng nổi cái mè sảng rùng rợn của hai bệnh nhân nằm cạnh tôi. Đứa bé thỉnh thoảng lẩm nhảm : **Đến đây, tôi đã nói dối.** trong cơn mê còn hát **Đến đây, tôi đã nói dối.** rồi nó cười « hi hi, **Đến đây, tôi đã nói dối.** ». Những tiếng nói, tiếng hát, tiếng cười đã đâm thẳng vào lồng ngực tôi, đau nhói. Bác sĩ ơi, cho tôi về ; tôi nghe những mè sảng đó không quen, **Đến đây, tôi đã nói dối.**

chinh văn

BUỔI SỚM

gửi em tôi, tuổi mười lăm

BUỔI sớm !

Trong khi cái lạnh gáy gáy của đêm như còn vương vấn, nương trong gió trong sương, len vào tận căn phòng, vào tận gối chăn chìm giấc ngủ em thì, ngoài kia, vừng hồng cũng vừa lên cao, theo tiếng chim non, đem cái ấm áp đến muôn loài.

Một bóng sáng trứng gà nào lạc lõng, nhờ sự cố ý hay vô tình của mái lá, của cánh cửa đề ngõ, huy hoàng thẳng chiếu vào mắt em, làm cho em choáng tỉnh giấc.

Em từ từ hé đôi mi, ngỡ còn lạc lối trong mơ, thì tiếng chim vui trên mái lá đã tiếp gọi em về thực tại. Cảm tưởng đầu tiên đến với em sẽ là sự bức bối và tiếc rẻ. Giấc mộng vàng của em còn nhiều hứa hẹn quá mà. Ánh nắng, tiếng chim, có thể đã gây cho em

một đoạn tuyệt, một chia lìa. Người trong mơ đã vĩnh viễn xa em rồi. Hoa bướm cũng không còn trong tầm tay với nữa. Em định nhắm mắt hòng nối lại giấc mơ dang dở. Nhưng kia... vút ! Một chú chim sẻ vừa nghiêng đầu, nhón chân, làm giập lên một âm thanh nhọn hoắt, bay thoát khỏi tầm mắt em. Rồi lại... vút... vút ! Những chàng, những nàng chim khác cũng vui đàn, tung mình rời tổ ấm.

Phải không em, em đâu còn can đảm khép mắt lại nữa.

Dù muốn hay không, tia mắt em đã gọi theo màu cánh chim nâu.

Và rồi em sẽ thấy gì ?

Qua khung cửa sổ, cây ngoài vườn bắt đầu trở màu, thay lá. Hàng dừa với những ngón xanh dài rũ bóng trên

giòng sông êm xuôi thoải mái. Ánh vàng của mặt trời đã đem lại luồng sinh khí mới cho vạn vật; tất cả đều mướt mát, khoẻ khoắn, rộn vui. Những hạt sương mai bắt đầu trở thành kim cương ngọc thạch. Nước trên sông cũng đang giát vàng giát bạc. Màu đỏ của hoa hồng thắm hơn. Màu trắng của lan trinh nguyên hơn. Màu vàng cúc huy hoàng hơn. Cánh bướm với màu sắc thiên nhiên như đang tự biến chế để dồi dào phong phú, rực rỡ, tinh khôi hơn.

Rồi trong khi em đang say sưa ngắm nhìn sắc màu vũ trụ thì bên tai em đồng vọng tiếng hò rì rì hò tặc của bác nông dân, tiếng tí tách, rì rào của những chiếc gàu sòng gàu giai, tiếng nước róc rách từ những đám ruộng cao ruộng thấp. Có tiếng véo von của câu hát giọng hò cô thôn nữ nào vừa cảm hứng... Tiếng gà gáy vọng, tiếng chim quen trong gió mai...

Em sẽ nằm yên trên giường, chân cao đến ngực, đầu vươn khỏi mùng; nhưng có thể mắt cứ lim dim, em để tâm hồn phiêu du ra tận cánh đồng, hoặc đến một nơi xa mù hơn nữa. Em sẽ thấy hay cảm thấy cái màu nhàn nhạt của cánh đồng dưới làn sương sớm. Những sóng mạ xanh non lượn múa dưới nắng tươi. Màu cỏ ướt long lanh, màu đất xám trở mình. Cái lưng anh nông dân đang bắt đầu lên nước, đồng lúc với màu đen mướt của da trâu. Em sẽ mơ hồ nghe tiếng ngọn roi tre hút gió tron trót trên cánh tay anh dân cày, xen trong tiếng thở phì phào của người của vật, tiếng bì bõm của những bước chân trên luống cày ngập nước.

Có lẽ sẽ có một con sáo đen nào đó vừa đáp xuống lưng trâu, nghiêng đầu rút từng con bọt no máu ở nách ở tai, trong lúc chủ trâu vẫn thản nhiên, ung dung gặm cỏ. Và chim cũng ung dung đi lại, nhảy nhót trên chiếc lưng to, như vua ngự ngai vàng.

Em sẽ thấy hay cảm thấy màu má hồng của những thôn nữ đang lom khom bên luống mạ. Đôi môi mọng của một cô nào vừa cong lại tinh nghịch hát treu một chàng trai bên ruộng dưới. Và tại sao em lại không thể không liên nghĩ đến người em yêu, ở một nơi xa xôi nào đó, trong giờ phút thiêng liêng này! Kìa, em có nghe tiếng chân chàng. Tiếng chân dẫm cảm đang dẫm lên chương ngại chông gai? Tiếng chân băng rừng vượt suối? Lá rừng đang che dấu chàng mà lại cùng chàng thì thầm. Mũi súng lằn gươm rình rập. Mạng sống mong manh. Đôi mắt chàng, đôi mắt long lanh đang nhìn quanh lục lọi. Súng nổ trước mặt, sau lưng, trên đầu, dưới chân, khét ngòm.

Rồi những gì sẽ xảy ra cho một người chiến sĩ?

TRONG khi em đang mãi mê hưởng trọn tâm tư về « hoàng tử của lòng em » thì.. « chát, chát! » bác thợ rèn xóm bên đã nện mấy nhát búa đầu tiên. Tiếng vang gắt, sắc, và chát. Cái khối sắt đỏ ấy chắc là đang loé hào quang như pháo hoa mai.

Em sẽ liên tưởng đến những cái bếp than rực rỡ, hồng soi mấy bờ vách đất, dọi cái bóng đen to lớn của bác thợ

lên tường ; đến cái bể nước đục lờ bên cạnh hỏa lò trui thép ; đến những đồng sắt vụn với những màu hoen rỉ ; đến mớ dụng cụ ngổn ngang, đến cái màu da vàng tái của bác thợ nháng lửa mỗi khi than rồ bập bùng. Và chắc em cũng không quên cái dáng ngồi thõng hai chân trên chiếc ghế cao cứng của chú bé con thối ống bễ, vừa làm vừa ngủ gà ngủ gật.

Bỗng tiếng máy phát thanh bên hàng xóm vang rè rè. Em sẽ trở về với những băng khuâng thường nhật : không hiểu hôm nay bên Ghana, bên Indonésia tình hình đã lắng dịu chưa ? Những cuộc vận động bên Nhật, bên Mỹ tới đâu ? Hội nghị Genève sắp tới liệu có thành ? Những đại cường quốc đã toan tính gì về những giải pháp Việt Nam ?

Em sẽ trở về với những băng khuâng thường nhật : không hiểu hôm nay bên Ghana, bên Indonésia tình hình đã lắng dịu chưa ? Những cuộc vận động bên Nhật, bên Mỹ tới đâu ? Hội nghị Genève sắp tới liệu có thành ? Những đại cường quốc đã toan tính gì về những giải pháp Việt Nam ?

« Bịch ! Bịch ! » tiếng máy nổ rền của nhà máy dệt bên cạnh. « Đùng, đùng ! » tiếng máy bay phản lực như xé màng tai. Tiếng xe gắn máy, xe hơi. . . tất cả làm loảng đảng cái lo âu to lớn, điệp trùng của em.

Có thể là em sẽ mất đi cái cảm giác lâng lâng ban đầu, em không còn vui được, em sẽ bỏ cái tay chống đầu để gieo nhẹ người xuống gối ; em thích tìm lại giấc ngủ, em muốn được người quên, muốn mãi mãi mơ màng trong cõi mộng, vì xét cho cùng chỉ có cõi mộng là còn đôi chút thanh bình thôi. Nhưng làm sao em còn ngủ lại được, vì tai em chưa được điếc, mắt em chưa

được mù...

Và chú chim sẻ nào đó sẽ lại lù lờ trên mái ngói. Vô tình, em sẽ lại phải thò đầu ra khỏi mùng như trước. Em sẽ ân hận, nhưng em vẫn phải thấy, vẫn phải nghe, hơn thế nữa, em sẽ cảm thấy cái làn hơi âm ẩm phát xuất từ mặt trời, xuyên qua mái lá, đã cho em cái cảm giác hay hay dễ chịu.

QUA một đêm đen tối, lạnh lẽo và đầy ám ảnh, buổi sớm với ánh hồng ấm lửa, không, nhẹ hơn thế nhiều, nhưng vui hơn, đã làm nóng lại máu em.

Rồi nếu bắt chợt ngừng đầu nhìn trời, em sẽ thấy gì ?

Cái màu trời bấy giờ xanh ít lắm vì màu trắng của sương mai còn đang tỏa rộng. Nhưng kia ! mây trắng đang rực ánh hồng, mỏng dần, tan biến dần... Thỉnh thoảng, vài khóm sương rách để cho từng mảnh trời xanh lơ !

Tại sao em lại không thể tin rằng chỉ trong thoáng chốc, một thoáng chốc nữa thôi, cái màn sương bao la kia sẽ tan biến hẳn để nhường cho màu xanh ngự trị ?

Không có cái hy vọng nào mà không vườn chút nghi ngờ. Bởi nghi ngờ mới đích thực là tin tưởng, cũng như màu trắng càng đen sẽ cho màu phấn sắc sảo hơn lên.

Em ! Tất cả những cảm nhận trên nhờ đâu mà có ?

Tin rằng, nếu em vô tình ngủ trưa một chút, thì em sẽ mất đi tất cả.

Bánh mắt ra em sẽ hối tiếc đến chừng nào khi cửa nhà đã mở toang, nắng đã gắt gay, phố phường đã ngựa xe nhộn nhịp. Bấy giờ, em sẽ thấy mình như lạc lõng, như bị bỏ quên. Hơn thế nữa, em sẽ thấy sự hờ hững với buổi sớm gần như là một tội lỗi.

Bởi vì trong ngày chỉ có một buổi sớm, trong tháng chỉ một ngày rằm và, trong năm chỉ một lần xuân.

Cũng thế, tuổi trẻ chỉ đến một lần trong đời người.

CHỜ dừng lại quá lâu trong bóng tối. Chờ ngủ quá say trong lúc mọi người đang gọi sức cánh tay.

Hãy như một mũi tên, vùng dậy, lao

thẳng vào cuộc sống anh chị em hôm nay.

Máu và mồ hôi đã không ngừng đổ trong những giờ em đang ngon giấc.

Hãy dậy sớm mà đón nhận sự hùng vĩ của đất trời, nghe cỏ mọc và, nghe sức người lớn mạnh.

Hãy bước khỏi giường. Bánh xe đang chuyển mạnh ngoài kia.

Hãy cố gắng để trở thành hữu dụng, để trong lúc xế chiều cuộc đời, khi ôn lại quãng đường qua, em sẽ không có nhiều điều để hổ thẹn khi tự hỏi thăm : « Tuổi trẻ của ta ? Tuổi trẻ của ta đã ra sao ? Ta đã xử dụng nó thế nào ? Đã làm được gì đáng kể cho ta, cho những người thân yêu và, cho chính quê hương ? »

ANH HAY CHỊ ĐÃ MUA

MU'ÒI BÀI TÂM CA

Của Phạm Duy

ĐỂ VÊ HÁT CHƯA ?

nói với tuổi hai mươi

NHẤT HẠNH

VI

TÌNH yêu có nghĩa rộng cho nên bản chất của tình yêu không thuần nhất. Tình yêu của con cái đối với cha mẹ chẳng hạn, lúc đã khôn lớn không thể giống hẳn như khi còn ấu thơ. Tôi muốn đàm luận đến tình yêu nam nữ ở đây, nhưng tôi ngại em sẽ cho rằng tôi không có thẩm quyền bàn về nó.

Tôi không nhận rằng tôi có thẩm quyền, thực vậy, nhưng tôi nghĩ sẽ ít có ai tự cho là mình có đầy đủ thẩm quyền để nói về luyện ái. Tôi cho rằng ở tuổi em vấn đề luyện ái là một vấn đề lớn có liên hệ tới một vấn đề lớn khác và tôi chắc rằng em cũng đã có quan niệm của em. Tôi chỉ muốn trao đổi với em một ít nhận xét và hiểu biết. Ở tuổi em tình yêu nam nữ là một tiếng gọi lớn có khi lấn át những tiếng gọi khác. Tôi nói lấn át chứ không nói tiêu diệt. Ở tuổi em, em thấy rõ ràng

tiếng gọi luyện ái mạnh hơn tiếng gọi của tình yêu cha mẹ. Điều đó không hẳn đã là một sự bội bạc. Ở cái tuổi đó, tình nặng hơn hiểu bởi vì tình là tình mà hiểu chỉ là hiểu, nói khác hơn tình là một thứ tình mới mà hiểu là một thứ tình đã nhạt bớt chất tình và thêm vào chất bồn phận, ân nghĩa. Như tôi đã nói, tình yêu có tác dụng rất lớn và có thể chữa lành cho em nhiều thương tích nặng nề và giúp em thực hiện được việc lớn nữa nếu em biết chuẩn bị đón chờ nó, biết cách nhận diện nó, đi đôi với nó, bảo vệ nuôi dưỡng và hướng dẫn nó. Tôi nghĩ rằng vào tuổi hai mươi người ta có thể chưa có đủ chín chắn và khôn ngoan để nuôi dưỡng và bảo vệ tình yêu, nhưng không phải vì thế mà em phải coi tình yêu như một điều cấm kỵ. Chắc chắn là em sẽ vấp vấp, khổ đau, nhưng

không sao, nếu em biết rút kinh nghiệm để học tập và xây dựng cho tình yêu.

TÔI cho rằng không có một thứ tình cảm nào mà không có liên hệ đến sinh lý, kể cả lòng thương xót, kể cả tình mẹ thương con. Chúng ta sinh ra như một hợp thể ngũ uẩn, vậy những nhu yếu của chúng ta đã được viết sẵn trong bản chất của hợp thể ấy, trong đó có phần sinh lý. Một bà mẹ yêu con, không thể sung sướng được một cách hoàn toàn nếu không được ôm con vào lòng mỗi khi bà muốn. Thấy một đứa trẻ mũm mĩm và ngoan ngoãn, ta cũng ứa gọi nó lại gần, hoặc bế nó. Thấy một đứa bé ngộ nghĩnh, dơ bẩn, hôi hám, mắt mũi lèm nhèm, ta không có cái ước muốn đó. Ngũ uẩn ta ưa thích những gì ngọt ngào, êm dịu, tươi mát, đậm thắm, đẹp đẽ. Đó là những nhu yếu tương đối gần nhất. Khi nào trí tuệ và tình cảm ta có những nhu yếu khám phá và yêu thương cao cả, thì tiếng gọi của những nhu yếu ấy sẽ thắng tiếng gọi của những nhu yếu gần gũi kia, và ta sẽ chấp nhận sự mệt nhọc, lo âu, chịu đựng. Tình yêu nam nữ khởi sự là một nhu yếu gần gũi nhất với hợp thể ngũ uẩn, còn mang nặng tính chất hưởng thụ nhưng có thể vươn tới giai đoạn tình cảm và nhận thức rất xa để biến thành cao cả bất chấp những nhu yếu ban đầu. Ở giai đoạn này con người có thể khinh thường sự hưởng thụ và chấp nhận được sự hy sinh, cũng như trong tình yêu tổ quốc và tình yêu danh dự. Khởi đầu, nó là một đam mê có tính cách ngũ uẩn tổng quát: chúng ta ưa chuộng những màu sắc, đường nét,

những cái duyên, những tài ba, những đức hạnh. Và nằm dưới những ưa chuộng đó là nhu yếu tự nhiên của sự bảo tồn chủng loại. Vậy tình yêu nam nữ bắt gốc trước tiên từ những nhu yếu sinh lý căn bản, gửi những cái rễ lớn trong các môi trường nhu yếu thẩm mỹ, trí tuệ, lý tưởng, ý chí và đạo đức để trưởng thành lớn lao. Tính chất của tình yêu sẽ tùy thuộc ở những chiếc rễ nằm trong các môi trường đó. Nếu chiếc rễ ở môi trường sinh lý là chiếc rễ thu hút nhiều chất dinh dưỡng nhất thì cây tình yêu sẽ nặng về sinh lý. Nếu chiếc rễ ở môi trường thu hút lý tưởng nhiều chất dinh dưỡng nhất, thì cây tình yêu sẽ nặng về lý tưởng, vắn vắn. Không có trường hợp nào giống trường hợp nào. Chỉ có một vấn đề quan trọng: tình yêu phải thực là một nhu yếu, nghĩa là một nhu yếu nhắm tới sự xây đắp, bảo vệ và mỹ hóa cho sự sống. Một đam mê làm xáo trộn sự sống, tàn phá sức khỏe, tàn phá trí tuệ, tàn phá lý tưởng không phải thực sự là một nhu yếu của sự sống mà là một sức phá hoại. Đó là nguyên tắc phải theo.

Nếu tình yêu mà mang dáng dấp của đau ốm, của u sầu, của sự chết thì đó là triệu chứng của một sức phá hoại. Nếu tình yêu mà khiến cho ta yêu đời, hăng hái, can đảm, cường tráng, biết hy sinh, thì đó là sự có mặt của sự xây dựng. Em hãy theo tiêu chuẩn đó để chuẩn bị, để nhận diện, để đối phó, để bồi đắp. Yếu tố lý trí có mặt trong tình yêu, bởi vì một tình yêu đích thực là một tình yêu gói trọn bản thể em — nghĩa là khi yêu, em đem hết con

người của em để đáp lại tiếng gọi của tình yêu, và như thế sắc thân, cảm giác, suy tưởng, ý chí và nhận thức đều có mặt. Nói tóm lại tình yêu phải biểu lộ sự sống vươn lên. Tình yêu chống lại với sự chết và mạnh hơn sự chết.

TÌNH yêu có quá trình sinh trưởng và hoại diệt của nó nên cũng giống như một cái cây cần được vun bón tưới tẩm, che chở. Sự khôn ngoan, bản lĩnh và ý thức ở đây rất là cần thiết. Nếu em vụng về quá thì em sẽ là đồ võ lung tung và em sẽ kết luận rằng yêu là khổ. Thực ra yêu cũng là khổ đấy, nhưng mà hầu hết những cái khổ kia đều do em tạo ra chứ chúng không phải là những cái khổ tất yếu phải có trong bất cứ tình yêu nào. Yêu thương theo nghĩa rộng là không công nhận ranh giới của một cái bản ngã. Tất cả mọi hiện tượng, kể cả con người, đều chỉ là những trung tâm quy tụ của những điều kiện. Ví dụ cái bàn. Cái bàn chứng minh bằng tự thân đó, nơi tự thân nó sự có mặt của gỗ, của cửa, của đinh, của búa, của thời gian, của không gian, của người thợ mộc, vân vân. Ngoài những điều kiện đó thì không thể có cái mà ta gọi là bàn. Vậy cái bàn chỉ có thể là cái bàn trong liên hệ nhân duyên với vũ trụ, chứ không thể là một cái bàn trong cái bản ngã không liên hệ gì hết với những cái khác. Ý tưởng về bản ngã và ranh giới về bản ngã là nguyên do của sự cô đơn trống trải. Bằng con đường khám phá hoặc bằng con đường thương yêu, ta phá vỡ ý tưởng đó để thể nhập vào vũ trụ trong tương quan tồn tại của các hiện tượng trong nó. Vậy yêu thương, dù là chỉ yêu thương mới có một người

cũng là phá vỡ ranh giới tưởng tượng về một bản ngã để vươn tới nhận thức về sự tồn tại của một trong tất cả và của tất cả trong một. Do đó mà hôn nhân không phải là biện pháp thiết yếu để giải quyết tâm trạng cô đơn. Chỉ có tình yêu, bất cứ tình yêu nào, miễn là tình yêu lành mạnh, mới có thể giải quyết được cô đơn. Và cái cô đơn của con người chỉ có thể biến mất một cách tuyệt đối khi con người thấy mình sống trong hòa điệu lớn của vũ trụ, nghĩa là hiểu biết tất cả và thương yêu tất cả. Hôn nhân không có tình yêu, hoặc hôn nhân chấm dứt tình yêu thì chỉ là một hình phạt, chỉ là tăng thêm sự cô độc. Cho nên chinh phục một người để cùng đi đến hôn nhân, điều này rất gần với sự hùn vốn làm ăn, không khác gì đi quảng cáo để tìm người góp cổ phần. Tôi không chống đối gì sự làm đẹp và sự phô trương tài ba cốt để cho người kia say mê mình. Để chinh phục một người khiến cho người đó yêu mình, con trai cũng như con gái có ngàn vạn cách khác nhau, nhất là con gái, vì phái nữ đã được yểm trợ quá đầy đủ trong công tác này. Số lượng của những gian hàng cung cấp mọi thứ làm đẹp cho phụ nữ cũng đủ chứng minh cho điều đó. Tôi không chống đối bất cứ một phương tiện nào miễn là những phương tiện kia không làm tổn thương danh dự và nhân phẩm mình. Nhưng tôi nghĩ rằng những phương tiện ấy không đủ để nuôi dưỡng bảo vệ tình yêu. Nếu tất cả những cố gắng của em chỉ để làm xong được giấy hôn thú thì tôi cho là bi thảm quá. Hôn nhân không giải quyết được nhiều chuyện đâu. Hôn nhân, trong trường hợp này giết chết tình

yêu, hoặc ảo tưởng tình yêu. Người con gái có thể thấy nhợt nhạt, thiếu sức của người con trai, và có thể chịu theo thị hiếu thay đổi của người con trai bằng cách chải đầu ba kiểu trong một ngày và thay áo bốn lần trong một buổi chiều. Nhưng liệu em có làm như thế được cả đời không, và liệu em làm như thế có đủ không. Tôi không tin là đủ. Muốn có tình yêu đẹp đẽ và bền chặt những người yêu nhau phải biết xây dựng cho nhau. Nếu không, tình yêu sẽ được giới hạn lại trong sự ưa thích mới lạ về hình thức và trong hưởng thụ đôi chác. Từ điểm này, con người sẽ không vâng theo một quy luật nào nữa, và xã hội sẽ rối loạn khi tình yêu được định nghĩa như sự đam mê sắc dục. Hiện tượng này sẽ phát hiện toàn diện khi tình yêu theo nghĩa đẹp nhất của nó vắng mặt hoàn toàn trong lĩnh vực con người.

CÓ người sẽ nói « Tôi không cần cái tình yêu hiểu theo nghĩa đẹp đó, tôi không theo một quy luật nào cả ». Thực ra, tôi cũng không viết những dòng này với mục đích bảo vệ một quy luật. Nhưng tôi nghĩ có hai điều cần được đàm luận. Điều thứ nhất là nhân danh sự sống tươi đẹp ta phải nhận thức rằng sự đam mê sắc dục không vâng theo một quy luật nào cả sẽ kéo theo sự ố ỹ và sự thấp kém của tinh thần lẫn thể xác. Điều thứ hai là sống trong xã hội không phải như sống một mình trong rừng sâu : ta phải vâng theo một số qui tắc nào đó để duy trì trật tự và hạnh phúc cho đa số. Vậy có thể có những quy luật khác nhau ở những

thời gian và địa phương khác nhau. Tôi thấy cái lối vi phạm ra những mệnh lệnh siêu hình để thay thế, hoặc ít ra là để ủng hộ cho những quy luật xã hội, hiện thời không còn có hiệu lực nữa. Chỉ bằng chúng ta xét đoán bằng trí tuệ ta, và trên nguyên tắc bảo vệ sự sống, bảo vệ ý nghĩa cao đẹp của sự sống, hiện tại và tương lai. Có phải em đồng ý rằng chỉ có một tình yêu trong sáng lành mạnh mới giúp em được sinh lực và ý chí đi tới không ? Có phải em đồng ý rằng thiếu tình yêu chân chính thì sự vương vấn vào sắc dục chỉ đem lại buồn chán, nghi ngờ và lụn bại không ?

Không ai cấm em, trong khi yêu, tạo dựng thần tượng. Em nói : đời này yêu thì yêu chứ thần tượng thì không. Tôi nghĩ không phải như vậy. Nếu không còn thần tượng thì không còn là yêu. Có lẽ tôi cổ hủ mất rồi, nhưng biết làm sao? Nếu em đồng ý rằng trong khi yêu ta không tránh khỏi sự tạo dựng ngay thực chất cho thần tượng thì em nên bắt đầu tạo thần tượng ấy. Chỉ có một cách làm cho tình yêu bền vững mãi, đó là giữ cho người yêu mãi mãi là nguồn cần thiết và ngọt ngào của mình. Một mình người yêu của em làm việc ấy thì nặng quá ; em phải giúp sức người yêu của em. Và phải giúp một cách thật tế nhị. Công việc này chỉ cần kiên nhẫn và sáng suốt là được, trong tình yêu em rất dễ ảnh hưởng đến người em yêu. Tình yêu sẽ trợ lực em. Mãnh lực của tình yêu rất lớn lao.

TRƯỚC hết, em nên hiểu rằng danh vọng, sắc đẹp và tài ba không thể bảo đảm được rằng đối tượng kia sẽ là nguồn cần thiết và ngọt ngào bất tuyệt

của mình. Tìm ra được người thích hợp với em không phải là dễ dàng. Em phải biết nguyện vọng, sở thích, tính khí, kiến thức và lý tưởng của người đó, và xem những thứ đó có hợp với em không. Hợp không có nghĩa là GIỐNG mà chỉ có nghĩa là KHÔNG XUNG KHẮC, là CÓ THỂ BỔ TÚC CHO NHAU. Những thứ đó sẽ là những mối dây liên lạc, hợp nhất, là những chất liệu nuôi dưỡng tình yêu. Chính những đeo đuổi, những sở thích, những lo âu chung sau này sẽ là chất keo sơn gắn bó hai người với nhau, và gắn hai người với những người đồng tâm đồng điệu khác. Chính những thứ đó xua đuổi dần những bóng tối cô đơn vây phủ bản ngã. Lý tưởng chính nó là một thần tượng, do đó người yêu khôn ngoan bao giờ cũng đồng hóa hoặc liên hệ mình với lý tưởng của người mình yêu vì thế cũng bất diệt như thần tượng. Em sẽ không bao giờ mất người yêu nếu em sốt sắng với lý tưởng của người yêu.

Có một người bạn trẻ bảo tôi, giọng đầy phần uất : tại sao những tình yêu không thể TỰ NÓ LÀ NÓ được mà phải nhờ đến cái khác, như là lý tưởng, như là Thượng Đế, mới có thể tồn tại? Người bạn trẻ đã ghét cay ghét đắng câu nói của Saint Exupéry « yêu nhau không phải là nhìn nhau mà là cùng nhìn về một hướng ». Thực ra tôi không có nói gì giống Exupéry, tôi chỉ nói đến cách bảo vệ nuôi dưỡng tình yêu thôi, nhưng tôi cũng xin trả lời người bạn trẻ : không có cái gì có thể tự nó là nó được; cái gì cùng là hợp thể của nhân và duyên, nghĩa là của điều kiện. Cái này có nhờ cái kia có, cái này

không thì cái kia không. Bản thân ta đã có thể TỰ NÓ LÀ NÓ chưa, huống hồ tình yêu là một cái gì phát sinh từ bản thân ta. Không có cái gì có thể, cái gì cũng phải nương trên những cái khác mới có thể có; cái gì cũng chỉ tồn tại trong liên hệ nhân duyên. Tình yêu cũng thế; anh có bốn phận nuôi dưỡng nó, nếu anh không muốn nó chết. Nếu Exupéry nói tình yêu nam nữ chỉ có thể tồn tại qua tình yêu đối với đấng Thượng Đế thì ông mục sư của André Gide trong cuốn *La Symphonie pastorale* lại không nói ngược lại rằng: « Lạy chúa, đôi khi con có cảm tưởng rằng con cần tình yêu của nàng mới có thể yêu được Chúa » hay sao?

Nhất định là tình yêu phải nương vào những điều kiện khác mà hiện hữu. Ngày nào em không bồi đắp cho tình yêu thì ngày đó em làm cho tình yêu ngắn đi, yếu đi. Không phải leo lên chiếc xe đạp và đạp vài vòng thì chiếc xe có thể đi mãi như một chiếc xe gắn máy. Em phải tiếp tục đạp, dù là thông thả. Nếu em không đạp, thì khi hết đà, chiếc xe sẽ ngã. Khi đó, tình yêu sẽ cạn như một dòng suối khô cạn và sự phụ bạc có thể là sẽ tới một cách tự nhiên, bởi vì em đã biết tình yêu là một nhu yếu.

Xã hội kết án nhưng xã hội không chịu xem xét những nguyên nhân nào đã đưa tới sự phụ bạc. Hậu quả là một cái gì phải đến sau nguyên nhân; hậu quả không đáng trách, chỉ có nguyên nhân là đáng trách.

TÌNH yêu, cũng như bất cứ một hiện tượng tâm lý nào khác, gồm có

một chủ thể và một đối tượng. Luật yêu thương đòi hỏi chủ thể một KHẢ NĂNG YÊU THƯƠNG và ở đối tượng NHỮNG ĐIỀU KIỆN ĐỂ YÊU THƯƠNG. Đối tượng không đáng yêu, hoặc đáng yêu mà không tự bảo tồn được tính cách đáng yêu của mình, hoặc đáng yêu nhưng không chịu phát triển những tính cách đáng yêu của mình để đáp ứng với nhu cầu của chủ thể yêu thương thì đối tượng ấy sẽ tự mình rút lui ra khỏi giới hạn đối tượng và không thể đòi hỏi ở chủ thể một tính cách chung thủy. Lẽ giản dị là muốn được yêu thì phải đáng yêu. Tự hủy bỏ tính cách đáng yêu nơi mình đi tức là tự ý thôi không muốn được yêu thương nữa. Hơn thế, trong khi chủ thể thương yêu thăng hóa tiến bộ mà đối tượng không chịu cố gắng để cùng thăng hóa tiến bộ, nghĩa là để được ĐẸP thêm, sáng thêm thì chủ thể có thể bỏ xa đối tượng. Trong trường hợp này lỗi cũng tại đối tượng, không thể đòi hỏi tính cách chung thủy của chủ thể.

Như vậy trách nhiệm hoàn toàn nằm ở đối tượng sao ? Không hẳn đâu em. Chủ thể cũng chịu chung một phần trách nhiệm. Yêu thương mà không hiểu được đối tượng thương yêu, không giúp được đối tượng thương yêu tự bảo tồn được tính cách đáng yêu, không làm phát sinh được nơi đối tượng một sức mạnh đi tới để thêm đẹp, thêm sáng, để kịp thời lên cao một lần với mình thì chủ thể cũng có lỗi, bởi vì thương yêu là chịu hết trách nhiệm về người mình yêu thương. Cái lỗi của chủ thể là thương yêu không đúng, không sáng, không đủ chân thành, không đủ màu nhiệm, không đủ sức mạnh để

bảo tồn, nuôi dưỡng và hướng dẫn đối tượng. Và đó chính là chỗ đáng trách của chủ thể.

Nếu cả hai bên đều cố gắng bồi đắp tiến bộ theo luật đó thì thủy chung là một hoa trái đẹp tất nhiên phải có. Còn nếu một bên thiếu cố gắng — cũng có nghĩa là hai bên thiếu cố gắng — thì phụ bạc là điều có thể xảy ra. Cả hai bên đều đáng trách, tuy rằng một bên đáng trách hơn. Nếu em nắm được nguyên lý đó thì em không còn sợ hãi nữa. Không sợ hãi em, không sợ hãi ai. Không sợ hãi cuộc đời. Em có thể đánh bại được mọi đe dọa.

TÌM được một người mà em có thể yêu với một tình yêu như thế, em nên biết rằng em đang sung sướng. Em hãy ý thức em đang ở vào một tuổi rất đẹp. Em đang được sống trong lòng tổ quốc, có trời có mây, có chim có bướm, có sương mù buổi sớm, có sao trăng đầu hôm. Và em đang yêu, và đang được yêu. Với từng ấy điều kiện mà đâu phải chỉ từng ấy điều kiện thì dù em đang có bao nhiêu vấn đề đi nữa, em cũng là một người sung sướng thật sự rồi mà. Em nên nhắc em và nói cho người yêu của em biết là em đang sung sướng, và may mắn hơn rất nhiều kẻ khác. Để em thận trọng đừng vụng dại làm đổ vỡ những gì quý báu em có trong tầm tay em. Thường thường khi mất đi một hạnh phúc người ta mới biết là hạnh phúc đó quý giá. Như hai con mắt chúng ta đây, có phải là lắm khi ta quên rằng chúng quý giá vô cùng hay không. Tôi có nói với em rằng chỉ có người mất thị quan rồi mới thấy

tất cả sự quý giá của đôi mắt. Vậy em đang sung sướng. Những hiện tượng hờn giận, ghen tuông chắc chắn sẽ xảy ra, làm sao tránh được. Tôi không khuyên em tránh một chút nào, bởi vì những hiện tượng ấy chứng minh rằng em đang yêu, và người yêu của em cũng đang yêu em tha thiết. Hãy đón nhận những hờn giận ghen tuông ấy, mà phần nhiều đều là do quá yêu, và do vô minh nữa, gây nên. Phần lớn đều xuất phát từ những nguyên nhân nhỏ như hạt cát hoặc những nguyên nhân nhỏ hơn hạt cát nữa như sự hiểu lầm vô cớ, bóng gió. Vậy bình tĩnh đừng để cho chúng trở thành lớn hơn hạt cát. Sau những cái

giận nho nhỏ ấy, các em lại càng thương yêu nhau hơn, càng quý giá, chứ sao. Nhưng mà đừng vụng về, đừng nên làm lớn chuyện những gì nhỏ như hạt cát. Cái khôn ngoan cần thiết nhất là ý thức về sự quý giá của hạnh phúc, của sự may mắn. Có sự khôn ngoan ấy rồi em trở nên một người yêu chín chắn và tình yêu sẽ bền vững.

Và nếu em đã sung sướng thì em hãy nghĩ đến chúng tôi, đến kẻ khác. Tình yêu của em sẽ nhờ đó mà bền vững hơn và chúng tôi cũng sẽ nhờ đó mà sung sướng hơn lên.

Vùng tử ngục

của THÁI LUÂN

Tập thơ mà mọi người yêu thơ và yêu Việt Nam
cần tìm đọc.

trần động phương

CÔ BÉ TIA SÁNG MẶT TRỜI

chuyện các em

THUỞ kia có một cô bé sống với mẹ cha trong một túp lều tranh giữa một khu rừng. Cô bé không bao giờ chơi với những trẻ khác bởi vì ở trong khu rừng thì không có trẻ. Nhưng cô bé quen sống với khu rừng đầy chim muông và hoa cỏ này từ lúc sơ sinh nên cô không lấy làm buồn trái lại còn vui vẻ. Và bây giờ giá cô phải trở về sống nơi thị thành đầy người, đầy xe cộ và vắng bóng những cây cao bóng cả, e cô còn sợ hãi là đằng khác.

Hằng ngày, cô bé dạo chơi một mình giữa rừng xanh không cần nhìn phương hướng, bởi vì dù đi đến tận đâu, chiều lại, cô vẫn tìm được đường về túp lều của cô. Cũng như con chim bồ câu, nó có năng khiếu đặc biệt có thể rời tổ bao xa vẫn tìm được lối về. Thế mà, lạ lùng chưa, một chiều kia, sau khi đã lang thang hái hoa bắt bướm một quãng đường dài, cô bé dừng chân và chợt thấy rằng mình không tìm ra lối về được nữa !

Chiều qua rồi ; đêm đã xuống. Và ý nghĩ đầu tiên của cô bé, sau một phút ngần ngừ, là nằm xuống bãi cỏ non êm dịu trước mắt mà ngủ một giấc đã rồi sáng mai sẽ tìm đường trở lại nhà. Cô bé không ngại cha mẹ sẽ lo âu

vì mình vắng mặt đêm nay, vì cô biết cha mẹ cô cũng hay rằng trong khu rừng này không hề có gì nguy hiểm. Nhưng khổ nỗi hơi lạnh ẩm của nệm cỏ làm tê cóng cả người khiến cô bé, sau vài cái hắt xì hơi, đành phải chỗi dậy. Để cho ấm lại người, cô bé rảo chân chạy mà không biết chạy đi đâu

Thế rồi cô bé đến trước một cái nhà kỳ dị mà cô chưa từng thấy bao giờ cũng như nó không hề giống một ngôi nhà nào cả. Đó là một cái nhà thấp, tròn thật là tròn, chung quanh đầy cửa sổ và có mái nhọn như tháp .

Ban đầu cô bé đi tìm chiếc cửa chính để gõ; nhưng cái nhà tuồng như cũng chạy vòng theo cô, vì mặc sức cho cô đi mấy vòng mấy lượt cũng không tìm ra cửa chính đâu cả ! Cuối cùng cô bé đành dừng bước, đưa mắt nhìn qua lớp kính cửa sổ để xem có gì trong đó. Không nhìn thấy gì bên trong, cô bé đành gõ hết chiếc cửa sổ này qua chiếc cửa sổ khác. Sau rốt, có một chiếc mở ra. Cô bé ngần ngừ một giây tự hỏi không biết có nên vào nhà một người lạ bằng lối cửa sổ không, vì như thế e không được lịch sự cho lắm. Nhưng cô bé chẳng còn muốn ngủ trên nền cỏ lạnh trong khi ngay trước mặt mình,

đang có một ngôi nhà ấm cúng như thế này, nên cô tắc lưỡi nói thầm: «Thôi cứ vào vậy!» và cô bước ngay vào.

Bên trong ngôi nhà không có một hạt bụi, bóng sạch như gương; tất cả, từ nền nhà đến bàn ghế đồ đạc đều lau sạch; tuy nhiên, mặc sức cho cô khách ti hon lớn tiếng gọi: không có một tiếng trả lời. Nhà có ba gian phòng, không một gian nào có người cả.

— Chả sao! Cô bé lại tự nhủ. Thế mà lại hay đấy. Nếu có người chủ thì mình sẽ phải chào hỏi nhiều chuyện thêm. Như thế này, mình càng khỏe. Bây giờ mình chỉ cần một chiếc giường cho ấm.

Vừa đúng là giữa căn phòng thứ nhất có một chiếc giường; bước lại gần, cô bé thấy nệm gối đủ cả, mà lạ lùng thay lại rất ấm áp, như vừa mới được sưởi xong.

Cô bé liền đặt lưng xuống nằm nghỉ, không suy nghĩ gì hơn. Và cô ngủ thẳng giấc suốt đêm, ngon lành như ngủ trên chính chiếc giường của cô vậy.

Khi cô tỉnh dậy, dường như bàn ghế không còn nằm nguyên chỗ cũ; tuy thế, gian phòng vẫn rất sạch và vui tươi. Sau khi dụi mắt vài cái, cô bé liền nhớ ngay ra cuộc phiêu lưu từ đêm của mình, cô nhớ đến cha mẹ. Cô giờ này hẳn đang trông đợi, và cô nghe sôi nóng lên trong lòng cái ý muốn trở về gặp mặt mẹ cha.

Nhưng mọi cánh cửa sổ giờ đây đều đóng... và đóng chặt đến nỗi dù đã rón hết sức cô bé vẫn không thể mở ra.

Cô bé lại chắc lưỡi và nói:

— Mấy chiếc cửa sổ này sao khó mở quá. Nhưng cũng chẳng sao, chốc lát

nữa mình nghĩ cho khỏe hơn thì thế nào mình cũng mở được. Còn bây giờ thì... giá mình có một tô cháo gà hay ổ mì thịt mà ăn thì tốt quá. Nếu mình ở nhà thì giờ này má đã dọn đồ ăn sáng cho mình.

Ngay lúc ấy, một mùi thơm dịu dịu ngòn ngọt — mùi thịt gà lẫn mùi hành ngò, đúng như thế — bỗng bay vào mũi cô bé. Lạ lùng, cô bé bèn men theo mùi thơm ấy và cô ta đi đến gian phòng thứ hai: một gian phòng ăn sáng sủa và rộng đẹp. Trên chiếc bàn tròn phủ khăn trắng, một tô cháo gà thơm tho và một ổ mì thịt vàng rộm ngon lành như mời mọc cô. Có chi mà ngần ngại nữa, cô bé liền ngồi vào ghế. No lòng rồi, bây giờ cô bé mới nghĩ đến chuyện tìm cách trở về nhà.

Lúc này thì không phải cô bé thiếu sức khỏe nữa. Nhưng cánh cửa sổ bây giờ cũng cứng rắn thêm, và chúng cứ nhất định nằm ý ra đó, không nhúc nhích, mặc dù cô bé rón sức xô đẩy cách nào.

Được cái cô bé rừng xanh này đã được rừng xanh tập cho cái tính điềm tĩnh và không dễ bị quan. Cho nên mặc dù tình trạng này, cô vẫn không nản chí lắm. Cô lại tắc lưỡi và nói:

— Ý! Cũng chẳng làm sao. Bây giờ mình cứ việc lợi dụng dịp này để hưởng những cái hay trong cái nhà này đã. Còn căn phòng thứ ba, mình chưa đến xem thử xem còn những gì?

Trong căn phòng thứ ba có những chiếc rương lớn đựng đầy những thứ đồ chơi tuyệt vô cùng và những pho sách hình vui thật là vui khiến cô bé phải say sưa giờ mãi trang

này sang trang khác đến nỗi quên cả giờ giấc. Cô chỉ dừng lại khi nhận thấy ánh sáng không còn đủ sáng bởi vì mặt trời đã đi ngủ... và cô bé nữa, cô bé cũng phải đi ngủ.

Cô ngủ ngon giấc cũng như đêm đầu tiên ; vừa lúc tỉnh dậy, mọi đồ đạc bàn ghế trong phòng lại thay đổi chỗ thêm một lần nữa. Nhưng cô bé cảm thấy, ngoài ra lại còn có một cái gì đã thay đổi nữa! Cô chợt nảy ra một ý nghĩ đếm lại những chiếc cửa sổ, vì cô có cảm tưởng như chúng ít hơn ngày hôm qua. Có mười lăm chiếc cửa sổ tất cả, tất cả đều đóng chặt. Cô lại thử mở từng cái, nhưng vẫn không kết quả gì hơn ngày hôm qua. Cũng may, chiếc rương thứ hai còn chứa nhiều cuốn sách hình và đồ chơi đẹp hơn cả những cuốn sách hình và những đồ chơi của chiếc rương thứ nhất nữa. Lại còn có cả một con búp bê nó biết mỉm cười khi người ta mỉm cười với nó và khóc khi người ta làm bộ la rầy nó. Cô bé lúc thì mỉm cười, lúc thì la rầy, như thế trong nhiều giờ đồng hồ để được thấy con búp bê cười và khóc. Mỗi ngày như vậy trôi qua rất mau và giấc ngủ đã lười cuốn cô bé rất dễ dàng đến nỗi cô không hay biết.

Lúc tỉnh dậy, cô vội vàng đi đếm cửa sổ, cô đếm đi rồi đếm lại, nhưng vẫn chỉ thấy có mười hai cái. Lần này cô vẫn muốn nói câu « Chẳng sao » nhưng không còn đủ can đảm nữa. Thật tình, nếu như những đồ chơi và những sách hình của chiếc rương thứ ba mà không đẹp lạ đẹp lùng thì chắc chắn là cô bé đã phải khóc trong ngày hôm nay.

Nhưng sáng hôm sau cửa sổ chỉ còn lại mười chiếc.

Và như thế, đêm lại đêm, những chiếc cửa sổ biến dần, và cho đến một buổi sáng đẹp trời kia thì chỉ còn lại một chiếc mà thôi ! Ngày hôm ấy, những đồ chơi đẹp và những cuốn sách hình thích thú không còn hấp dẫn được cô bé một tí tẹo nào, và cô kêu lên : « Bảy giờ tôi không thích sách hình hay đồ chơi gì nữa ; tôi chỉ muốn có một chiếc búa thật to để đập vỡ chiếc cửa sổ độc ác này ra để trở về với ba má ». Ngay lúc ấy, cô nghe có một vật gì rơi xuống ngay bên chân ; cô cúi nhìn xuống đất và thấy một chiếc búa to ; cô bèn cúi xuống lượm chiếc búa lên một cách nặng nhọc, bởi vì nó to và nặng, đúng như lời cô vừa mới nguyện cầu.

Không hề trễ một giây, cô bé dồn tất cả sức lực vào hai cánh tay giơ chiếc búa lên và đập mạnh vào chiếc cửa sổ cuối cùng ; nhưng những khung kính thay vì vỡ toang ra, dường như trở nên thêm dày và thêm đục. Cô bé nện thêm một búa nữa ; và khung kính càng dày càng đục thêm lên. Bảy giờ cô bé hoảng kinh không dám đập thêm nữa, và lần thứ nhất, cô ôm mặt khóc òa.

THÌ ngay lúc ấy, mặt trời từ sáng đến giờ vẫn núp sau mây, liền nảy ra cái ý muốn tìm hiểu xem có gì xảy ra trong những ngôi nhà bị bùng tăm tối này mà những chiếc cửa sổ thì cứ mất dần đi. Chàng mặt trời liền phái đi một trong những tia sáng của mình một tia sáng thật là ấm áp và thật là vàng óng — và tia sáng ấy đã len lỏi xuyên qua một chỗ tương đối còn khá trong trẻo của khung cửa kính. Liền đấy, tia sáng khám phá ra cô bé đang ôm mặt khóc ; nó dõn dùa giấy lát

trên mái tóc óng ả của cô, rồi tời đậu trên vành tai cô ; và bây giờ cô bé tưởng chừng như nghe có giọng nói khẽ rất khẽ nói với cô rằng : «Đừng khóc nữa, cô bé. Tôi muốn giúp cô ra khỏi nơi này».

Cô bé ngừng khóc và đưa mắt nhìn quanh kinh ngạc. Cô chỉ có một mình giữa gian phòng với tia nắng và cô hiểu ngay rằng chính tia nắng vừa nói chuyện với cô.

Giọng nói khẽ như tơ trời ấy lại tiếp tục :

— Trong vài phút nữa, tôi sẽ phải đi đến trên tấm gương của chiếc tủ và nó sẽ xua tôi xa khỏi nơi này. Nếu cô đề tấm gương làm thế, tôi sẽ không bao giờ còn giúp cô được, bởi vì qua ngày mai thì chiếc cửa sổ cuối cùng sẽ biến mất và lúc ấy thì dù tôi muốn đến thăm cô cũng không được. Vậy bây giờ cô phải mở giúp cánh cửa tủ để tôi có thể vào trong tủ trước khi đựng phải tấm gương ; và sau khi tôi đã lọt vào trong thì cô phải đóng ngay cánh cửa để giữ tôi lại với cô. Sau đó, cô sẽ đợi cho đến khi không còn một chút tia sáng nào giữa bầu trời nữa rồi cô sẽ nói to lên rằng cô đói và cô cần một bữa ăn ngon. Đúng khi ấy cô sẽ nghe có tiếng động nổi niều và tiếng lửa reo dưới bếp. Bây giờ cô hãy nhẹ nhàng đến mở tủ tìm tôi và chúng mình sẽ cùng thoát ra khỏi chiếc nhà tù này.

Cô mở chiếc cửa tủ theo như lời tia nắng đã dặn cô — vừa đúng lúc để cho tia nắng vừa lọt vào. Cô để suốt buổi ngày hôm ấy để ghé mắt vào kính cửa mà dò xem chừng nào mặt trời đã gọi hết những tia sáng của nó

về đi ngủ phía sau kia trái đất, cô bèn ngáp lớn một cái và thốt lên :

— Chao ! tôi đói quá !... Bây giờ giá mà có một bữa ăn cho thật ngon thì hay quá !

Cô bé vừa dứt lời thì tiếng động của nồi niêu và tiếng reo của bếp lửa liền nổi lên trong gian phòng bên cạnh. Và mùi thơm thoảng bốc như giới thiệu một bữa ăn sắp tới ngon lành.

Lập tức cô bé liền chạy đến mở cánh cửa tủ và liền đó một tia sáng vàng rực hiện ra trước mắt cô, chói sáng cả gian phòng đen tối. Đồng thời: bên tai cô thoảng nghe tiếng nói :

— Hãy ôm lấy tôi và cô sẽ trở nên một tia sáng như tôi vậy ; như thế, cô sẽ có thể thoát ra khỏi khung cửa kính vì chỉ có ánh sáng mới có thể đi qua cửa kính. Sau khi cô đã biến thành một tia ánh sáng, hai chúng ta sẽ rời khỏi nơi đây để trở về lâu đài của cha tôi, Người đang đợi cô ở đó. Nhưng chúng ta phải gấp lên mới được, vì đến nửa đêm nay, chiếc cửa sổ cuối cùng này cũng sẽ biến mất và chúng ta sẽ bị giam giữ lại nơi đây đời đời không bao giờ thoát ra được. Nền biết rằng hiện cô đang ở trong ngôi nhà của Thần Đêm, hẳn muốn giữ cô lại đây chờ đến khi cô lớn để cưới cô làm vợ. Nếu hẳn thành công thì suốt đời cô sẽ không bao giờ còn thấy ánh sáng mặt trời nữa.

Cô bé tuân lời, ôm lấy tia nắng mà hôn và liền ngay đó cô cảm thấy toàn thân nhẹ nhàng như không khí : Cô đã biến thành tia sáng mặt trời. Từ phút ấy trở đi, mọi vật cô chạm vào đều sáng rực lên và phản chiếu nghìn tia

rực rỡ. Lấy làm lạ lòng và thích thú, cô chạy lui chạy tới khắp phòng để có thể soi chiếu những chỗ mà từ trước vẫn chìm trong khoảng tối tăm.

Người bạn cô liền nói :

— Cô có thể dành trò chơi ấy cho lúc khác, bây giờ chúng ta phải đi ngay đừng để cho chiếc cửa sổ cuối cùng biến mất.

Tia nắng nói xong, vượt ra ngoài cửa sổ và tia nắng mới ngạc nhiên mà thấy sao mình có thể xuyên qua khung kính ra ngoài một cách dễ dàng, đề rồi thoáng một chốc nó đã đến nơi xứ sở của Thần Mặt Trời.

NOI đây, tất cả đều đẹp ; nhưng cô bé không cảm thấy chói mắt chút nào, vì chính hiện nay cô cũng đã trở thành ánh sáng. Cô cũng không cảm thấy nóng bức một chút nào, và tất cả đều sẽ tuyệt vô cùng nếu như trong lòng cô không nghĩ đến cha mẹ cô. Và mỗi lúc, cô bé một thêm sâu muợn.

Cô hỏi người bạn đã cứu cô :

— Làm sao cho tôi có thể trở về nhà ba má tôi được hả anh ? Xứ sở anh đẹp lắm, nhưng không thể thay thế túp lều tranh của tôi được. Ngay như bây giờ tôi có trở về được, chưa chắc ba má tôi đã nhận ra tôi, trừ khi tôi được trở lại hình dáng cũ của tôi.

Tia nắng trả lời :

— Chao ôi ! Cô đã nhờ một chuyện quá sức của tôi. Cô phải đi đến gặp cha tôi, Thần Mặt Trời, và cô sẽ thưa với ông lời cầu xin của cô. Có lẽ cha tôi sẽ bằng lòng giúp cô.

Cô bé liền can đảm đi đến lâu đài của Thần Mặt Trời ; lâu đài ấy giống như một cục lửa tròn vậy.

Và khi cô đến trước Thần Mặt Trời, trước khi cô nói ý muốn của mình ra, Thần Mặt Trời đã trả lời — vì Thần đọc được tâm tư người khác :

— Đề được trở lại làm người và gặp cha mẹ, cô phải làm sao đến mặt đất trước hết cả mọi tia nắng khác và chính cô phải thức cha mẹ cô dậy bằng cách vuốt ve lên mặt của họ.

Cô bé mừng rỡ kiêu từ; và sáng từng mừng hôm sau, cô sẵn sàng để bay xuống mặt đất trước mọi tia nắng khác để gọi cha mẹ cô thức dậy.

Buồn thay, những chiếc rèm buồng che kín hết cửa sổ của phòng ngủ cha mẹ cô, khiến cô không làm sao len vào bên trong để thực hiện ý định.

Qua ngày thứ hai, cô bé cũng vội vã khởi hành như ngày trước; nhưng khi đến trước cửa sổ, cô đã khổ tâm mà nghe vẳng ra tiếng hát ru em buồn thấm thía của mẹ cô, chứng tỏ là người đã dậy trước mất rồi.

Tuy nhiên, cô vẫn không thất vọng; nhưng ngày thứ ba, thì đã có một tia nắng khác đến trước cô rồi. Chính Thần Mặt Trời đã phái tia nắng này đến trước cô, vì đột nhiên ông ta đã nảy ra một cái ý muốn giống như của Thần Đêm trước kia vậy : Giữ cô bé lại cho đến khi cô được mười tám tuổi để mà... thành hôn với cô.

Mặc dầu là thần Ngày thì có vẻ khả ái hơn thần Đêm nhiều, nhưng cô bé vẫn không muốn nhận làm vợ ông ta một chút nào; điều cô mong muốn trên hết cả là được trở về sống trong túp lều tranh bên cha mẹ. Vì vậy, ngày lại ngày, sáng tinh sương, cô bé lại vội vã khởi hành khỏi xứ Mặt Trời để tìm về trái đất, trong hy vọng sẽ đến sớm

hơn ai cả; nhưng không một lần nào cô có thể làm được như thế, không một lần nào.

Cô bé mỗi ngày một trở nên rầu rĩ và giờ đây cô đi đến mặt đất mà không với một chút vui tươi nào. Lần nào cô cũng đến thật sớm, nhưng lần nào cũng đã trễ, và những hạt lệ tia sáng của cô đọng lại từng giọt nhỏ trên lá trên hoa của khu rừng bao quanh ngôi nhà cũ. Những bông hoa cũng lấy làm buồn lắm khi nhìn thấy cô bé buồn.

NGÀY ngày, cô bé nán lại càng lâu càng tốt trên thềm nhà chờ đợi cha mẹ cô xuất hiện ra ngoài trời và âm thầm khóc vì nỗi khổ tâm đã không làm sao báo tin cho cha mẹ cô hay được rằng đứa con gái của họ đang có mặt ở đây này.

Nhưng một hôm, trong lúc đang đùa chơi với vài cánh hoa nhỏ, một bông hoa đã lên tiếng bảo cô rằng :

— Nếu chị muốn ở lại trái đất, chúng em sẽ nhờ các bạn chim đào cho chị một cái lỗ nhỏ ngay giữa chỗ chúng em ở, và chị sẽ núp mình ở đó để khỏi bị buộc phải trở về xứ sở của mặt trời nữa. Thay vì làm tia sáng sớm nhất, chị hãy làm tia sáng muộn nhất, và rồi sau đó thì để chúng em lo liệu.

Cô bé cảm ơn các bạn hoa của cô; và những con chim trong khu rừng liền dùng mỏ đào cho cô một cái lỗ nhỏ trên đất. Khi đến giờ mặt trời lặn, cô bé tri hoãn thật lâu, mặc cho những tia nắng khác thúc dục cô mau trở về trước khi đêm tới. Cô làm bộ không nghe thấy gì cả, và cuối cùng cô chui vào núp trong cái lỗ nhỏ mà liền đẩy những con chim đắp kín lại bằng đất vụn và những chiếc lá khô.

Ở xứ mặt trời, người ta nhận ra sự vắng mặt của cô ; và ngày hôm sau, nhiều tia nắng quan trọng đến khu rừng và tra hỏi những bông hoa xem chúng có thấy cô bé đâu không. Nhưng các bông hoa không chịu đáp và những tia nắng lấy làm tức giận bèn lên tiếng hăm dọa :

— Nếu các người không giúp chúng ta tìm ra cô bé mai sau sẽ thành vợ của Thần Mặt Trời thì chúng ta sẽ kéo dòn về đây thật nhiều để thiêu cháy tất cả các người đi !

Nhưng những đại thụ lên tiếng đáp :

— Nếu các anh muốn làm chuyện độc ác như thế, chúng tôi sẽ hạ thấp cành xuống để cản trở không cho các anh đụng tới những bông hoa.

Và Mây cũng tiếp :

— Và cả chúng tôi nữa, chúng tôi cũng để mặc cho những bông hoa bị các anh hành hạ ; chúng tôi sẽ trải ra khắp vùng để cho các anh không có cách nào xuyên qua được, cho đến chừng nào các anh xử sự tốt lành hơn.

Và Gió, đến phiên mình, cũng nó là sẽ giúp mây trải rộng ; và mưa tuyên bố sẽ mưa hoai cho hoa khỏi bị khô héo vì mặt trời.

Riêng một mình tia nắng trước kia đã giúp cô bé thoát khỏi nhà Thần Đêm là giữ im lặng. Nó đi lang thang một cách buồn bã trong khu rừng, lòng thầm nghĩ đến cô bạn nhỏ ; tâm nguyện của nó là mong thấy cô bé được sung sướng, song đồng thời, nó lại không thể phản lại ý muốn của cha nó, Thần Mặt Trời.

Thế rồi tia nắng bắt gặp chỗ đất mà những con chim đã dùng mỏ xới lên ; đúng ngay trên những chỗ đất ấy, nó

đã nhỏ xuống một hạt lệ nhớ thương ; thế là đủ để cho nở lên từ nơi ấy một bông hoa mới lộng lẫy hơn hết mọi bông hoa khác. Lập tức tia nắng nhả ra nơi bông hoa đó cô bạn gái nhỏ mà nó đang tìm kiếm. Kề ra sự việc cũng lạ lùng, nhưng vì cô bé đã từng trải qua nhiều chuyện lạ lùng rồi nên cô cũng không mấy ngạc nhiên thấy mình xuất hiện dưới một hình thể mới ; với lại dù sao cô cũng lấy làm dễ chịu và vui vẻ được làm một bông hoa tươi mát còn hơn là làm một tia nắng mặt trời.

Tia nắng hỏi cô bằng một giọng trách móc :

— Vậy là cô không thấy sung sướng khi sống với chúng tôi phải không ? Vì sao cô lại muốn bỏ đi ?

Và cô-bé-bông-hoa đáp :

— Anh rất tử tế với tôi, nhưng tôi là một cô bé sinh ra để mà sống như mọi cô bé khác bên cạnh cha mẹ. Xứ Mặt Trời của các anh không phải để dành cho một cô bé như tôi.

Tia Nắng lung linh ra bộ lắc đầu và nói :

— Thế rồi bây giờ với một cái chân dính chặt dưới đất, chắc là cô vui vẻ lắm ! Bây giờ cô còn bị ràng buộc hơn là hồi cô bị Thần Đêm cầm tù nữa. Ngay cả cô muốn dạo chơi như chúng tôi hiện nay cũng không thể được. Tôi tự hỏi không biết làm sao cô có thể trở lại với cha mẹ cô, trong tình trạng này. Chẳng những cô đã thiếu phương tiện hơn trước mà bọn hoa kia chắc chắn chúng cũng muốn giữ cô lại với chúng. Tội nghiệp cho cô !

Tia Nắng nói đúng. Bọn hoa, với vẻ mặt thương xót và hơi đạo đức giả,

không muốn cho cô bé rời khỏi chúng chút nào. Chúng thương cô, nhưng chỉ biết thương một cách ích kỷ, bởi vì dù sao đi nữa chúng cũng chỉ là những bông hoa đơn sơ, đầu có tám hồn cao đẹp, thật là cao đẹp, rộng lớn, thật là rộng lớn, cho được ! Điều mong muốn duy nhất của chúng là giữ bông hoa tuyệt mỹ này lại bên cạnh chúng, để làm đẹp thêm cho loài hoa.

Chúng không đủ sức để hiểu được vì sao cô-bé-bông-hoa lại muốn trở về nhà với cha mẹ, bên túp lều tranh, lại muốn trở nên cô-bé-loài-người.

Bây giờ cô-bé-bông-hoa bèn xoay qua than thở với tất cả những con thú đi ngang qua đó, bởi vì những con thú chúng hiểu nỗi khổ tâm của cô bé hơn. Chúng cũng có cha mẹ, cũng có một chiếc tổ, trong khi những bông hoa thì không có.

Một cô nai tơ đi ngang qua đó đề nghị hái cô bé một cách nhẹ nhàng và đem đến túp lều tranh mà cô vẫn mong trở về.

Nhưng các bông hoa kêu lên, phản đối :

— Như vậy chị sẽ giết chết cô ấy mất còn gì ! Người ta đâu có thể bứt một bông hoa ra khỏi cọng rễ của nó như thế được !

Và một đại thụ cũng thêm, giọng nghiêm trọng :

— Chuyện tai hại cho một giống cây cỏ là bị dời đi nơi khác chỗ cũ ; như thế nó sẽ hết sống.

Song le vì cô-bé-bông-hoa cứ tiếp tục năn nỉ chị nai tơ mãi nên cuối cùng những bụi cỏ mọc quanh đó đã phải vương mình quấn chặt lấy chân nai

khiến nó không thể tiến lại gần hơn được. Và mãi cho đến khi chịu thốt lời hứa là sẽ không hái cô bé đi, con thú mới được những sợi cỏ dài cỗi trói cho được tự do.

TUY vậy trong khi đó, trên cành cao, một kẻ đã chứng kiến mọi sự vừa xảy ra, và cảm động vì nỗi khổ lòng của cô bé, đã tự hứa sẽ giúp cô một tay. Kẻ đó là Quy-Quy-Quy-Tu-Ti, ca sĩ chim của rừng xanh. Nhưng Quy-Quy-Quy-Tu-Ti không muốn bị trói bởi những sợi cỏ như con nai kia và nó cũng không muốn gây mối hiềm với những cây cành mà nó cần nương vào để đậu và xây tổ. Nên suy đi nghĩ lại nó đã quyết định tìm đến vấn kế một trong những người bạn của nó nhà ảo thuật về hưu, hiện đang ẩn cư trên một hòn đảo nhỏ phía bắc khu rừng.

Quy-Quy-Quy-Tu-Ti kể hết đầu đuôi câu chuyện cho ông bạn già ảo thuật nghe. Nhà ảo thuật nói :

— Muốn làm cho bông hoa trở lại thành cô bé cũng không khó. Điều cần thiết đầu tiên là phải làm sao cho chính bà mẹ tự tay hái bông hoa đó, vì như thế những cây cỏ trong rừng mới không dám khó dễ bà. Sau đó thì cha mẹ cô bé phải đối xử với hoa như chính con gái họ vậy. Khi họ đã đem bông hoa về nhà, và sau khi họ đã dọn cho nó một tô cháo gà ăn và đặt nó vào chiếc giường ngay trước cô bé vẫn ngủ, sáng hôm sau họ sẽ sung sướng mà thấy con gái họ ngủ trên giường !

Quy-Quy-Quy-Tu-Ti mừng rỡ nói :

— Như thế thì hay lắm ! Nhưng... tôi làm sao mà hướng dẫn họ như thế được ? Tôi có thể làm cho bông hoa hiểu ý tôi, nhưng đối với người thì không thể !

Nhà ảo thuật nhún vai :

— Ấy ! Ấy ! đó lại là việc của cậu, tôi làm sao biết được. Cậu vốn khôn lanh, cậu hãy tự liệu lấy.

Quy-Quy-Quy-Tu-Ti bèn bay đến đầu nơi cửa sổ của túp lều tranh và suốt ngày hôm đó nó cất tiếng hót không ngừng ; hót đủ điệu bông trăm êm tai. Sau rốt, nó đã gọi được sự chú ý của cha mẹ cô bé.

Bà mẹ nói :

— Con chim hót hay quá !

Ông cha tiếp lời :

— In tưởng nó muốn nói điều gì với mình vậy, bà nó à.

Con chim nghĩ thầm :

— Trời ơi, sao họ không chịu hiểu mình nói gì nhỉ !

Và nó bay đi, nhưng nó chợt thấy bà mẹ dõi mắt nhìn theo ; Quy-Quy-Quy-Tu-Ti liền đảo cánh trở lại, rồi bay đi, rồi trở lại, mãi cho đến khi ngạc nhiên vì cử chỉ lạ lùng của chim, bà mẹ đã quyết ý đứng lên và ra khỏi túp lều để nổi bước đi theo đường mà con chim hướng dẫn. Mừng quá, Quy-Quy-Quy-Tu-Ti liền thốt lên một tiếng hót vui mừng nó rót đầy nắng tươi và mật ong thơm vào cõi lòng từ lâu cần cõi héo khô của bà mẹ mất con yêu.

Theo sau con chim, bà mẹ tiến đến chỗ rừng thưa nơi có bông-hoa-cô-bé-mọc. Bông hoa trông thấy mẹ liền vươn cao thật cao lên cho bà chú ý, và cũng bởi vì, như những kẻ có chuyện xấu

thường hồ thẹn, mọi bông hoa khác xung quanh đã hồ thẹn cúi mắt xuống thấp trước sự hiện diện của bà mẹ cô bé, nên giữa một rừng hoa, bông hoa— cô— bé đã hiện ra chói ngời nhất, sao sáng nhất, nó làm cho bà mẹ phải vui thích mà đưa tay lên hái lấy...

S A U khi tr về nhà, bà mẹ liền đem bông hoa tuyệt đẹp khoe với chồng, đoạn bà cắm nó vào chiếc ly pha lê trong vắt và đặt ly lên bờ cửa sổ. Thoạt tiên cô bé lấy làm hài lòng vô cùng vì được ở kề bên cha mẹ, song cô có biết bao chuyện để kể cho cha mẹ cô hay mà cô lại không thốt nên lời được... Và chẳng cha mẹ cô cũng không lưu tâm gì đến cô lắm, và cô chỉ có độc một mối an ủi giải khuây là sự viếng thăm của tia nắng, tia nắng mà ngày xưa đã cứu cô, nó bao phủ lấy cô trong giây lát bằng hơi ấm dịu dàng của nó để giúp cô thêm đẹp thêm hấp dẫn mắt nhìn. Và nó đã có đôi lần thành công.

Bà mẹ nói với chồng :

— Làm sao cánh hoa này lại lâu tàn thế nhỉ ? Nó vẫn còn tươi tốt như ngày tôi vừa hái về.

Bông-hoa-cô-bé nghe những lời ấy liền vươn thẳng mình lên như đề cho bà mẹ chú ý thêm đến mình ; nhưng giữa lúc ấy cô bỗng nghe đau nhói lên vì bị một vật gì rơi phải. Cô hoảng hốt mở mắt nhìn và kinh hoàng mà nhận thấy cả vô vàn tuyết đang rơi khắp trời, và nhiều mảnh, gió bay tạt lên mình cô. Tia nắng nhỏ vẫn ra sức chiếu ấm cho cô trong giờ phút cô đang gặp nạn. Nhưng tuyết vẫn tăng

roi mãi, tăng roi mãi làm tối tăm cả đất trời.

Ông cha nói :

— Thời tiết gì mà xấu quá !

Bà mẹ chột thốt lên :

— Trời ơi ! thế mà tôi lại để bông hoa ngoài cửa sổ, dưới cơn tuyết dữ dội này nữa chứ !

Bà vội chạy đến bên cửa sổ cầm lấy ly hoa và chỉ đến lúc đó, tia nắng trung thành của cô bé mới chịu rút lui.

Trong khi đó, khi bông hoa được đem vào đặt giữa gian phòng ấm kín thì chẳng mấy chốc nó tỏa ra một hương thơm ngát ngào. Ông cha và bà mẹ ngồi bên nhau, im lặng, và ngoài kia từng chập, cơn bão gầm thét hãi hùng.

Đột nhiên bà nói chậm rãi như trong một giấc mơ :

— Tại sao... tại sao mùi hương của cánh hoa này lại làm tôi nghĩ đến con gái của mình ngày nào đã bỏ đi mất tích nhỉ ?

Ông chồng đáp xằng :

— Bà ngốc lắm. Mùi hoa này đã làm bà mê mẩn tâm trí rồi đấy ; tôi nghĩ không biết có nên đem vứt cái hoa này đi cho rồi không !

Ông vừa nói vừa đưa tay chùi hạt nước mắt ứa trên mi.

Còn bà mẹ thì cứ từ chối không chịu làm như thế ; bà đề nguyên chiếc ly hoa ngay trong phòng, vì bà muốn ngửi mùi hương ngát ngào của nó mãi. Và đêm ấy, cả hai vợ chồng đều cảm thấy mùi hương của hoa lọt vào tận trong giấc mộng của họ.

Khi tỉnh giấc, người chồng nói trước :

— Lạ quá, tôi vừa gặp một giấc mơ

kỳ cục.

Thoạt tiên ông ta từ chối không nói gì thêm; nhưng sau, trước sự thúc dục của vợ, ông đành tiết lộ rằng ông đã nằm mơ thấy đóa hoa yêu kia chính là đứa con gái yêu của mình.

Nghe ông kể xong, bà vợ nói giọng cảm động :

— Ông nó ạ ! Chính tôi cũng nằm thấy như thế. Và tôi lại nghĩ chưa chừng nó là sự thực...

Ông chồng tội nghiệp cho vợ, thốt lên :

— Trời ơi ! Bà nó điên rồi !

Và ông càng thêm chắc chắn khi nhìn đến bữa ăn, bà vợ ông đã dọn ra ba phần bát đĩa thay vì hai. Làm như phần kia là dành cho con gái của họ vậy !

Thế nhưng điều lạ lùng hơn nữa là bông hoa đã nghiêng mình xuống phần ăn của mình — một tô cháo — mà húp trọn.

Ông già không tin ở đôi mắt mình. Ban đầu ông kêu lên :

« Kia một phép lạ » !

Và sau vài phút suy nghĩ, ông nhờ bà vợ khỏ mạnh lên đầu ông để xem có mơ ngủ không. Lập tức bà vợ liền khỏ lên đầu ông một cái thật mạnh, bởi vì kể ra bà cũng đang giận ông về cái chuyện ông đã đòi đem vất bông hoa của bà đi.

Ông chồng vội nói :

— Thôi đủ rồi, tôi vẫn tĩnh. Nhưng thế này thì quả thật cả hai vợ chồng mình đều điên hết rồi.

Và suốt ngày hôm đó, ông ngậm miệng không thốt thêm một lời nào cả.

Trong thời gian đó, bà vợ lo săn sóc cho bông hoa, bà ru nó trên tay, miệng hát nho nhỏ, bà hôn nó thật là nhẹ trên cánh, bà nói chuyện với hoa, như chính đó là con mình vậy. Và tối đến bà đặt hoa lên chiếc giường của con gái bà và nói : « Ngủ ngoan đi con » ! sau khi đã hôn nó thêm một lần nữa.

Cũng vì thế nên khi đến phiên hai vợ chồng đi ngủ, ông chồng đã nằm trằn trọc mãi mà không ngủ được. Ông nghĩ rằng hai vợ chồng ông đúng là bị đau thần kinh rồi, nhưng vợ ông thì còn nặng bệnh hơn ông nữa, và ông cần phải lo săn sóc bà mới được.

Khi giờ điểm nửa đêm, ông tự nhủ :

« Thôi kệ ! Mình phải vất bông hoa quái quỷ ấy đi, nếu không cả hai vợ chồng sẽ không bao giờ lành bệnh được.

Ông bèn chỗi dậy thật nhẹ nhàng để khỏi làm thức vợ. Ông lấy làm khổ tâm, nhưng ông tưởng rằng bông hoa bị quỷ ám thật và mùi hương của nó làm người ta mất thần trí nên ông đành phải đành đoạn vất đi chứ thật ra, vất bỏ một bông hoa đẹp như thế, ai mà chẳng tiếc ?

Tay cầm chiếc đèn nhỏ, lần từng bước một, ông đến bên chiếc giường con gái ông. . . Và ông vui mừng làm sao khi nhìn thấy, thay vì bông hoa kỳ lạ của buổi ngày giờ đây, lại chính là con gái ông đang nằm ngủ trên giường.

Thì ra cô bé đã trở lại thành cô bé.
(Thuật theo một truyện nước ngoài)

trần nhựt nguyệt

SAO BIÊN

VÀO khoảng mùa hạ 1960 tôi có dịp gặp một thanh niên người Vienne làm nghề viết báo. Anh cho biết anh sang viếng Việt Nam trong một tháng để tìm hiểu về cuộc chiến tranh tại đây. Tôi gặp anh vào tuần lễ chót của anh trên đất nước này.

Anh đã kể cho tôi nghe về thời thơ ấu của anh. Đó là thời Vienne bị chiếm đóng, đó là những ngày những tháng rất buồn. Vienne đã mất đi khá nhiều hình ảnh và âm thanh quen thuộc trong khi đó hiện ra, nổi lên những hình ảnh và âm thanh khó chịu. Giòng Danube bớt xanh trong. Nhạc Strauss cũng vẫn thế nhưng sao đầy ai oán. Nghe nhạc Strauss thời chiếm đóng người Vienne muốn khóc, nhưng đồng thời thấy tự do của Vienne không thể nào mất được và như thế, người Vienne cứ có tương lai.

Người viết báo trẻ thành Vienne đã làm tôi yêu mến anh nhiều vì đôi mắt rất sáng của anh và những điều anh kể. Nhưng điều làm tôi xúc động và tôi thấy gần gũi với anh là những tìm tòi để mong hiểu biết về Việt Nam của anh.

Anh nói anh có đọc truyện Kiều qua một bản dịch Pháp văn cùng nhiều tài liệu liên quan đến truyện

Kiều. Anh bảo « Truyện Kiều đầy nhân bản và thi hào Nguyễn Du đã lột tả được một xã hội xấu trong đó kẻ có tâm hồn cao quý trong sạch bị chà đạp, bị dọa đầy bởi những kẻ không ra gì ».

Anh còn nói lên nhiều nhận xét nữa của anh về Kiều và anh đã làm cho tôi thật sung sướng.

TÔI nghĩ đến rất nhiều những câu thơ sáu tám trong truyện Kiều hay cái hay Việt Nam, tình tứ cái tình tứ Việt Nam do âm điệu và ngôn ngữ tạo ra chẳng thể nào dịch được và tôi trình bày điều đó với anh. Anh đã nghe một cách thích thú, say sưa.

Về phần mình tôi cũng đã thích thú, say sưa vì được nói với anh về Kiều, về thơ sáu tám, về ca dao, về những tiếng đập của trái tim quê hương tôi.

Như tôi đã trình bày, điều làm tôi xúc động và thấy gần gũi với người viết báo trẻ thành Vienne là những tìm tòi của anh để mong hiểu biết về Việt Nam. Anh đã tìm tòi để hiểu biết

ngoài truyện Kiều, một số thần thoại cổ tích và một số phong tục Việt Nam.

Sau khi «khoe» một cách đáng yêu về sự biết Kiều và Nguyễn Du, anh «khoe» về sự có độc truyện vợ chàng Trương, truyện Phù Đổng Thiên Vương, Tấm Cám, người chinh phụ bỗng con chờ chồng hóa đá...; cứ mỗi truyện anh kể tên ra, tôi lại sung sướng «bình» một vài câu đề pho bày cho anh thấy thêm cái hay, cái đẹp, cái vĩ đại, sự buồn rầu, vẻ tội nghiệp của truyện.

Vì quý mến anh, vì yêu thương sông biển, núi đồi và người của quê hương mà tôi đã nói rất nhiều trong buổi đó, buổi gặp gỡ trò chuyện cùng anh, tôi nhớ thế. Tôi nhớ là tôi đã sung sướng mà nói mà bàn, tâm hồn tung bừng, cơ thể phấn khởi.

NHUNG, tôi cũng cần phải ghi lại rằng đã có một lúc tôi im tiếng. Thật là như trời đang đầy gió mà bỗng lặng yên.

Đó là vào khi người viết báo trẻ thành Vienne nói đến một phong tục hơi lạ và độc đáo của người Việt Nam: làm đám tang cho cá voi.

Anh cho biết anh có đọc Fils de la baleine của Cung giữ Nguyên trong đó tác giả kể về một đám tang cá voi mà trưởng nam của nó là một ngư dân. Người này mặc tang phục và chống gậy đi theo con cá voi chết đến nơi yên nghỉ cuối cùng của nó. Ngư dân trong vùng cũng đều đi tang, lặng lẽ đi sau «kẻ quá cố» đến phần huyết.

Người viết báo trẻ thành Vienne riêng đối với phong tục này đã tỏ vẻ

không thích thú cho lắm. Anh bảo đấy là một trong những phong tục xưa nhất, ấu trĩ nhất trên thế giới. Anh nói những phong tục ấu trĩ như vậy vẫn còn tồn tại trong nhiều vùng, ngay ở các xứ tiền tiến. Người ta giữ những phong tục đó vì thói quen.

Về chuyện đám tang cá voi của người Việt Nam, anh đã nói nhiều, trái lại thì tôi ngồi im.

Tôi đã hai lần trong đời thấy cảnh làm đám cho cá voi ở một vùng duyên hải Việt Nam.

Đó là một cảnh lạ, nhưng là một cảnh rất quê hương. Tang lễ diễn ra trên bờ biển. Như tang lễ của một người trong gia đình. Có cờ có lọng, có trầm hương đèn đuốc, có tình thương, ân nghĩa, có dĩ vãng hiện tại và tương lai.

Tôi còn thấy có một cái gì đó nữa mà tôi chưa tìm ra.

Tôi đã cố tìm lời «bình» về phong tục đó để trình bày với người bạn nước ngoài nhưng tìm mãi mà không ra.

Về sau này, khi đã tìm ra thì rất tiếc là không còn người bạn trẻ thành Vienne trước mặt để chuyện trò. Tôi cứ tiếc hoài.

Bây giờ thì tôi viết ra. Ý nghĩ đó vậy.

TÔI nghĩ như thế này: sự làm đám tang cá voi không phải xuất phát từ một sự tôn thờ đầy dị đoan, không phải xuất phát từ sự sợ sệt cái oai linh của một con vật lớn của biển cả.

Ngư dân Việt Nam khi làm đám táng cá voi không phải làm một cử chỉ cúi đầu sụp lạy trước một con vật được thần thánh hóa.

Không, ngư dân Việt Nam đã xem cá voi như một người bạn lớn hiền hậu có thể giúp đỡ họ khi họ gặp phong ba bão tố ở ngoài khơi.

Cá voi không tấn công, không phá hoại sinh mạng và của cải (là chiếc thuyền đánh cá) của họ. Cá voi hiền cũng như chiếc thuyền của ngư dân. Cá voi có thể cho người ta sử dụng cái phần lưng của nó để người ta khỏi chìm xuống đáy biển.

Có phải là trên biển cả, cá voi là loài cá khổng lồ mà dễ thương hơn hết không?

Có phải là trên biển cả, cá voi là bạn bè của ngư dân không?

Dân chúng miền duyên hải yêu thương cá voi là vì thế.

Tôi cho rằng tôi không phiêu lưu trên đường trầm tư, suy nghĩ. Đề tôi đặt ra câu hỏi sau đây : tại sao ngư dân Việt Nam không có một mảy may muốn dính líu vào với con cá mập.

Những con cá mập nếu có tấp vào bờ biển, chết cạn trên bờ biển thì dân chúng miền duyên hải cũng mặc xác chúng. Không có đám táng cho những con cá mập, không bao giờ có cả.

Như vậy, sự việc làm đám táng cho những con cá voi (hoặc vì già nua bệnh hoạn mà chết, hoặc còn trẻ ham đi chơi gần bờ, vui quá quên giờ thủy triều xuống nên gặp nạn) nhất định không phải do sự sợ sệt một con vật có thân hình to lớn, nhất định không

phải do tâm lý sụp lạy cúi đầu trước biển và trước những gì của biển.

Sự quý mến cá voi của ngư dân, cử chỉ của ngư dân đắp cho con vật này một nấm mộ trên bờ biển mang những ý nghĩa vừa trình bày.

Tại sao ngư dân Việt Nam không làm đám táng cho cá mập, không đắp cho cá mập một nấm mồ ? Tôi đã lấy làm thích thú với câu hỏi đó mà tôi tự đặt ra.

Tôi viết những điều trên mong người bạn nước ngoài có dịp biết đến. Biết đến để rồi tưởng ra trước mặt một đám táng cá voi xảy ra trên một vùng duyên hải Việt Nam. Hãy tưởng tượng về cái đám táng kỳ lạ này với đầy đủ cờ, lọng, trống nam... đồng thời, hãy nghĩ đến điều quan trọng là không có đám táng cá mập. Không có một ngôi mộ cá mập nào cả trên những vùng duyên hải Việt Nam, đó là điều làm cho những ngôi mộ cá voi có một ý nghĩa rất lớn.

oOo

TÔI đang nghĩ đến những ngư cảng hiện chưa có trên xứ sở này. Tôi đang tưởng đến những làng ngư dân đường sá và nhà cửa khang trang.

Ngoài kia là biển mênh mông, sóng kêu rào rào. Trên bãi biển, một em bé đang đi dạo với mẹ. Khi đến trước một ngôi mộ to lớn khác thường đắp bằng xi măng, em bé hỏi mẹ :

— Mộ gì mà to thế ?

— Mộ cá voi.

Và người mẹ kể: « Ngày xưa »,... nghề đi biển đầy nguy hiểm...

chinh ba

T Ó C

TÔI phải nhịn mười bữa ăn sáng mới mua được một cuốn sách nhỏ. Tên sách : « Đứa bé dũng cảm ». Tôi định sẽ cho thằng Hòa cuốn sách ấy nên đã viết trên trang đầu một câu ngắn : « Em Hòa ! Anh muốn em mạnh khỏe và can đảm như đứa bé trong truyện ».

Tôi chưa trao được món quà, vì suốt tuần nay thằng Hòa không sang nhà tôi. Một điều lạ ! Trước đây, cứ đều đều mỗi ngày tôi luôn có dịp nói chuyện với nó ít nhất là hai lần vào giấc trưa hay chạng vạng tối.

Nhà thằng Hòa và nhà tôi ở sát vách nhau. Nói « sát phen nhau » thì đúng hơn, vì hai nhà chúng tôi chỉ được ngăn đôi bằng một tấm phen tre hở. Nó ở với vợ chồng người anh. Anh nó còn trẻ — hình như mới lấy vợ — mặt đen và khô, mũi nhọn mỗ kết, đôi

mắt sáng đỏ như hai cái tâng thuốc đang ngùn cháy, trán dùn thấp xuống như cố làm cái dãi thật chắc cho những sợi tóc bần chải chĩa ngược lên trời. Răng của anh ta, tôi chưa được thấy. bao giờ, vì anh không cười, nói chuyện thì môi mím chặt, và lúc anh ăn, tôi chẳng nhìn trộm qua kẽ phen. Chị vợ khác hẳn anh : cái gì trên người chị cũng tròn. Hình như trước khi sinh ra chị, cha mẹ đã đặt ra những nguyên tắc cấu tạo có liên quan đến số « pi ». Lẽ ra tôi còn nói thêm về chị nhưng vừa sức nhớ là tôi viết truyện này vì thằng Hòa nhiều hơn.

Thằng Hòa mười hai tuổi, mà phải nói chín tuổi mới có người tin. Thoạt nhìn nó, tôi thấy nó yếu ; ở gần nó, tôi thấy nó hèn. Người nó tong teo như được kết bằng những que củi, da nó trắng xanh mỏng và bủn. Mặt nó dường như đặt trong một cái khung hình thang : trán

cao và hẹp ; đôi má bạnh ra và trệ xuống — không phải vì nặng thịt mà vì cách xếp đặt kém mỹ thuật của hóa công.

Lông mày thưa, lỗ chỗ như hai bờ cỏ tiết tháng bảy. Chạm phải cái nhìn hơi bén của bất cứ một ai, thì đôi mắt nó sẵn sàng thụp xuống. Cái mũi to và hơi hỉnh của nó cố trường ra xa hơn cặp môi dày ; môi dưới trề, môi trên xách lên một cách ngờ nghệch để bày trọn hàm răng sún trơ những cái gốc sâu ăn đen sì.

Không hiểu có phải vì tướng xấu mà nó bị anh nó đánh đập luôn không ? Nhưng tôi biết nguyên cớ để anh nó đánh nó thường không được chính đáng mấy. Đi học sớm cũng bị đánh, về trễ năm phút cũng bị đánh, làm hư ngòi viết trước kỳ hạn cũng bị đánh...

Mỗi lần bị anh đánh, thằng Hòa khóc rất to, tiếng khóc tru tréo, nhầy nhụa, kéo dài hàng giờ. Có khi chưa bị đánh, nó đã khóc thét từng hồi theo nhịp cánh tay cầm roi của anh nó. Những lần đó nó run một cách thành thật, mặt tái ngắt, đôi mắt trắng chột.

Vì vậy, mà tôi cho là nó hèn. Đó cũng là cái cớ để tôi nhin ăn mười bữa quà sáng. Và đó cũng là cái cớ để mỗi lần nó qua nhà tôi chơi, tôi thường kể cho nó nghe những chuyện cổ tích, lịch sử chứa đựng những ý mạnh và hùng. Tôi thường khuyên nó câu này : « Em là con trai, đừng bao giờ khóc, không được hèn nhát ; phải anh hùng, phải can đảm, phải bạo dạn v.v...

Thằng Hòa nghe lời khuyên của tôi một cách đứng đưng đề rồi sau đó nó

cũng khóc, cũng van vãn, cũng lạy lục, cũng hèn nhát.

Lúc đầu tôi ghét nó, cho đó là một cử chỉ vô lễ. Sau tôi thương hại nó, vì nghĩ rằng nó không được giáo dục đúng mức. Đến bây giờ, tôi mới biết thằng Hòa không chú ý đến lời tôi chỉ vì những lời ấy suông sê, trống rỗng và tầm thường.

SUỐT tuần nay, tôi chỉ gặp thằng Hòa có hai lần : một lần ngoài đường, lúc nó đi học về trưa ; một lần thấy nó nhìn tôi qua kẽ hở của tấm vách. Cả hai lần, nó đều không nói với tôi một lời. Mặt nó buồn xo, nhưng buồn nhiều nhất là đôi mắt. Nó buồn vì anh chị nó có chuyện bất hòa. Trước đây một tuần, tôi nghe hai người cãi nhau dữ dội đề rồi im lặng gần như tuyệt đối suốt sáu bảy hôm nay.

Chị nó không hát, không cười đùa hí hửng, suốt ngày cứ quanh quẩn trong bếp, làm như việc nội trợ không cho chị rỗi rãi phút nào. Anh nó đi làm mỗi ngày hai buổi, còn tất cả thì giờ khác đều dùng để gặt gồng với đứa em, hoặc vui mình trên giường ngủ. Thằng Hòa không học bài to tiếng, có văn có điệu như mọi bữa, nó chỉ đọc rù rì như đọc kinh.

Sáng nay, khoảng mười giờ, tôi bỗng thấy thằng Hòa ôm sách vở lọ mọ về nhà. Giờ đó anh nó đi làm chưa về, chị nó đang còn mua thức ăn ngoài chợ. Nó phải trèo vào nhà theo ngõ cửa sổ.

Nó không biết việc làm của nó có tội theo dõi ngay từ đầu. Nó bỏ vở xuống bàn, mò trong tủ sách rút ra một phong giấy nhỏ, xuống bếp lấy lên một con dao nhọn, rồi đi ngay vào buồng ngủ của anh chị nó. Việc làm đó lóe lên trong óc tôi một hình ảnh của cái chết vừa ghê rợn vừa thê thảm. Tôi vội tìm đủ cách nhìn vào căn buồng để xem thằng Hòa đang làm gì. Tôi định chạy sang tung cửa mà vào nhà nó, thì vừa lúc chị nó về. Thấy chị đi ngay vào buồng, tôi mừng. Tôi đợi những tiếng hét, tiếng la từ trong buồng ấy phát ra. Nhưng không, chị nó đi ra vẫn bình thản như lúc đi vào. Tôi biết Hòa đã trốn vào một chỗ kín nào đó. Nhưng nó xách dao vào buồng làm gì? Tôi không làm sao đoán được. Nhìn ngang cánh cửa buồng, tôi chỉ chờ nó ra chứ không tìm được một dấu vết gì khả dĩ suy được việc làm của nó.

Tôi ngồi lại bàn viết, lòng lo thấp thỏm. Mực thấm trên đầu ngòi bút cứ khô hết lớp này tới lớp khác mà số chữ trên trang giấy vẫn không thêm được giòng nào.

Anh thằng Hòa về. Hôm nay anh về sớm hơn thường lệ độ một giờ. Sự có mặt của anh được báo hiệu bằng tiếng giày da gõ đều đều trên nền gạch. Chỉ một lát sau, từ trong buồng tiếng quát của anh đã vang lên:

— Hòa! Mày làm gì dưới giường đó?

Không có lời đáp lại.

— Trời! mày cầm dao. à? cầm dao làm gì hả, thằng kia?

Hòa vẫn im lặng.

— Rúc ra mau!

Tôi nghe tiếng lưỡi dao rơi lòn cồm xuống nền gạch, tiếp theo là mấy cái tát tai chan chác. Rồi Hòa bị lôi ra giữa nhà. Tôi đứng kề vào vách,

dòm sang.

Điều làm tôi kinh ngạc là Hòa bị đánh đau mà không khóc. Có lẽ anh nó cũng nhận ra điều đó, nên bỏ tay nó ra, đứng nhìn nó với một thoáng suy nghĩ.

— Hòa, mày nói mau không mày chết! Cầm dao, rúc dưới giường làm gì?

Hòa lắc đầu, mắt ngó thẳng vào anh nó:

— Em không nói được đâu anh Sơn ơi!

Sơn — anh nó — giận dữ quát ngang bàn tay lên mặt nó:

— Tao biều mày nói! Nói mau!

Mặt thằng Hòa lập tức sưng vù lên. Nó nhăn nhó vì đau đớn, nhưng vẫn không khóc.

Sơn cắn răng:

— Tao đánh mày cho tói chết thử mày có nói không!

MẶC cho anh đánh, Hòa cứ lắc đầu, nhất định không nói. Sơn như điên, cầm chổi lông gà quất túi bụi lên mình nó. Chỉ một lát sau, những làn roi rướm máu quần quít nhau đan dày trên tấm thân bé bỏng của Hòa. Chị Sơn thấy Hòa bị đòn nhiều quá, chạy ào lên ôm lấy nó. Chị ứa nước mắt mà không nói gì cả. Đánh chán, Sơn nằm sải tay xuống ván, thờ ơ.

Dù thằng Hòa bị đối xử tàn tệ, nhìn mặt nó tôi cũng khó có cảm tình, vì nó có vẻ liều lĩnh và gần như khinh thị. Tôi ước nó khóc lên tiếng để tôi thương nó hơn. Nhưng thái độ nó sau vẫn như trước, im lặng, hoàn toàn im lặng.

Bổng Sơn ngồi phắt dậy, đi mau vào buồng, vừa đi vừa nói :

— Tao coi thử mày làm gì trong này cho biết.

Nhìn theo anh, mặt thẳng Hòa lộ vẻ lo lắng sợ hãi.

Một lát sau, thấy anh nó đi ra, trên tay cầm một gói giấy nhỏ. Hòa bỗng khóc òa. Tiếng khóc tức tưởi, nấc lên từng hồi như tiếc rẻ một công trình bị đổ vỡ ; như tất cả những đau đớn mà nó phải chịu đựng từ bấy lâu nay đều dồn về tiếng khóc ấy.

Chị Sơn phải dỗ rất lâu nó mới nín, nhưng tiếng ầm ục vẫn còn.

Anh Sơn đã dịu bớt cơn giận, ôn tồn hỏi nó :

— Hòa, mày phải nói thiệt, mày chôn cái gói này ở dưới giường để làm gì mà phải cạy nát hết hai viên gạch ?

SƠN vừa hỏi em vừa mở gói giấy ra. Trên miếng giấy trắng, tôi thấy hai thứ tóc ngắn dài chung lộn nhau.

Giọng thẳng Hòa nhỏ và buồn :

— Tóc của anh với chị đó !

Chị Sơn hỏi : Làm sao em có ?

— Tối, anh chị ngủ, em rình, em xấp.

Anh nó chưa nói giọng thân mật được :

— Mày chôn dưới giường làm gì ?

Hòa mếu máo :

— Mấy ngày rày anh chị ghét nhau, trong nhà buồn quá, em chịu không được, em nói với thằng Tín, nó biểu làm như vậy đó thì anh chị thương nhau.

Chị Sơn nấc lên :

— Sao hỏi em, em không nói để anh Sơn đánh em ra nông nổi này ! ?

— Thằng Tín biểu phải làm thỉnh, chờ nói ra thì hết linh. Hết linh thì anh chị cứ ghét nhau hoài, em khổ hơn là chịu đòn nữa.

Anh Sơn bỏ gói tóc trên ván, cúi xuống ôm choàng lấy vợ và em. Anh không nói, lúc đầu anh xây mặt vào vách để dấu nước mắt, nhưng rồi anh lại quay ngoắc ra, cứ để mặc cho nước mắt chảy, không cần dấu diếm nữa. Trên khuôn mặt khô như đá, tôi đọc được rất nhiều những ý nghĩ của anh qua những giọt nước mắt ấy.

Chị Sơn nghẹn ngào :

— Anh chị không bao giờ làm cho em khổ như vậy nữa đâu.

Hòa khóc to lên. Có lẽ nó muốn nói bây giờ nó không khổ, nó đang sung sướng lắm, nhưng nó không nói, vì tiếng khóc đã nói hết tình, hết ý của nó rồi !

Nhìn hai vợ chồng Sơn trong cái choàng tay của thằng Hòa, tôi không khỏi liên tưởng tới hình ảnh hai thứ tóc ngắn dài quện nhau trong lòng giấy trắng tinh.

CHẮC ai cũng biết rằng không bao giờ tôi tặng cho thằng Hòa cuốn sách «Đứa bé dũng cảm». Vì tặng sách ấy để khen nó thì lời khen không đủ ; để làm cái gương cho nó, thì chính nó đã là cái gương rồi.

Từ đó, thấy những đứa bé có cái tầm vóc như thằng Hòa, tôi không nói chúng yếu ; có tiếng khóc như thằng Hòa, tôi không nói chúng hèn. Tôi mừng mà thấy rằng đồng bào tôi có rất nhiều đứa bé như thế. Lúc nhỏ chúng tạo ra tình thương, lớn lên chúng làm nên lịch sử.

SƠN NAM

tìm cây kiềng đẹp

TỪ đôi ba năm nay, tại Saigon dường như chơi hoa kiềng là một lạc thú mà lắm người ao ước thưởng thức. Nó trở thành một nhu cầu cho người dân thành thị. Hoa và kiềng được trưng bày thường trực ở đường Nguyễn Trãi và đường Hàm Nghi, thu hút khá đông khách hàng. Khi hoa và kiềng ngự trị tại đại lộ Nguyễn Huệ, đó là ngày Tết. Tết năm Ngọ, số người mua hoa kiềng khá đông, trên thị trường, xuất hiện nhiều loại hoa kiềng mới. Các du khách ngoại quốc muốn hiểu văn hiến Việt Nam, cá tính miền Nam thì không còn gì tốt hơn là dạo chợ Tết, đến khu vực hoa kiềng: cứ nhìn phẩm chất của món hàng, cứ nhìn thái độ khôn ngoan kén chọn của người mua.

Những cuộc triển lãm hoa kiềng tổ chức hằng năm tại Thảo cầm viên đã gây được dư luận tốt. Nhiều người nghĩ đến việc tổ hợp những người yêu hoa kiềng để trau dồi kỹ thuật, phổ

biến kinh nghiệm. Ngành sản xuất hoa kiềng tuy bé bỏng nhưng đã nuôi sống được nhiều gia đình. Tóm lại, phong trào yêu hoa kiềng đang lên cao. Các nhà nghiên cứu về xã hội học sẽ trả lời về hiện tượng có tánh chất thời sự đó. Phải chăng chơi hoa kiềng (và chơi đồ sứ cổ) là dấu hiệu của nếp sống trưởng giả mới? Hoặc chơi hoa kiềng là nhu cầu giả tạo, được hồi sinh để dùng làm vị thuốc an thần, thoát tục cho những ai đang bế bối về sanh kế muốn tìm phút giây thoải mái? Một hình thức tập Yoga? Chơi hoa kiềng là sở thích của khá đông người, khó dùng tiêu chuẩn xã hội để phân biệt. Nó bao gồm người tiên kể tục, kẻ giàu người nghèo, không phân biệt trai gái già trẻ. Lắm cô nữ sinh thích chưng bày một chậu xương rồng trong phòng, trên bàn viết. Nhiều em bé thích trồng một cây mai tàu, một giây trâu bà trong lon bẻ hoặc hủ nước.

Yêu hoa kiềng là thứ tình cảm khó giải thích. Nói đến hoa kiềng trong lúc

« phổ phưởng chật hẹp người đông đúc » chưa hẳn là xa thực tế.

Tình cảm này tuy hơi hợt nhưng sâu đậm. Hiện tượng tuy đơn sơ nhưng phức tạp.



YÊU hoa là tình cảm dễ hiểu. Hoa có sắc, có hương nhưng tiếc thay hoa nở rồi tàn. Yêu kiều là tình cảm sâu đậm khác, thuộc vào « trình độ cao ». Xin tạm so sánh : yêu hoa giống như hút thuốc lá, thuốc vắn ; yêu kiều thuộc vào trình độ hút ống «pip».

Kiều là gì ?

Tùy thời đại, tùy thâm mỹ của từng người mà danh từ «kiều» mang ý nghĩa khác nhau. Kiều là cảnh. Một cảnh có thể bao la, to như khu vườn hoặc tóm thâu vào chậu nhỏ trong gang tấc. Nội dung của cảnh, hình thức của cảnh luôn luôn biến hóa. Người và cảnh vốn cảm thông nhau, gây tác dụng qua lại. Câu ca dao được hát mãi, thêm bớt vài chữ : người buồn cảnh có vui đâu bao giờ. Nghệ thuật chơi kiêu mới xem qua thì dường như thụ động : tạo một cảnh đầy ý nghĩa để cảnh ấy an ủi con người, chuyển sinh lực cho con người. Con người bị lệ thuộc vào cảnh tức là khóm cây, viên đá, ngọn cỏ, bồn nước. Nhưng mặt khác, cảnh do người tạo nên — cảnh là sản phẩm giả tạo, do chủ nhân xây dựng, bố trí với dụng ý riêng, chủ nhân nắm phần chủ động.

«Chiều chiều dạo kiêu xem huê». Câu hát đượm lời lẽ của bồn tường hát bội. Huê là hoa, là bông, bồn tường hát bội vốn đầy đầy chữ nho. Kiều

là cảnh nói trại lại, có lẽ vì người Nam muốn cử tên ông Nguyễn Hữu Cảnh. Cảnh là cảnh tượng thiên nhiên gồm đá, cây cỏ, nước và con người. Một số nhà nghiên cứu đã dùng lối phân tích khoa học để giải thích vấn đề yêu cảnh. Họ phân tích thì đúng nhưng họ kết luận sai lạc vì bản thân của họ chắc không bao giờ biết yêu cảnh. Thờ phượng cục đá, gốc cây, dòng suối... là thứ tin ngưỡng của con người từ thuở ăn lông ở lỗ. Vài nhà khảo cứu đi xa hơn, đem phân tích xã hội nông nghiệp hoặc giải thích hiện tượng cỏ cây miền nhiệt đới. Một ông học giả nọ, người Pháp (xin miễn nói tên) cho rằng luật luân hồi của nhà Phật chỉ là phản ảnh đơn sơ của đời sống cây cỏ. Ông ta giải thích : miền nhiệt đới chịu ảnh hưởng gió mùa. Mùa nắng cây cỏ sống khô khan, hoặc chết. Khi mùa mưa đến, cây cỏ hồi sinh, đâm chồi nảy lộc rồi lại chết. Hết sống đến chết, chết rồi sống lại tùy theo cơn gió mùa. Và theo ông học gi ấy, luật luân hồi là luật sống của cây cỏ, được Đức Phật tổng kết một cách đơn sơ ! Bởi vậy, nhiều người cho rằng trồng kiêu, chơi hòn giả sơn... là thú vui quê mùa, lạc hậu của thời ăn lông ở lỗ, thời đại đa thần, sùng bái các hiện tượng gió mưa sấm sét. Tóm lại, chơi kiêu không thích hợp với thời đại nguyên tử.

Kiều là cảnh. Một cảnh gồm các yếu tố nào xây dựng nên ? Thật là khó tả. Mỗi người chơi kiêu tùy ý thích, mỗi người theo một môn phái. Nếu dùng đại ngôn, chúng tôi nói : kiêu là nhân sinh quan, là vũ trụ quan, là điêu khắc hội họa, là vạn vật học.

Người yêu kiềng, xây dựng kiềng đã muốn đề cao một quan niệm triết học, vô tình hay hữu ý. Quan niệm ấy có thể thay đổi. Có người đang chơi kiềng đến mức si mê lại bỗng nhiên bỏ kiềng. Có người ghét kiềng nhưng bỗng nhiên yêu kiềng hơn ai hết. Tâm trạng con người chơi kiềng lắm khi biến đổi. Nhiều người thỉnh linh sửa đổi tất cả bố cục của hòn giả sơn mà họ gầy dựng suốt hàng chục năm : Họ muốn làm « cách mạng », thay đổi lẫn nét và không khí !

CÓ mấy loại kiềng ? Thật khó trả lời. Người theo lối phân tách Tây phương chia kiềng ra ba bốn loại :

— Kiềng « hình thức » : cây cỏ được trồng theo hình chữ nhật, hình tròn, hình thoi với những bồn cỏ, vôi nước.

— Kiềng thiên nhiên : cây cỏ được sắp xếp như thế nào cho giống với thiên nhiên, không chú trọng vào hình thức cân đối, giống như một khu rừng thơ mộng ở sườn đồi, dưới thung lũng ; tránh dùng những đường thẳng.

— Kiềng Nhựt Bồn : loại sân hoặc vườn đơm mùi Thiền đạo của người Nhựt, chú trọng vào nét hùng vĩ của tự nhiên của từng khối đá, làn nước hoặc ngọn cỏ.

Kiềng, theo nghĩa trên, tức là khu vườn, một kiểu vườn tạo lập với mục đích thẩm mỹ, nghĩa là không trồng cây ăn trái, không khai thác thương mại.

Chúng tôi chưa từng sống ở miền Bắc hay miền Trung để hiểu rõ « cảnh » có nghĩa gì. Đối với người miền Nam,

ngày nay, danh từ « kiềng » đã thu hẹp. Đó không phải là khu vườn nhưng là gốc cây, từng gốc cây trồng trong chậu (hoặc hạ thổ) được chủ nhơn nuôi dưỡng và chăm sóc theo ý muốn.

Nói đến « chậu », chúng ta thấy người Nhựt chia những loại chậu trồng cây, chậu chưng đá, đựng nước mà họ gọi là bồn tài, bồn cảnh, bồn thạch.

Chúng ta gọi chậu kiềng là cái chậu trồng cây ; khi nói đến bồn kiềng, chúng ta liền tưởng đến một công viên nhỏ, có cỏ có cây. Hòn giả sơn (non bộ) là loại riêng, không được gọi là kiềng ! Hòn giả sơn là nghệ thuật tổng hợp, bao gồm cây cỏ, nước, đá... nhưng lạ thay, đó không phải là kiềng ! Trong khi đó, giới bình dân gọi « một kiềng chùa » tức là một cảnh chùa mặc dầu chung quanh ngôi chùa mới xây dựng ấy chưa có cây cao bóng mát.



THEO thiên ý chúng tôi, thú chơi kiềng chỉ phát triển và trở thành tập tục ở những nước chọn ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa. Nói rõ hơn, văn hóa Trung Hoa khác với văn hóa Ấn Độ về thái độ chơi kiềng. Dường như người Cao Miên, người Lào yêu chuộng thiên nhiên... một cách hồn nhiên. Họ không chơi hòn giả sơn hoặc uốn thân cây trong chậu. Cây mọc lên cao, trở thành cỏ thụ là cây quý, có hồn. Hễ hữu hình thì hữu hoại. Vài nhà thám hiểm Tây phương tự phong cho mình sứ mạng « bảo vệ văn hóa » khi họ tìm ra đền Đế Thiên Đế Thích giữa rừng

hoang. Họ cho rằng người địa phương... khờ dại, không biết yêu di tích lịch sử. Trong khi đó, người địa phương biết yêu lịch sử, yêu tha thiết. Họ không muốn chặt nhánh hoặc đốn ngã những gốc cây mọc gần vách chùa, vách đền — không muốn và không dám. Họ quan niệm rằng sự vật đổi thay thay đổi, dầu có tu bổ thì ngôi đền chùa ắt còn mãi mãi. Hãy đến ngôi chùa của người Việt gốc Miên mà quan sát : các sư sãi lớn trọng thiên nhiên, bảo vệ từng mọt măng tre, từng nhánh cây...

Người Việt Nam chơi kiềng theo quan niệm gần giống như người Trung Hoa. Chơi kiềng là để hòa mình, tìm sinh lực trong thiên nhiên. Trồng cây, gắn viên đá trong chậu... không phải là công chuyện nhảm nhí, trò đùa trẻ con. Cắt nhánh cây, uốn nắn thân cây, làm cho thân cây trở nên eo uột, già hấp chưa hẳn là việc sát sanh.

HÃY xem quyền Sống Đẹp của Lâm Ngữ Đường để hiểu sơ qua về lạc thú hưởng thụ thiên nhiên của người Trung Hoa (theo bản dịch của Nguyễn Hiến Lê): Người chơi đá chú ý tới màu sắc, vân, mặt đá (mịn hay không) và có khi cả tới tiếng kêu khi gõ vào đá nữa... Núi đá vĩ đại, kiên cố, có tánh cách vĩnh cửu. Một mỗm đá cao cả trăm thước dựng trên mặt đất, nhìn nó ai mà không rùng rợn, như trước cảnh nguy hiểm, cho nên người Trung Hoa gọi cảm giác đó là « nguy ». Cây có vẻ đẹp khi cái thể và đường nét của nó hợp với phép viết chữ nho. Chính vì có vẻ đẹp cổ kính mà cây tùng có một địa vị đặc biệt, nó như một cao sĩ ở ẩn, bận chiếc áo

trắng, chống cây gậy trúc, đi trông núi... Bền bờ Thái Hồ ở Tô Châu có bốn loại bách già có tên là « thanh » « kỳ » « cổ » « quái ». Loại « thanh bách » thân cây đâm thẳng lên trời, cành lá xòe ra như cái tán ; loại « kỳ bách » nằm ngang trên đất, thân cành uốn thành hình chữ Z, loại « cổ bách » trụi lá, đưa những cành nửa khô lên trời như những ngón tay ; loại « quái bách » từ gốc trở lên, thân vặn vẹo như tròn ốc... Trương Trào bảo : Trồng hoa để mời bướm, chất đá để mời mây, trồng tùng để mời gió, trồng chuối để mời mưa, trồng liễu để mời ve...

Trong quyền Sống Đẹp, chúng tôi không thấy tác giả nói đến hòn giả sơn. Theo chúng tôi suy luận, hòn giả sơn đẹp vì nó dồi dào ý nghĩa, bao gồm cả khôn vũ trụ. Cụ Trạng Trình nhìn đàn kiến bò trên hòn giả sơn mà tiên đoán cho chùa Nguyễn Hoàng : « Hoành sơn nhất đại vạn đại dung thân ». Hòn giả sơn tiêu biểu cho chốn « Non Bồng Nước Nhược », tập hợp cả thế giới bao la với những ông tiên uống rượu, đánh cờ, với lão ngư lão tiều. Trong hòn giả sơn lại có những hang đá, những « bầu trời » nho nhỏ, có cửa hẹp để cho khách cao hiền đến tu tiên. Ngắm hòn giả sơn, chúng ta thấy người tiên thì ở trên cao, nơi kín đáo ; kẻ tục thì ở dưới thấp, không che dấu. Hòn giả sơn là bảng tổng kết là sơ đồ của cuộc đời, phân biệt yểu với thọ.

CHÚNG tôi được dịp bàn bạc với vài ông lão chơi kiềng, những người nông dân. Họ tỏ ra dễ dãi, cởi

mở nhưng cũng khó tánh, có óc... biệt phái. Nhiều ông thích chơi loại kiềng « chữ thập ». Đó là gốc cây già, có hình thù cổ quái, nhánh cây được thu xếp vén khéo thành những tầng ngang, cân đối ; diện tích của các tầng này cũng theo thứ tự : trên nhỏ, dưới lớn để cho sương đêm có thể rơi xuống thấm vào những tầng sát gốc cây ; không tầng nào lớn phần, che khuất phần « sương tuyết » của tầng nào.

Nhiều người cho rằng loại kiềng này quá giả tạo vì trên đời này, chẳng bao giờ có loại cây nào giống như vậy. Các cụ này biện hộ :

— Đây là loại kiềng « lễ nhạc », theo tam tạng ngũ thường. Gốc cây tiêu biểu cho người quân tử. Phàm người quân tử thì ăn, nói, hành động... phải đúng khuôn phép mực thước (khác hẳn loại cây trong rừng với cành lá hỗn loạn).

Đôi khi cây kiềng được sắp xếp theo thứ tự đặc biệt : hai cây trồng chung một chậu, kề nhau. Nếu có một cây to, một cây nhỏ thì đó là kiềng « mẫu tử », hai cây ngay thẳng trồng gần, giao nhánh với nhau là loại « huynh đệ trùng phùng », nếu cành lá hoặc gốc cây có dáng điệu mềm mại thì gọi « tỉ muội tương thân ».

Gốc cây đôi khi được đào rề, cuốn theo hình cạp ; có bốn chân, có đuôi : cây già thành « tinh », có hồn. Từ loài thảo mộc, thân cây tiến lên loài cầm thú.

HIỆN nay, có phong trào chơi kiềng, lập vườn theo quan niệm Thiền của người Nhật. Phong trào này

được giới mộ điệu Tây phương ham thích và giới thiệu, bởi vậy cho nên một số người Việt... noi theo ! Vườn Nhật Bản chú trọng vào vẻ tự nhiên, vào thần lực của từng hột cát, từng khối đá : một gốc cây, vài khối đá, một bụi cỏ, một vũng nước được bố trí theo nguyên tắc riêng để gợi vẻ hoang sơ. Lại còn phong trào chơi xương rồng. Loại xương rồng ngoại quốc sống mạnh ở khí hậu nước ta (nhưng vào mùa mưa thì nên cẩn thận). Xương rồng ngoại quốc có nhiều loại quá đẹp, không choán chỗ, sống dai trong phòng khách, ít tốn công săn sóc. Nó gợi vẻ đẹp mơ màng chốn sa mạc xa xôi...

Đề thỏa mãn nhu cầu chơi kiềng, vài người đã thử sản xuất loại kiềng Nhật Bản, trong chậu nhỏ. Đó là loại Bonsai (bồn tài), tạm gọi là kiềng bỏ túi. Chậu kiềng khá nhỏ, cỡ phân nửa tập giấy học trò, để trên bàn viết, trong phòng khách rất gọn. Các nhà sản xuất này biết dùng phương tiện cây nhà lá vườn : dùng chậu sản xuất tại lò gốm Lái Thiêu hoặc Biên Hòa, trồng loại cây bùm sùm hoặc cần thẳng — loại cây sống dễ dàng nơi miền nhiệt đới. Về vóc dáng cây kiềng, các nhà sản xuất biết tùy nghi sáng tạo, uốn nắn cho cây kiềng nhỏ ấy có dáng điệu cây tùng, cây bách trên non cao lộng gió.

Ở nơi có đất trống, ở giữa đồng rộng, trên non cao, gần bờ biển thì cần gì chơi kiềng. Những cây thiên nhiên mọc lâu năm đã trở thành cây kiềng — những cây kiềng mà giới sành điệu gọi là « kiềng thanh ». « Kiềng thanh » theo chúng tôi nghĩ — là loại kiềng đẹp nhất. Nó là loại kiềng tả chân. Đó là

gốc cây cheo leo trên núi bị giòng tố hành hạ, cây nghiêng về một phía, tróc gốc, lòi rễ nhưng nhờ thế đứng vững chãi nên cây không ngã quỵ. Cây ấy có phẩm chất tốt nên có sức sống tiềm tàng, tuy thiếu đất thiếu phân nhưng cành lá vẫn mọc, mọc xơ rơ với vài mầm non. « Kiềng thanh » tiêu biểu cho con người phong trần, dầu dãi nắng mưa, chịu gian nguy nhưng vẫn sống, vươn mầm non với sương với nắng. Cây kiềng thanh tiêu biểu cho sức sống trong cảnh cô độc, thiếu thốn, sức sống đã thắng cái hoàn cảnh sỏi đá, bất lợi chung quanh.

TUY nhiên, khi lạm bàn về kiềng với một ông lão ở làng Hiệp Bình (trên đường Saigon — Chợ Búng) chúng tôi được nghe ý kiến :

— Đẹp nhất là kiềng... vô vi.

Chúng tôi hỏi :

— Chơi kiềng là thú vui của đạo Lão ?

Ông mỉm cười :

— Đừng suy nghĩ lung tung, mệt trí lắm. Chơi kiềng là để đừng mệt trí. Đừng tìm hiểu đó là Lão Tử, Thích

Ca, Khổng Tử hay là Yoya... Cây kiềng đẹp ở chỗ nó làm cho ta thanh thoi, quên những phiền muộn hằng ngày. Nó làm cho tâm hồn thanh cao hơn, mình quên mình.

— Nhưng tại sao gọi là vô vi ?

— Cây kiềng đẹp phải đạt tới mức vô vi. Có hình dáng nhưng giấu lại không có hình dáng rõ rệt. Mỗi lần mình ngắm xem là thấy nó biến hóa. Khó nói lắm. Ban đêm, mình để nó trên bàn rồi ngắm xem bóng dáng nó rọi trên vách tường hay vách lá. Không bao giờ mình ngắm xem « mỹ mãn » (thỏa mãn). Nó nhỏ nhưng nó lớn rộng khôn cùng... Quên hết hờn giận, mình trở nên vui tươi. Không cần giải trí bằng cờ bạc, rượu chè. Cây kiềng đẹp ở thế đứng.

Lời giải thích ấy tuy mơ hồ nhưng rõ rệt, đượm vẻ... vô vi. Cầu chúc cho mỗi bạn gặp được, tạo được cây kiềng vô vi hợp với sở thích, để trị căn bệnh bi đát, cô độc. Cây kiềng ấy có thể là một gốc me trên đường phố, nếu ta biết nhìn. Nó thay cảnh thay lá, thay màu da. Và nếu ta biết nghe thì gốc me sẽ thì thảo rất nhiều chuyện tan thương, dâu biển...

HÃY ĐỌC

Nguyệt san VẠN HẠNH

cơ quan phát huy văn hóa Phật giáo

vương pên liêm

ĐƯỜNG LỐI GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG ở thành thị và nông thôn

MỞI đây, Bộ Giáo dục vừa cho công bố quyết định « Cộng đồng hóa nền Tiểu học » toàn diện trong thời hạn 5 năm. Theo tinh thần này thì vào đầu niên học tới (1966-1967) có lối 700 trường sơ cấp lẫn tiểu học phổ thông hoạt động theo đường lối Giáo dục Cộng đồng. Đó là một chuyển hướng đặc biệt rất quan trọng đối với nền giáo dục quốc gia, nói chung. Biến cố này không có tính cách đột khởi, quá thường đối với dư luận quần chúng phụ huynh và giáo giới. Vì lẽ, hơn tám năm qua, người ta đã nghe nói và nhận thấy đường lối Giáo dục Cộng đồng áp dụng tại một số các trường học mệnh danh là *Trường tiểu học cộng đồng* ở rải rác khắp trong nước. Trong khi ấy, hầu hết các giáo chức cũng đã có dịp tìm hiểu và thảo

l luận về đường lối nói trên tại các khóa hội thảo; tu nghiệp, hội thuyết giáo khoa. Tiếc vì sách báo khan hiếm, tài liệu thiếu thốn nên vấn đề không được khai thác đúng tầm mức của nó, nhất là nhà cầm quyền giáo dục hình như không quan tâm cho lắm. Tuy nhiên biến cố trên đây không phải không ảnh hưởng tới tinh thần nhà giáo, dù dư luận coi như đã được chuẩn bị ít nhiều. Trạng thái này tạo nên hai chiều hướng: *Thái độ thụ động* và *Thái độ phản đối tiêu cực*.

Chúng ta có thể nhận thấy thái độ thứ nhất ở những giáo chức đã từng làm quen với đường lối Giáo dục Cộng đồng hay dù chưa biết cũng an tâm coi đó như là một việc phải xảy ra. Đối với

những người đã có thành kiến hay hiểu sai lạc thì cho rằng Giáo dục Cộng đồng là một đường lối không tưởng, tùy thời và không thích hợp với hoàn cảnh hiện nay của nước ta.

Ý nghĩ sau này lại dẫn đến một sự phân biệt *địa phương nông thôn* và *địa phương thành thị*. Ở đây, rất nhiều người tỏ vẻ nghi ngờ : Giáo dục Cộng đồng chỉ thích hợp cho nông thôn mà thôi ? Đề góp ý làm sáng tỏ thắc mắc này, chúng tôi xin được phép xác định lại đường lối Giáo dục Cộng đồng và phân tích quan niệm giáo dục theo địa phương tính.

A — XÁC ĐỊNH ĐƯỜNG LỐI GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG

Từ trước tới nay, người ta cứ suy luận đơn giản rằng Giáo dục Cộng đồng là một chính sách giáo dục ngoại lai đúc khuôn mẫu Hoa Kỳ và do ông Ngô đình Diệm khai sinh ở nước ta. Vì lẽ người ta coi nó đồng loại với những thứ gọi là « phát triển cộng đồng », « cải tiến dân sinh », « cộng đồng đồng tiến » « khu trú mật », « áp chiến lược », « cộng đồng nhân vị »... Có khi dư luận cũng hơi khe khắt đối với « chính sách trên danh từ » của một chế độ cũ đã bị cáo chung. Thực ra, có một vài chính sách nếu đem thực hiện đúng mức thì kết quả vẫn tốt đẹp. Nếu chỉ lừa bịp dân chúng bằng các hình thức tô son thếp vàng bên ngoài thì đó là khuyết điểm đáng chê trách của chính quyền mà hậu quả không thể tránh được cho người chủ trương.

Nhưng ở đây khác hẳn, Giáo dục Cộng đồng không phải bắt nguồn từ các chính sách nói trên, con đẻ của « chính

quyền nói mà không làm ». Chúng tôi không có ý đính chính dư luận song chúng tôi chỉ muốn nói thực về một đường lối giáo dục, tự nó không thể bị ảnh hưởng hay lệ thuộc vào chủ nghĩa độc tôn hay sáng kiến của một cá nhân. Một đường lối giáo dục chỉ có giá trị và tồn tại khi nào *thực chất của nó vượt hẳn lên trên chính sách, chế độ của quốc gia, khi nó phù hợp với dân tộc tính, nhân bản tính*. Như vậy, chúng ta có thể chấp nhận bất cứ một khuynh hướng giáo dục nào ở trên thế giới miễn nó không có tính cách phi nhân bản, phi dân tộc. Hơn nữa chúng ta được quyền mô phỏng hay sửa đổi để thích nghi hóa với xứ sở, chứ không sao y hay bắt chước một cách mù quáng và nô lệ.

Trở lại vấn đề, chúng tôi muốn nhấn mạnh đến sự thay hình đổi dạng của Giáo dục Cộng đồng sau khi nó xuất hiện ở nước ta. Vào khoảng năm 1955, Cơ quan văn hóa Quốc tế UNESCO (thuộc Liên Hiệp Quốc, trụ sở tại Pháp) cử một phái đoàn giáo dục sang Việt-Nam theo lời yêu cầu của chính phủ nhằm giúp đỡ về kỹ thuật trong vấn đề cải tiến nền giáo dục quốc gia. Thế là *Chương trình Giáo dục Căn bản* của Tổ chức Unesco được đem thí nghiệm tại Việt Nam sau đó. Trung tâm Giáo dục Căn bản Long an được thiết lập mở đầu cho các lớp sư phạm đào tạo giáo chức cộng đồng cùng với sự có mặt của trường tiểu học cộng đồng trong ngành Tiểu học. Loại trường này thành hình là do sự biến cải của trường tiểu học phổ thông. Nhưng những trường cộng đồng hoạt động không có kết quả trong lúc đầu vì thiếu đường lối, thiếu

phương tiện, thiếu tổ chức, nhất là giáo chức ngừng với đường lối giáo dục mới (không rõ ràng) và các cấp chỉ huy không được chuẩn bị tư tưởng trước, đâm ra nghi ngờ và câu kính. Trong khoảng thời gian từ 1956 đến 1960, một số trường tiểu học cộng đồng làm việc trong sự dò dẫm, giáo chức chỉ biết áp dụng một số hoạt động gọi là *Hoạt động ngoài học đường* để hướng dẫn dân chúng giải quyết vấn đề địa phương. Bởi lẽ, giáo dục cộng đồng được đào tạo nặng về khuynh hướng này và chính thực chất của *Chương trình Giáo dục Căn bản nhằm chống ba thứ giặc: Dốt nát, Nghèo đói và Bệnh tật trong một xã hội chậm tiến* mà nông thôn được chọn lựa trước tiên.

Do theo nhận xét đó, người ta cho rằng giáo chức cộng đồng ít dạy học sinh mà phải chú trọng đến giáo dục dân chúng. Và lại, trước đây ít lâu, cũng có một thứ *trường cộng đồng* do nền giáo dục Hoa Kỳ đưa lại, chủ trương hướng nghiệp học sinh các lớp nhất, nhì bậc Tiểu học. Chương trình giáo dục của trường nhằm dạy trẻ con trồng lúa, chăn nuôi, tiểu công nghệ v. v.. Nhưng đã thất bại và gây một ấn tượng không tốt cho dân chúng đối với loại trường tiểu học cộng đồng theo lối Giáo dục Căn bản của Unesco.

Đến niên học 1960-61, quan niệm về Giáo dục Căn bản đã thay đổi. Nhà Tiểu học đã kịp thời tu chỉnh đường hướng «bỏ lớp học», đưa giáo chức trở về vị trí cũ, đồng thời kết hợp *hoạt động trong học đường* với *hoạt động ngoài học đường*, thiên bình hóa chương trình giảng dạy của trường tiểu học cộng đồng. Thế là danh từ

Giáo dục Cộng đồng được chính thức phổ biến. Và khuynh hướng Giáo dục Cộng đồng nghiêm nhiên trở thành đường lối Giáo dục Cộng đồng. Đường lối này được mô tả tại 121 trường tiểu học cộng đồng trong toàn quốc, tính đến cuối niên học 1965-1966. Căn cứ vào những mục tiêu, nguyên tắc và phương pháp, nhà trường hoạt động một cách hữu hiệu, bằng cách *vừa giáo dục học sinh vừa hướng dẫn dân chúng cùng giải quyết chung một nhu cầu phù hợp với hoàn cảnh và khả năng địa phương*. Một cách tổng quát, chương trình giảng dạy của trường tiểu học cộng đồng cấu tạo bởi một số *chủ điểm* (nhu cầu địa phương). Mỗi chủ điểm đem thực hiện trong một thời gian ngắn hai, ba tháng nhằm phát triển toàn diện lứa trẻ tự nhiên, đồng thời giúp đỡ dân chúng phụ huynh cải thiện điều kiện sinh hoạt của mình và kiến thiết địa phương.

Như vậy, chúng ta có thể hiểu rằng nếu trường tiểu học cộng đồng thể hiện đúng mức vai trò cùng đường lối của mình thì rất xứng đáng là một học đường mới vì đã áp dụng những phương pháp giáo dục hoạt động trong phạm vi lớp học cùng với phương pháp giáo dục quần chúng ngoài địa phương. Hơn thế nữa, trường học theo đường lối và tinh thần Giáo dục Cộng đồng còn biết *giải quyết vấn đề cho dân chúng* nghĩa là xây dựng xã hội ngoài việc *hướng dẫn học sinh nghiên cứu và khai thác bài học trong khung cảnh rộng lớn, thực tế, gần gũi* như các học đường tân tiến đã chủ trương.

Với tư cách vừa nói, Trường tiểu học cộng đồng rất xứng đáng và thích

hợp với thực trạng nước ta, một quốc gia chậm tiến cần phải phát triển về mọi phương diện y tế, kinh tế, xã hội nhờ vào ảnh hưởng của hoạt động giáo dục, nghĩa là chương trình giảng dạy ở trường học mà khởi đầu từ bậc Tiểu học. Đó là kết quả đương nhiên của những năm dài thí nghiệm đường lối Giáo dục Cộng đồng. Khách quan mà xét, cho tới ngày nay không ai có thể phủ nhận tính cách quan trọng và hữu hiệu của Trường tiểu học cộng đồng. Khi đã chịu khó soát xét kỹ càng rồi, chúng ta mới thấy Bộ Giáo dục đúng lý trong việc chuyển hướng mạnh mẽ đường lối giáo dục bậc Tiểu học: Cộng đồng hóa các trường sơ cấp tiểu học trong hạn định 5 năm, kể từ niên học 1966-67.

B. QUAN NIỆM GIÁO DỤC THEO ĐỊA PHƯƠNG TÍNH

Người ta thường quan niệm rằng sự hữu hiệu của một chương trình giáo dục là hàm chứa đặc tính địa phương. Nhiều nhà giáo dục đã phản đối và chỉ trích *chính sách tập trung giáo dục*. Theo đây, vấn đề tổ chức và điều hành nền giáo dục quốc gia đều do ở trung ương. Bộ Giáo dục ban hành mọi chỉ thị từ chuyên môn cho đến nhân sự, kế toán, ấn định luôn chế độ thi cử. Nhà Tiểu học và Ty Tiểu học là những trạm trung gian liên lạc giữa Bộ và Trường. Chương trình học của các trường là một, đề thi duy nhất. Trường học hoạt động theo đường lối của trung ương. Hình ảnh này đã có và hiện còn tồn tại ở Việt Nam. Mỗi bậc học đều có một chương trình duy nhất áp dụng chung trong toàn quốc.

Riêng về chương trình tiểu học, dù đã được soạn thảo vội vã từ năm 1959 mà tới bây giờ vẫn còn giá trị tuyệt đối. Ngay năm sau nó được ban hành, đa số giáo chức và phụ huynh đã lên tiếng công kích vì lẽ nó không thích hợp với hoàn cảnh nhiều vùng, không sát với nhu cầu thực tế, không phù hợp với đường hướng giáo dục tân tiến và nhất là nó là một chương trình có tính cách thi cử, nhồi sọ v. v. .

Đại hội giáo dục toàn quốc tháng 10-1964 đã thảo luận sâu rộng nhiều đường nét về giáo dục mới và đề nghị một loại chương trình chuyên biệt cho từng vùng. Đại hội xác định và phân chia bốn vùng: Đô thị, đồng bằng, sơn cước và duyên hải. Mỗi vùng sẽ có một chương trình giảng dạy riêng. Như vậy trong nước sẽ có bốn loại chương trình cho bậc tiểu học và mỗi nơi sẽ dạy theo những vấn đề riêng của địa phương mình. Về nguyên tắc chương trình học mang màu sắc địa phương rất hợp lý. Còn việc phân chia lãnh thổ, và trình độ kiến thức thu hẹp của lứa trẻ là vấn đề khác. Không biết nhà cầm quyền giáo dục nghĩ sao mà mãi cho tới nay chưa thấy quyết định việc sửa đổi chương trình như thế nào? Rồi sau đó, giữa năm 1965, một đại hội khác gọi là Đại hội chương trình nhóm họp trong một tuần lễ. Các tiểu ban đã tranh luận sôi nổi căn cứ vào đề nghị sửa đổi chương trình của các địa phương gửi về. Đại hội đã bế mạc trong bầu không khí tung bừng và đầy hứa hẹn mà rồi kết quả cũng chẳng thấy đâu!

Giáo chức lẫn phụ huynh đang khao khát trông chờ một chương trình

mới, chương trình có tính cách địa phương dù được soạn thảo dưới hình thức nào miễn đáp ứng được nhu cầu bẩm sinh và địa phương của đứa trẻ. Như vậy qua hai đại hội giáo dục khoáng đại, người ta đã đồng ý về *chương trình giáo dục phải có tính cách địa phương*, để đứa trẻ được làm quen thực sự với hoàn cảnh địa phương và khai thác tận trường vấn đề của mình, của cha mẹ và bạn bè thân thuộc.

C— NÔNG THÔN VÀ THÀNH THỊ VỚI GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG

Trường tiểu học cộng đồng từ lúc bắt đầu hoạt động coi như đã có một chương trình riêng biệt. Nhưng trong hiện tại và thời gian qua, loại trường này vẫn phải áp dụng trọn vẹn chương trình tiểu học như các trường sơ tiểu phổ thông khác song song với một chương trình do chính trường tự vạch lấy. Gọi là chương trình chờ thật ra chỉ gồm chừng 2,3 chủ điểm giáo dục (như cầu địa phương) thực hiện xen lẫn với chương trình tiểu học. Nhà trường cố gắng áp dụng các chủ điểm ấy trong hoạt động ngoài địa phương và ở lớp học. Như vậy, trường tiểu học cộng đồng đã đương nhiên áp dụng tới hai chương trình học. Điều này đã chẳng những mâu thuẫn với khoa sư phạm mà còn phản lại quyền lợi của giáo chức. Do đó đã gây nên sự chia rẽ giữa giáo chức phổ thông và giáo chức cộng đồng và sự kiện đáng lưu tâm hơn cả là hoạt động nặng nề như thế không đem lại kết quả gì cả nếu không muốn nói là chỉ phò trương bằng hình thức và làm cho giáo chức phổ thông chán ngán, không tin tưởng

ở đường lối lượng thưởng như thế! Thật ra nó đâu phải như vậy. Việc làm đã qua chỉ có tính cách giai đoạn và chuyển tiếp. Cho nên vấn đề đặt ra cho giới hữu trách không kém phần cấp thiết là phải qui định rõ ràng cho trường tiểu học cộng đồng một thứ chương trình, thời khóa biểu và các phương pháp giảng dạy xác thực.

Chương trình phải được cấu tạo bởi chừng 4 chủ điểm (như cầu địa phương) liên hệ đến lãnh vực y tế, kinh tế, xã hội, giáo dục, thay đổi hàng năm theo biến chuyển của địa phương. Mỗi chủ điểm thực hiện trong thời gian 2 tháng ở *học đường*: hướng dẫn học sinh nghiên cứu, học tập và khai thác bằng những bài học cụ thể với các phương pháp giáo dục mới; ở *địa phương*: hướng dẫn dân chúng nhận định ý thức vấn đề đề tự động cải thiện lấy điều kiện sinh hoạt và phát triển địa phương.

Thời khóa biểu phải được soạn thảo hợp lý nghĩa là ấn định rõ ràng giờ giảng dạy học sinh cùng giờ sinh hoạt bên ngoài với dân chúng phụ huynh.

Nhà trường thực hiện *chương trình chủ điểm* có tính cách địa phương căn cứ vào *chương trình tiêu chuẩn* hay *kiến thức* do Bộ Giáo dục ấn định tổng quát theo trình độ trẻ con. Dĩ nhiên thứ chương trình tiểu học hiện nay không có giá trị ở đây. Nếu là chương trình tiêu chuẩn hay kiến thức thì nó phải qui định *một số kiến thức đại cương* cho mỗi môn học, mỗi lớp.

Nếu chương trình của trường tiểu học cộng đồng (chương trình chủ điểm + chương trình kiến thức) được quan niệm đúng mức nghĩa là *soạn*

thảo đầy đủ do nhà trường, dựa vào nhu cầu địa phương, thực hiện theo hoàn cảnh và áp dụng chu đáo theo tinh thần mới thì nó hoàn toàn phù hợp với địa phương bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu. Với khuynh hướng này, chúng ta xét thấy không cần thiết phải phân chia thành từng vùng như đô thị, đồng bằng, duyên hải, sơn cước; và địa phương nông thôn, địa phương thành thị không phải là vấn đề nữa. Chúng ta sẽ sai lạc và thiên cận vô cùng khi phân biệt trường cộng đồng nông thôn và trường cộng đồng thành thị. Và đáng chỉ trích hơn nữa là đòi hỏi trường tiểu học cộng đồng chỉ hoạt động ở nông thôn mà thôi. Vì như thế, trước hết chúng ta cần chia hai loại trường sư phạm để đào tạo hai loại giáo chức riêng cho nông thôn và thành thị. Vấn đề này đã đưa tới nhiều cuộc thảo luận rộng lớn giữa hai phe chủ trương chuyên biệt chương trình đào tạo giáo chức với chương trình dạy ở trường tiểu học. Mà ở nước ta chưa ai dám chủ trương tách rời như thế. Vì lẽ: « Dân quê vốn ác cảm với nền giáo dục có tính cách đặc biệt nông thôn làm thiệt hại cho cơ hội của trẻ em muốn tiếp tục sự học. Và lại, tại sao các giáo viên nông thôn lại không được huấn luyện bằng các giáo viên thành thị ? » (Vấn đề đào tạo giáo viên nông thôn, trang 9). Và lại, địa phương thành thị có tiến bộ hơn địa phương nông thôn cũng chẳng đáng lo: « Ở những nước đã được kỹ nghệ hóa có một hệ thống

giao thông tiện lợi, dân chúng miền quê tân tiến hơn và nông nghiệp đã trở thành công nghiệp, người ta tin chắc rằng sự cách biệt giữa quê và tỉnh không đáng kể nên chẳng cần phải đặt ra hai chương trình giáo khoa riêng biệt làm gì. Sự điều hòa một vài chi tiết là đủ cho tất cả các trường hợp... Ở những nước chỉ chuyên về nông nghiệp mà các thành phố chỉ là những thị trấn lớn, chương trình bậc tiểu học và chương trình của các trường sư phạm có thể nhất loạt hướng về nông thôn... » (trang và sách đã dẫn).

Hai ý kiến vừa nêu đủ chứng tỏ cho vấn đề phân chia vùng và địa phương thành thị, địa phương nông thôn là không cần thiết. Mà điều quan trọng chính là phải có một chương trình duy nhất căn bản cho toàn quốc — được linh động thực hiện do nhà trường hoàn toàn chủ động có tính cách giải quyết nhu cầu từng địa phương.

Kết luận

Giáo dục Cộng đồng là một đường lối giáo dục có khuynh hướng mới, thực tiễn dựa trên nền tảng Học đường và Địa phương để phát triển toàn diện đưa trẻ cùng hướng dẫn dân chúng biết nhận định giải quyết lấy nhu cầu với mục đích cải thiện điều kiện sinh hoạt và xây dựng địa phương.

Trường học dù ở thành thị hay nông thôn vẫn hoạt động kiến hiệu theo đường lối ấy bằng cách áp dụng đúng mức một chương trình chủ điểm có tính cách địa phương căn cứ vào

chương trình kiến thức tổng quát. Vấn đề giáo dục theo màu sắc địa phương không có nghĩa dành riêng cho từng vùng một loại chương trình hay phân biệt thành thị và nông thôn. Nhà trường dựa vào chương trình đại cương rồi linh động giảng dạy theo hoàn cảnh, nhu cầu địa phương, miễn sao vừa giáo dục được trẻ con vừa giáo dục được dân chúng. Cho nên chúng ta không thể quyết đoán rằng đường lối Giáo dục Cộng đồng chỉ thích hợp

cho nông thôn mà thôi, vì không có một đường lối giáo dục quốc gia nào lại áp dụng riêng biệt cho một phần lãnh thổ cả. Và nếu nói ở thành thị dân trí cao hơn nông thôn, nên nhà trường giáo dục dân chúng khó khăn thì lại thiên cận nữa, vì người áp dụng chương trình, thực hiện đường lối giáo dục phải biết thích nghi hóa nó với hoàn cảnh và điều kiện địa phương. Đường lối đúng hay sai, do người áp dụng là vậy.

hãy đọc: LIÊN HOA NGUYỆT SAN

Cơ quan phát huy văn hóa Phật giáo

Chủ nhiệm : THÍCH ĐÔN HẬU
Tổng thư ký : THÍCH ĐỨC TÂM
Quản lý : THÍCH NỮ DIỆU KHÔNG
66, CHI LĂNG hộp thư 24, HUẾ

lê kim sơn

GIÓ THẠCH VUU

TỪ sau khi nhà Tấn vượt qua phía Nam, trên sông Trường Giang sự buôn bán hoạt động phồn thịnh hơn trước nhiều ; ven theo bờ sông, các thành thị buôn bán số người tăng thêm không ngừng.

Huyện Giang Lăng sông Trường Giang miền Trung Du lúc bấy giờ là một khu vực quan trọng, đã là nơi trung tâm chính trị, quân sự lại còn là nơi trung tâm kinh tế nữa. Do sự liên quan xã hội đã đổi thay, nên rất nhiều người cũng phải thay đổi cách sinh sống. Vì đất-đai thu hoạch không đủ duy trì sự sống, các tộc họ lớn mà nghèo, số người chuyển ra nghề buôn bán không ít. Họ qua lại từ thượng du sông Trường Giang về tới đồng bằng, chuyên chở hàng hóa để kiếm lời.

Từ trước tới nay, địa vị của người dân buôn bán trong xã hội thì thấp đấy, nhưng vì hoàn cảnh kinh tế thay

đổi, nên quan lại thân sĩ cũng thích ra buôn bán kiếm lời.

Ở góc phía Nam thành Giang Lăng, có một đôi vợ chồng trẻ vốn giòng dõi nho gia đã sa sút, trước kia gia đình họ cũng rục rở đấy, nhưng vì chiến tranh đã lụn bại. Họ vừa học hành vừa cày cấy, tuy sống trong cảnh nghèo nàn mà hai vợ chồng rất thương yêu nhau.

Người ta kêu người chồng là Vuu Lang và gọi vợ là Thạch Nương.

Có một dạo Vuu Lang ra làm thư ký trong phủ, nhưng chẳng hy vọng gì nên từ chức. Hai vợ chồng ngụ tại phía Nam thành, làm mấy mẫu ruộng xấu để sống qua ngày.

Thạch Nương rất chăm chỉ, nàng vừa dệt'vải vừa săn sóc đốc thúc chồng

học tập. Xóm làng ai cũng ngợi khen, cho rằng hiếm có người vợ tốt như thế.

Đôi vợ chồng trẻ, ngoài mặt họ tỏ ra vui vẻ, nhưng trong thì đều lo lắng về cảnh nghèo nàn, họ mong muốn có thể thay đổi được tình trạng sinh sống hiện tại.

Hồi đó có số người, trước kia cũng giòng quý tộc nhưng bị sa sút như hai vợ chồng Vụ Lang, đã đổi sang nghề buôn để kiếm được nhiều lời, tậu ruộng, làm nhà ở trong làng, thậm chí còn giao thiệp được với bậc vương hầu, lợi dụng tiền của mà làm quan rồi cứ thế tiến lên mãi.

Vụ Lang khen ngợi số người đó. Thạch Nương hiểu thấu lòng chồng, nàng liền đưa ra ý kiến yêu cầu chồng đổi qua nghề buôn bán. Vụ Lang vốn đã nghĩ tới điều ấy, nay được vợ nêu lên chàng vui vẻ nhận lời, nhưng chàng không nỡ bỏ vợ mà đi. Vì buôn bán trên sông Trường Giang phía Đông đến Dương Châu, phía Tây lên Ba Thục, thường thường phải mất ba tháng hay nửa năm mới về nhà một lần. Do lòng mến yêu vợ nên chàng cứ mãi chần chờ.

Nhưng Thạch Nương lại khuyến khích chồng, nàng cho là vợ chồng còn trẻ dù hai ba năm không cùng ở một chỗ cũng không có gì đổi thay.

THẾ là Vụ Lang quyết định.

Chàng bán ruộng đất mua một chiếc thuyền lớn, vừa chở hàng thuê, vừa bỏ tiền ra mua hàng hóa, và dự

tính xuống miền đông Dương Châu. Theo người ta nói, lúc đó ở Dương Châu sự buôn bán rất phồn thịnh vì hàng hóa vùng đông nam đều tập trung ở đấy mà phân phát đi các nơi. Mọi việc đã chuẩn bị xong xuôi, Vụ Lang chọn ngày tốt cho thuyền rời bến. Thạch Nương rất phấn khởi, nàng bày rượu ở bến sông để tiễn chân chồng. Nàng dự tính: chiếc thuyền này sẽ đưa vợ chồng nàng đi vào sinh sống trong khoảng trời đất mới, và nhờ nó mà trở thành giàu có. Thế rồi chiếc thuyền gỗ lớn rời bến, dần dần xa bờ. Lá buồm từ từ kéo lên, nàng vẫy tay tiễn chào và chúc chồng được bình yên. Từ Giang Lăng về đồng bằng, mặt sông Trường Giang rất rộng nên thuyền xuôi thông suốt dễ dàng. Rời khỏi Giang Lăng sau 12 ngày thuyền đã tới Dương Châu. Đây là một thị trấn có tiếng, dân buôn các nơi đều tới buôn bán, lại còn nhiều con buôn ngoại quốc ở phương Bắc tới nữa. Tuy mới lần thứ nhất vào nghề Vụ Lang chưa có kinh nghiệm nhưng gặp cơ hội may mắn, đúng lúc con buôn ở phương Bắc từ bờ hồ Lãnh nam lại lùng mua thổ sản, nhân đó thuyền hàng hóa của Vụ Lang bán được hơn giá bình thường đến hai phần mười. Chàng rất đổi vui mừng. Sau khi bán hết hàng chàng lại mua một lò hàng vật chuẩn bị chở về Giang Lăng bán; đồng thời thuyền còn nhiều chỗ trống chàng nhận chở thêm hành khách.

Ở lại Dương châu hơn một tháng, việc buôn bán xong xuôi, không giống như số dân buôn khác ở nán lại vui chơi, chàng vội vã trở về. Chàng còn

tưởng nhớ vợ hiền mong chờ trong phòng vắng.

Thuyền về nước ngược tự nhiên là khó khăn, chậm chạp. Mười lăm ngày mới đến Đương đồ. Thuyền đậu hai ngày bỏ xuống một phần hàng hóa, rồi lại cứ hướng tây mà đi.

NHUNG việc không may đã xảy ra. Thuyền của Vu Lang vừa đi được hai ngày thì gặp gió. Họ ra sức chèo chống, mong đưa thuyền cập bờ, khốn nỗi phu thuyền đều mới mướn nên thiếu kinh-niệm, không có cách gì giữ thuyền được thăng bằng trong cơn gió mạnh. Sóng to gió lớn, thuyền bị lật úp. Vu lang chìm xuống đáy sông cùng với con thuyền.

Trên giòng Trường giang một chiếc thuyền bị đắm hoặc được yên ổn vượt qua cũng chỉ là câu chuyện thường tình.

THẠCH Nương ở Giang Lăng chẳng được tin gì về chồng nàng ngộ nạn. Cũng như người nhà của dân buôn nhỏ, nàng trông ngóng và thường thường ra bến sông hỏi thăm tin.

Ba tháng trôi qua nàng đã bắt đầu lo lắng.

Tin Vu lang đắm thuyền, đã có người đồn đại nhưng không ai dám đem hung tin đó báo lại cho Thạch Nương.

Sau bốn tháng, ngày nào Thạch

Nương cũng ra bờ sông ngóng chồng thấy ghe thuyền qua lại là tìm cách thăm hỏi, nhưng vẫn không một ai dám nói thật với nàng. Mãi tới xế trưa một ngày nọ, nàng ngồi trên hòn đá lớn bên sông ngóng chồng, bỗng chợt mắt ngủ đi; một cơn ác mộng chợt đến. Trong mộng nàng thấy một trận gió lớn ngược chiều thổi tới làm cho chiếc thuyền của chồng nàng nghiêng lật. Nàng tin những gì thấy trong mộng đều là sự thực. Trong cơn lo buồn, nàng ngã bệnh.

Nàng thuật cho mọi người nghe về giấc mộng, rồi hối hận đã thúc giục chồng đi mưu lợi. Nàng tự cho ngày nay có sự nhầm lẫn đó là do tay nàng tạo nên.

Từ đấy hằng ngày nàng ra bờ sông khóc lóc, ngày qua ngày nàng khóc thương rồi chết! Khi hấp hối nàng lập đi lập lại : « Thạch Nương đi tìm Vu Lang » Rồi nàng oán trách ngọn gió ngược chiều kia thật là đáng ghét...

SAU khi Thạch Nương chết, người ta chôn cất nàng bên bờ Trường Giang. Dần dần câu chuyện của nàng được loan truyền ra, và thiên hạ về sau đã đổi tên ngọn gió ngược chiều là « gió Thạch Vu » do hai họ của đôi vợ chồng trẻ bất hạnh kia hợp lại.

Gió Thạch Vu : gió ngược chiều.

thi vũ

NGƯỜI NUÔI MỌT

CHỊ Sáu mặt mày xanh lét, thở hồn hèn, chạy vào gọi ông bà Linh, chỗ sang phòng Bảo.

Trên sàn lát đá vuông, Bảo nằm sóng sượt, Bọp mép sủi trắng. Mắt trợn dọc. Tóc xỏa trên nền đá có hàng trăm con mọt di động, lồm cồm từ phía.

•

Mới hồi sáng này, tiếng bà Linh còn the the gọi thẳng Bảo vào phòng nghỉ tuy tay bà vẫn không rời tờ báo « Phụ nữ », mắt dán chặt vào trang chuyện tâm tình. Thỉnh thoảng bà day sang phía cô Túy nói lia lịa :

— Khổ cái thằng Bảo ốm thế mà vẫn nhớn như ngoài gió.. Nay, cô nghĩ sao về bức thư của Y.H. tuần nay, gớm con gái gì mà lẳng lơ đòi hỏi quá thế...

Cô Túy chưa kịp trả lời, bà Linh đã mắng chửi ra sân :

— Baáaoo ! vào ngay, mày cứ lê lét ngoài giờ, sao cho khỏi ốm... Cô biết không, từ hai đêm nay nó cứ giựt mình hét lớn giữa khuya, tôi sợ quá không sao ngủ được. Hồi thì nó bảo thấy bóng mọt vị sư vào nhát nó, cấm không được chơi mọt.

Bên thềm thằng Bảo nằm úp thân

trên chiếu, tì cằm vào hai tay nhìn lũ mọt bò la liệt khắp nền xi măng. Những chú mọt nào đi quá xa, liền bị Bảo phạt bằng cách bỏ vào lọ không cho ăn gạo.

— Bảo ơi... ! vào nghỉ đi con.

Tiếng bà Linh gọi thét vẫn không làm Bảo giật bắn mình, cậu ta hầu như quen với tiếng đó rồi, cậu lằm bằm với bầy mọt :

— Chúng mày thật làm phiền tao quá, cho gạo không ăn, cứ bò ngang bò dọc, biết chẳng đâu là đâu.

Kể từ ngày bắt đầu nuôi mọt, tâm hồn Bảo dịu đi nhiều lắm. Vốn là một cậu bé ngoan ngoãn, đầy tình thương mến, nhưng yếu đuối. Sự mơ mộng của Bảo thường biến bay vào trong thảm cảnh trắc trở của đời người, dù cậu chưa sống được là bao. Một tiếng khóc của cô bé hàng xóm phải đồn cũng làm cho Bảo băng khuâng xao xuyến hằng đêm. Mỗi bận chủ tài bị bố rầy là một lần Bảo xót thương không ngớt. Lòng cậu thật chứa chan bi thiết. Bi thiết hơn cả là sự nhận chịu mãi hoài nỗi đau đớn trong tâm khảm, khi ngoại cảnh vẫn trải qua một sự thần nhiên, tuần tự, bất nhần và không chút đổi thay.

Suy nghĩ mãi về những sự việc xảy đến trong ngày đập vào trí mình, song Bảo chẳng giải quyết được gì cả. Cậu lang thang ven đường lộ, nhà, vườn. Chiếc lá rơi làm cho Bảo giật mình. Đoàn kiến lũ lượt một cách huyền bí, kéo nhau như quân đoàn kéo pháo, đủ khiến Bảo ngồi nhìn hăng giờ và tưởng tượng đến trăm nghìn hình ảnh phi thường và đồ sộ. Đâu đâu cũng là sự chuyển động của những hành tinh. Hành tinh bên hành tinh. Vũ trụ bên vũ trụ. Chỉ tâm hồn lai láng của Bảo là công kênh giữa những thế giới dựng lên đó.

Đã có lần Bảo tháo hết một cuốn chỉ của mẹ, quây rối đi rồi ngồi gờ. Làm như thế cậu để cho thời khắc trôi qua một cách có ý nghĩa. Mãi đến lâu sau, khi nghĩ lại cậu nhận ra mình đã làm một việc rất hay : tập tính kiên nhẫn.

Với bầu một hôm nay Bảo sung sướng hơn bao giờ, vừa làm được việc nhân nghĩa, đáp ứng tình thương bao la của mình, mà vẫn không phung phí thời giờ. Sao lại có thể vụt trôi một theo nước vo gạo hay để yên cho một chết trong nồi cơm nhũ. Bảo không sao hiểu thấu được. Con người quả thật tàn nhẫn một cách tự nhiên. Vì vậy mà Bảo đã mất bao nhiêu giờ lên vào kho thực phẩm, bắt hết một bồ vào lọ. Chúng được nuôi cẩn thận bằng gạo và cám. Bảo nhận xét : đối với một, gạo cũng như thịt vậy, chúng ăn, ăn cho đến rỗng hạt mới thôi. Cậu sung sướng nhìn sự biến hình của những miếng thịt vô tri nhỏ bé kia đang chuyển sang thân một linh động. Những thớ bé chuyển mình, sờ soạng, tìm tòi. Chúng sống thành làng, thành xã. Bảo

thờ thần suốt ngày nói chuyện với chúng, chẳng thêm đề ý đến lời phê bình của các cô các cậu trong nhà cho mình là thẳng diên. Hiểu được con một đâu phải dễ. Phải không. Xa hết mọi tranh đua, chouri bời của người này kẻ nọ để nằm yên sống với một. Thật thanh bình làm sao. Chỉ tại chúng bị quá, Bảo lại không có thứ máy thu được luồng phát âm của một nên cậu không nghe được đấy thôi. Từ ngày có làng một, bao nhiêu nhân sự nhờ Bảo đã được thâu hóa sang nếp sống thường nhật của một rất nhiều. Đương nhiên có những con một cô độc, cứ tách rẽ một mình, lệch thếch ra đi không định hướng. Và những anh chị một khác vì e thẹn không chịu cặp kè nhau, nơi phố xá họ vẫn lạnh lùng lẫn tránh, hết như trong thế giới loài người...

Tiếng đồng hồ Westminster buồn thăm buồn 12 tiếng trầm trề.

Bảo vội lên tiếng thu quân, di cư cả làng một vào lọ. Giờ bố sắp về. Trong nhà chỉ có bố là Bảo sợ. Mẹ tuy la hét ồn ào, nhưng bà chẳng bao giờ chú ý đến Bảo một cách yêu thương hay cần trọng. Đối với bà, những cuộc tiếp rước, đãi đằng là quan trọng. Và trong muôn thứ quan trọng khác của bà, như đánh móng tay, rửa móng chân, đi làm tóc, thì việc đọc các trang giải đáp tâm tình trong báo phụ nữ là quan trọng hơn cả. Cũng giống như trang hưng tín đối với các cụ có tuổi ; già càng thấy đơn côi, họ tìm xem có tên người nào mình quen vừa chết không, chẳng phải đề nhỏ lụy khóc than mà chính đề hoài vọng quãng đời đã qua và trầm ngâm về cái thân phận sắp tới của mình. Đọc trang giải đáp tâm tình là sinh hoạt

văn hóa nào nhiệt nhất của bà Linh. Bà say sưa với những éo le, uẩn khúc để tìm tòi trước những hờ hên của những cô gái ngây thơ tin ở trái tim nồng, ở lời giải đáp thần tiên. Lắm khi bà không hiểu vì sao lại có những cô cậu lại phò trái quả tim mình một cách phổ biến như thế, và cái cô Thiên Thương lắm khi không dần xếp khôn khéo như bà nghĩ. Ừ nhỉ, giá mà họ đến thỉnh ý Bà thì có phải bao nhiêu lừa dối đã được cứu rỗi rồi không ! Nói là sinh hoạt văn hóa của bà, không phải nói ngoa đâu. Nó như miếng trầu dầu câu chuyện vậy, không có chúng bà không biết làm sao tiêu hết thời giờ vô vị trôi qua trong ngày, và mỗi lúc bạn bè đến thăm bà không biết đem chuyện gì mà kể. Những mẩu chuyện làm tình hợp khít với đời sống nội tâm đơn giản của một người đàn bà không thấy cuộc sống có một ý nghĩa hay vấn đề gì cao khác. Từ đó mà đi sâu, dòm ngó, bới móc những cuộc sống của láng giềng, bè bạn. Rồi cứ thế huyền thuyên cho đến khi hoặc bà, hoặc người đối thoại phải trở về với nhiệm vụ thường nhật — dĩ nhiên là sau vài giờ chậm trễ.

Tiếng xe vừa thắng vừa tắt máy ở cổng ngoài, Bảo đã nhảy thót vào nhà,

để lại trên chiến trường một số lương thực gạo cho cả làng một chưa kịp thu dọn. Trinh trọng cầm lọ một trong tay, cậu lắng tai nghe động tĩnh bên ngoài.

Ông Linh vừa nện gót vừa hỏi :

— Thế nào mình ? thằng Bảo có ngoan không ?

— Hôm nay con nó mát mình đấy. Nhưng vẫn không chịu nằm yên, cứ thích đùa ra gió.

— Phải bảo nó chứ lý. Tội tính đưa con đi khám, chứ ai con trai gì mà yếu đuối thế, vào tuổi ấy, ngày xưa tôi tháo vác hơn nhiều.

— Nó cứ bảo là đêm nằm thấy một ông sư, mặt tuy hiền từ, nhưng dọa dẫm chết nếu chỉ chơi một mà không chịu chơi với bạn bè.

— Tôi sợ có gì không an trong bộ thần kinh...

— Không phải đâu mình, chắc tại cái ông sư trong mộng ám ảnh đấy.

Vừa lúc đó một tiếng hét vang lên Và chị Sáu chạy hót hơ hót hãi vào báo tin. . .

Paris, nhớ Ngài Mã Tô
THI-VŨ

CÁO LỖI BẠN ĐỌC

Vì không lý do ngoài ý muốn, GIỮ THOM QUÊ MẸ đến với bạn đọc quá trễ. Từ số tới, chúng tôi sẽ tìm mọi cách cho tạp chí ra đúng hạn kỳ.

Xin bạn đọc thân mến thông cảm.

GIỮ THOM QUÊ MẸ

trụ vũ

CHIẾC KẼO « SO'-VINH-GUM »

MAI chưa bao giờ đề ý đến Tú. Thực ra, Mai không bao giờ đề ý đến ai. Ngày xưa, Mai sống chung với Phấn, Kỳ, Thọ và tôi ở trong nghĩa địa Quảng Đông. Phấn là nhạc sĩ, chết rồi, vì ho lao. Thọ là thi sĩ, cũng chết vì ho lao rồi. Còn Kỳ là một thằng « tấc kê » thuộc loại « siêu ». Thời còn ở trong nghĩa địa, ban đêm Kỳ còi trần còi trường, chia cái kèn clarinette lên giữa lòng mặt trăng mà thổi. Kỳ rất thông minh. Nó giỏi ngoại ngữ, nhất là về tiếng Anh. Cái lối Kỳ học tiếng Anh cũng là theo lối « siêu », đúng theo cung cách « siêu » của nó. Kỳ không biết gì về tiếng Anh cả; vốn liếng của nó chỉ có vài chục chữ, « ai » « du » gì đó. Thế mà nó đâm đầu vào thư viện, chọn những cuốn sách Anh ngữ mà đọc trong ba năm. Nó đọc toàn là sách triết học, thi ca — như thơ Tagore... —, những loại sách khó hiểu. Sau đó nó thành ra giỏi Anh ngữ vô cùng; cũng chẳng hiểu tại làm sao.

Hồi đó Mai cũng đã mập như bây giờ. Nhưng gọn hơn, coi hùng dũng hơn. Mai ăn mặc sang. Tôi còn nhớ hình ảnh của nó

đi đâu cũng cầm theo một cuốn sách (Anh Ngữ). Nó mê thằng Kỳ, coi như thần tượng. Thấy Kỳ học tiếng Anh, giỏi tiếng Anh, nó cũng lui cui học tiếng Anh đề mà giỏi tiếng Anh. Cho bằng thằng Kỳ. Cố nhiên nó không thể học theo lối siêu như Kỳ được. Nó học theo lối bình thường, lối « người đời ». Mai kiên-trì theo đuổi tiếng Anh trong nhiều năm. Và bây giờ thì Mai đã « dùng » được tiếng Anh rồi, đề mà mưu sinh.

Từ nào đến giờ bản tính của Mai là chỉ đề ý đến mình. Chẳng thấy khi nào nó giao thiệp với ai về tình cảm. Phải có cái thú, cái lợi gì... Ngay như đối với tôi, Mai chơi với tôi đã mười mấy năm rồi mà nó cũng chẳng mấy khi đề ý đến tôi, đến đời sống của tôi. Nói thực ra thì hồi xưa sở dĩ có một thời kỳ nó đã lui tới gần gũi với chúng tôi đó cũng là vì chuyện nhậu nhẹt, nó cũng thích nhậu, nó cần bạn nhậu nên nó lui tới với chúng tôi. Về sau công chuyện làm ăn mỗi đứa đi một ngã nên Mai và tôi không còn gặp nhau. Mãi tới hồi năm kia chúng tôi mới gặp nhau lại. Cái lần tái ngộ ấy, tôi ở trong một căn nhà

bần thiêu. Như cái chuồng. Không có bàn ghế; chỉ có một bộ ván. Vợ con tôi sống trên bộ ván đó, rách rưới, thảm hại. Mọi diện sang, đi xe Vét-pa sáng trưng tới, đem theo bộ mặt phì nộn tự mãn và tiếng cười khoái trá. Nó hăng vui nói chuyện khôi hài, chuyện ăn chơi. Thật tình Mọi không hề để ý gì đến người khác cả; nó chỉ để ý đến nó.

Huống hồ đối với thằng Tú, Mọi quen nơi Tú nhà tôi. Đầu vào hồi năm ngoái. Vợ chồng Tú là cả một « chuyện hoang đường ». Đời sống của chúng nó đói rét kinh khủng, lang bang kinh khủng. Như huyền thoại. Tôi đã có vài lần kể chuyện đói kém của vợ chồng con cái Tú cho Mọi nghe ; tôi nhớ là lần nào nó cũng nhún vai cười đánh khịt một cái, không hiểu như thế là để biểu lộ gì.

Về sau này Mọi cũng có dăm bảy lần đến thăm vợ chồng Tú. Như thế tất nhiên nó đã chứng kiến tận mắt cái khổ sở hoang đường hầu như phi nhân loại của vợ chồng Tú rồi. Nhưng như tôi đã nói, Mọi là người vô tâm.

Nó đến thăm nhà Tú là chỉ vì « xẹt ngang ». Hoặc đôi khi để kiểm một chai rượu hiếm. Vì Mọi rất ưa một vài thứ rượu hiếm, mà Tú thì đôi khi có thể kiếm được thứ rượu đó.

Thế mà lại có chuyện lạ này xảy ra. Một hôm Mọi đến nhà tôi vào lúc mười giờ đêm và rủ tôi tới thăm vợ chồng Tú. Mọi nói :

— « Moa không ngờ vợ chồng thằng Tú cực đến thế. Tội nghiệp quá ».

Và mọi tả với tôi vài cảnh khổ của nhà Tú.

Tôi nói :

— « Vợ chồng thằng Tú nó cực từ hồi nào đến giờ. Bây giờ toa mới biết sao ? »

Mọi nhún vai, phác tay. Bộ mặt nó nghiêng nghiêng và đầu nó gật gật theo lối kếp xỉ nề. Nó nói :

— « Là vì... chắc... Lâu nay moa không để ý lắm. Không để ý nên không thấy ; không thấy nên không nhìn. Bây giờ thấy rồi, nhìn rồi mới nghe nơi chỗ này này (Mọi chỉ vào chỗ trái tim) xúc động quá toa ạ.

Mọi thở dài một hơi dài và to quá đáng và hạ giọng tâm sự :

— Toa biết không. Nhiều khi thấy anh em cực mà mình không dám để ý. Thảm chịu không nổi. Chắc ! tội mình là thứ người tình cảm...

Tôi thật không ngờ là Mọi nói thế. Tôi ngạc nhiên một phút. Thật không thể ngờ được là từ miệng Mọi thốt ra những câu như thế. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là tự trách mình đã có thói quá « khăng định » về anh em. Tạo cho họ một hình ảnh rồi ép họ giống mãi như thế. Thực ra tôi đã lầm... Như với Mọi đây chẳng hạn... Ai nói Mọi chỉ biết nghĩ đến mình, vô tình ? Ai nói Mọi chỉ biết mỗi một thứ rung động : rung động lạc thú ? Bằng có là đây...

Tôi nói với Mọi giọng cảm động :

— « Mọi, moa phải xin lỗi toa.. Lâu nay moa cứ ngỡ toa chỉ có rung động lạc thú. Té ra toa cũng rung động tình cảm... Ờ, mà có lẽ như thế là phải. Sự thực, toa có một trái tim — mà toa dấu kỹ. Chỉ có moa đã lầm... ».

Chẳng bao lâu tôi và Mọi đã đến nhà Tú. Cái nhà nó, cái nỗi thảm thiết của nó, cái vẻ hoang đường của vợ chồng nó thì tôi đã biết quá rồi. Chúng nó ở trong một cái chái lá lăm chằm lộ thiên ngó thấy sao trên trời, phen vách lại tông hồng ; ngọn đèn dầu lửa bóng thủng một lỗ vá

bằng một miếng giấy xé trong quyển « Hình Ảnh Việt Nam ». Trong cái nhà như vậy sống hai vợ chồng và ba đứa con. Thằng chồng ốm xơ, xương xẩu ; con vợ xanh tới hết máu, cái mặt chào vao ba đứa con đứa nào đứa nấy ngác ngác ngờ ngờ như không hiểu tại sao mình sống đề nhện đói, suốt ngày đứa này đứa kia thay phiên nói : Ba ơi ! (hay má ơi !) con không có cái gì để ăn cả. Được cái hai vợ chồng lúc nào cũng tự nhiên nhi nhien như không biết đến cái khổ cảnh của mình, lại còn ung dung là khác.

Tú là một đứa ưa nói khôi hài và tiểu lâm. Gặp chúng tôi, nó xi ngay ra một loại khôi hài tiểu lâm liền. Sau đó thì có một thiếu nữ đi vào. Nàng độ mười bảy tuổi tóc thề, gương mặt trắng rằm rạng rỡ. Thoáng nhìn, tôi biết ngay là gái Huế. Một nữ sinh.

Thiếu nữ khẽ chào chúng tôi rồi đi vào buồng, một lát nàng trở ra ngồi nơi mép cái giường nhỏ. Sự hiện diện của nàng thật là im lặng mà cũng thật là huyền diệu, vì nàng rất đẹp, phải nhìn nhận thế.

Từ khi có mặt thiếu nữ thì Tú ngưng nói tiểu lâm, câu chuyện chuyển sang lối khác. Và lần này là Mai nói.

Mai ngồi nơi chiếc ghế xa lông gỗ tí hon !

Thân hình phì nộn của nó ngồi trên cái ghế tí hon trông có vẻ buồn cười. Bắt đầu Mai nói về chuyện xi nê. Nó bàn về nghệ thuật diễn xuất của James Dean. Chẳng bao lâu câu chuyện chuyển sang lĩnh vực văn chương, và Mai nói về Hemingway của Mỹ, Lỗ Tấn của Tàu. Mai nói cả về « trường hợp của Kim Dung ».

Mai cho rằng Kim Dung rất « siêu » và cái đoạn « sáng khoái » nhất của Cô Gái Đồ Long là cái đoạn Tạ Tốn đứng trên bè chỉ lên trời mà chửi « lão tặc thiên ». Mai nói

bằng một giọng bay bướm với thái độ cuồng nhiệt — cả hào hoa nữa — và trong câu chuyện Mai chen rất nhiều tiếng « chắc, chắc ! »

Cho đến khuya thì chúng tôi ra về. Ra đến ngõ, Mai và tôi chia tay nhau để ai về nhà nấy, Mai nói : « Thằng Tú vui chó. Kề cũng tội... »

Sáng tảng bưng hôm sau. Tú đến nhà tôi. Nó nói :

— « Toa biết chuyện gì đã xảy ra không ? »

— « Chuyện gì ? »

— « Thằng Mai ».

— « Mà sao ? »

— « Nó mê con bé ở nhà moa. Đề moa nói đầu đuôi toa nghe. Hôm kia nó lại nhà moa nó gặp con Thu. Moa giới thiệu với nó, con Thu là em vợ moa, nữ sinh, ở Huế mới vào. Thế là thằng Mai hỏi vợ chồng moa « có nên làm thịt gà ăn cho vui không » và hôm sau nó đem đến một con gà cho vợ moa nấu cháo ăn tới khuya. Và khi hôm nó lại rủ toa đến như toa biết đấy. Cả đời nó đâu có đến chơi nhà moa ; nó đến hỏi có rượu Mai Quế Lộ không thì có. Nó nói nó buồn nên nó đến moa chơi cho vui. Nhưng moa không phải con nít ; moa thừa biết nó đến là vì con Thu. Thằng Mai, moa biết, đời nào mà khi không nó đến chơi với ai... »

Tôi nói :

— « Toa đừng nói thế : hôm qua thằng Mai đến moa nó nói nó cảm cảnh vợ chồng toa lắm. Nó thở than hoài. Có thể là nó mến toa mà đến chơi, đừng nghi bậy... »

Tôi chửi Tú ít câu về cái tính hay « đen đủi hóa » cuộc đời của nó và cuối cùng tôi nói :

— « Mà chuyện ấy đâu có ăn thua gì nào ? Nó đến chơi vì toa hay vì con Thu, mặc kệ

nó. Miễn là nó có đến chơi ; như vậy là toa vui rồi. Mà lại có thịt gà mà ăn nữa ».

Cái mặt thẳng Tú trở thành âm mưu vô cùng ; và nó nói :

— « Không, ăn thua lắm chứ. Đây này, toa xem : nó mê con Thu. Mình phải xác định là nó mê con Thu. Vì vậy mấy ngày hôm nay nó mới lui tới moa luôn và « biểu diễn trí thức » một cách kinh khủng như vậy. Bây giờ, tâm lý của nó là đang « động cốn nhờn đạo », với moa. Cho nên moa thấy cần phải chớp ngay lấy cơn « động cốn nhờn đạo » của nó, không thì nó « qua » mất. Toa vừa nói là thẳng Mạ nó nói với toa rằng nó cảm cảnh thương hại moa phải không ? Thế thì... moa nhờ toa : toa nên đến ngay nhà nó. Toa gợi ý cho nó đề nó giúp moa tiền. Năm trăm. Một ngàn. Hai ngàn. Đó là tùy ở tài « thuyết » của toa... »

Và Tú kết :

— « Đó là toa thương anh em đó. Độ này moa đói rả họng ».

Tôi bèn làm theo ý thẳng Tú. Không phải vì lẽ phải, nhưng là vì thương nó, vợ nó, mấy đứa con nó. Gặp Mạ, tôi liền trở tài « thuyết » trong một giờ đồng hồ. Mạ im lặng ngồi nghe, cái đầu gật gật, miệng nhai kẹo sơ vinh gum. Nó có thói quen nhai kẹo sơ vinh gum. Trong túi quần nó lúc nào cũng có kẹo sơ vinh gum. Một lát nó lại nhả cái bã kẹo sơ vinh gum, vo tròn một cục dán vào mép bàn và xò tay vào túi quần lấy chiếc kẹo khác ra nhai.

Nó nhai hết đầu chừng ba bốn cái kẹo sơ vinh gum thì đứng dậy. Mặt nó có vẻ quyết định, và nó nói : « Được rồi, được rồi ». Đoạn nó bước tới mở tủ, lấy ra hai tờ bạc năm trăm, trang trọng âu yếm và nhẹ nhàng bỏ vào trong một cái phong bì mới

chưa có đề chữ rồi kéo tay tôi, bảo : « Tui mình đi ! ».

Đến nhà Tú, hành động đầu tiên của tôi sau khi ngồi xuống ghế là nói với nó :

— « Ê, toa có tin mừng. Thằng Mạ sắp có món quà « thông cảm » để tặng vợ chồng toa ».

Tôi nói thêm, đề cho vợ chồng nó chắc mừng :

— « Một món quà thông cảm thực tế... »

Buổi nói chuyện hôm ấy rất nên vui vẻ. Vợ chồng thẳng Tú mặt mày hớn hờ nói chuyện như bập rang. Tôi độ chừng được vợ chồng nó vui như thế là vì thế nào.

Phần tôi và Mạ cũng thích thú. Mạ cười phật phật theo những câu nói khôi hài của thẳng Tú. Con mắt cười cười, nó nhìn cái vẻ hớn hờ của hai vợ chồng ; nó có cái vẻ của người lớn đang vui trước cái vui của đứa trẻ con sau khi cho đứa trẻ con cái kẹo.

Có một điều là nãy giờ không thấy bóng dáng của cô em gái thẳng Tú. Tôi nghĩ thầm việc ấy cũng làm mất vui một phần nào ; giá có thiếu nữ ở đây thì hẳn là vui hoàn toàn.

Ngon đèn đề trên chiếc bàn nhỏ chiếu lờ mờ lên gương mặt tươi cười của vợ chồng Tú, làm cho quan cảnh rách rưới chung quanh như mất đi vẻ thảm não hằng ngày. Tiếng đồng hồ hàng xóm tí tách, tiếng chó sủa xa. Cũng đã khuya rồi. Cứ nói chuyện vớ vẩn mãi mà vẫn chưa thấy thẳng Mạ móc cái món quà ra. Tôi tự hỏi tại sao nó đề lâu thế ; sao nó không móc phắt chiếc phong bì ra trao cho thẳng Tú có phải là hay không.

Cuối cùng, nóng ruột quá, tôi nói bóng bẩy với Mạ :

— « Thôi khuya rồi. Cậu có tin vui gì báo cho thằng Tú thì làm lẹ lẹ lên mà về ».

Mại nhún vai :

— « Thùng thủng mà. Đề nói chuyện đã ».

Tôi bực mình chửi thầm :

— « Tiên sư thằng này. Chắc nó đợi cho thấy mặt cô bé « nữ sinh Đồng Khánh » một cái đã rồi mới chịu trao tiền ra chắc ».

Kề ra cũng thật là linh : Tôi vừa chửi thầm xong thì cô nữ sinh xuất hiện ngay. Từ trong chiếc mũ — màu nâu bạc — của cái giường nhỏ kê bên cạnh chúng tôi, đằng sau lưng tôi và Mại, cô bé vén cửa mũ bước xuống đất. Nàng xuất hiện rất bất ngờ trước mắt chúng tôi, mái tóc rối bời và gương mặt ngái ngủ. Nghe tiếng động, chúng tôi quay lại nhìn và Mại đã không ngăn được một tiếng huýt sáo ngạc nhiên thích thú.

Cô bé có vẻ không để ý gì đến chúng tôi. Nàng lặng lẽ đi xuống nhà dưới, rồi một lát sau nàng trở lên, mở mũ chui vào giường.

Cố nhiên cặp mắt của Mại không ngớt nhìn theo cô nàng. Và đó chính là đầu mối của sự oái oăm : Khi cô bé mở mũ để chui vào thì Mại — và cả tôi nữa — đã nhìn thấy thân thể của một người đàn

ông nằm trong đó.

Mại thốt lên, bằng tiếng Anh : « Như thế là nghĩa gì ? ».

Và nó quay lại hỏi Tú :

— « Ai nằm trong đó ? »

Cả hai vợ chồng thằng Tú lúng túng thất vọng đến tội nghiệp. Tú rặn từng tiếng :

— « Thì mèo của nó chứ ai bây giờ ? »

Thằng Mại đứng dậy, hai tay đút vào túi quần. Cứ chỉ đó làm bụng nó ườn ra. Nó điềm điềm nói :

— « Thôi, khuya rồi. Về toa ».

Tôi đánh một ván bài cuối cùng :

— « Toa trao cái « tặng phẩm » cho thằng Tú đi. Rồi về ».

Mại nhún vai nói « ờ quên » và tôi thấy bàn tay trái của nó động đậy trong túi quần. Nó thông thả móc bàn tay đó ra khỏi túi quần, chìa năm ngón ra trước mặt thằng Tú và nói :

— « Đây, cho hai vợ chồng toa ».

Cặp mắt sáng quắc, thằng Tú chìa bàn tay mở rộng ra nhận.

Đó là hai cái kẹo sơ vịnh gum.

Cáo lỗi bạn đọc

« NẾO VỀ CỬA Ỡ » tạm gác một kỳ, vì tác giả bị kém sức khỏe.

« Giữ Thơm Quê Mẹ » xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc : thân mến.

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

HỘP THU' TÒA SOẠN

Tòa soạn Giữ thơm Quê Mẹ vừa nhận được các tác phẩm sau đây của các Bạn :

— Với người đi trước, Phiên gác đêm, Cảnh tượng bây giờ : thơ của C.T.N.M — Phía trời xanh ; truyện của D.N — Hay khơi dậy dòng suối tình thương ; thơ của N.M. — Tâm sự cùng bằng hữu, Ngoại tình, Cờ trắng ; thơ của H.L. — Mừng tuổi con năm mới, Đầy tháng của con. Rồi vậy, cái chết của một người có tên Phạm văn Nhận, Bài thơ viết cho người mẹ đã chết ; thơ của S.N.H.T. — Mai Sau ; truyện của H.T. — Lời di chúc, Hồn vọng phu ; thơ của M.D. — Hoa Vong ; thơ của H.T.T.L. — Chiều quê xưa, Thơ cho chị ; thơ của Bych — Khoảng tương lai, Tình buồn của anh ; thơ của T.L.H. — Tôi viết bài thơ hôm nay ; thơ của L.G.T.H. — Mẹ Việt Nam, Tôi đi trên những buổi chiều, Dư vị ; thơ của H.L.T. — Suối tam đạo ; truyện của A.D. — Những mùa xuân quê hương ; thơ M.A. — Trong bóng đêm ; thơ của L.T.L. — Kẽ chơ đợi nhẩn nại ; thơ V.N.S.K. — Chùa, Biển và Dân chài, Mẹ, Sóng ; thơ của T.Y.D.Đ. — Mẹ Việt Nam ; thơ của M.Đ. — Con nai vàng ngơ ngác ; truyện của H.T. — Thính giả của loài ốc, Nghẽn lối thơ bay,

Xám áo tàn hương ; thơ của L.T.N. — Phiên gác, Thư cho cha mẹ ; thơ của Đ.T.C. — Tiếng động buổi sáng ; thơ của Đ.T.H. — Một mình, Nhập thiên thai, Buồn trông ; thơ của H.L.T. — Chuyển xe buổi sáng ; truyện của A.C.L. — Cuối cuộc kiếm tìm ; thơ của T.T. — Chuyện tình của con đường ; thơ của N.H.T. — Khu vườn ; thơ của X.T. — Trong cuộc chiến ; thơ của N.T.Đ. — Tản cư muôn mặt ; hồi ký của V.H. — Vết tích của anh và con phượng hoàng ; thơ của N.V.T. — Hóa thân, Bước chân hoang ; thơ của N.L. — Tiếng xuân Việt Nam thơ của K.P. — Tiếng nói nhược tiều, Bài thơ cho con, Đoạn sầu tuổi trẻ, Tình mẹ, Chuyện chúng ta ; thơ của A.T. — Ca dao Việt Nam mới, Lời hô, thơ của T.T.G.M.M.

Tòa soạn Giữ thơm Quê mẹ, trân trọng cảm tạ các Bạn và xin các Bạn vui lòng đừng gởi các tác phẩm kể trên (trong thời hạn 3 tháng) đến các báo khác, để tránh việc đăng trùng phiên phức. Một lần nữa, kính chúc các Bạn vui, mạnh và sáng tác thật phong phú dồi dào.

T.V.

« giữ' thơm quê mẹ »

ĐÓNG TẬP TỪ SỐ 1 — 6, GIÁ 120\$

(Xin gửi bưu phiếu về cô Cao Ngọc Thanh 702/78 Phan thanh Giản-Saigon)

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO MỚI

Tòa soạn *Giữ Thơm Quê Mẹ* vừa nhận được những tác phẩm sau đây do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng :

— **BƯỚC ĐẦU NHIẾP ẢNH NGHỆ THUẬT**, do nhiếp ảnh gia Cao Đàm — Cao Lĩnh biên soạn, Màn Ảnh xuất bản. Sách biên soạn công phu, trình bày vấn đề kỹ thuật, mỹ thuật trong bộ môn nhiếp ảnh rất rành rẽ, khoa học. « *Bước đầu nhiếp ảnh nghệ thuật* » có thể coi như tập sách mà mọi người thích ảnh nên có trong tủ sách gia đình

— **HAI MƯƠI BÀI HÁT TRẺ EM**, tập nhạc nhi đồng, do Nguyễn Hữu Ba, Huỳnh Văn Hóa, Vũ Vĩnh Hồng, Lâm Quang Huấn, Minh Lương, Hồ Tấn Vinh, sáng tác tập thể, Trường Sư Phạm Saigon xuất bản, bản đặc biệt không đề giá. « *Hai mươi bài hát, trẻ em* » là 1 tập nhạc được biên soạn đầy tha thiết, thương yêu trẻ. Tập nhạc rất cần cho những nhà giáo, cũng như các bậc phụ huynh.

— **LÀM SAO EM BUỒN**, tập thơ « ứng ý nhất » của Anh Thuần, do Liên Tân thư quán xuất bản, giá 25 đồng.

— **ĐỘNG BÓNG CHIỀU**, thơ Quách Tấn ; ấn loát công phu, nội dung diễm lệ gợi nhớ 1 « mùa cò diên ». Giá bán nhất định 50 đồng.

Xin cảm ơn các tác giả và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc *Giữ Thơm Quê Mẹ*.

SẮP PHÁT HÀNH :

NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI

NHẤT HẠNH

NHỚ CẢNH NHỚ NGƯỜI

PEARL S. BUCK

do LÁ BỐI XUẤT - BẢN

- * Những người đi từ đạo Phật vào cuộc đời đề cứu khổ lợi sinh, cứu nguy Dân tộc.
- * Những người đi từ cuộc đời vào đạo Phật đề thực hiện một cuộc cách mạng 3 mặt giáo lý, giáo chế, giáo sản, hiện đại hóa Phật Giáo.

ĐỀU TÌM GẶP NHAU Ở GIAO ĐIỂM TRÊN TRUNG ĐẠO :

VẠN HẠNH

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHÁT HUY VĂN HÓA PHẬT GIÁO VÀ DÂN TỘC
SỐ 12, PHÁT HÀNH NGÀY 8-4-1966

HIỆN DIỆN : Thượng tọa **MẬT THÈ** : Hiện tượng luận • **TUỆ SỸ** : Thể thân và A tỳ đạt ma Câu xá luận • **NHU THỊ** : Cogito bát nhã dưới ánh sáng hiện tượng luận • **LÃNG HỒ** : Thiền tôn, một tư trào mới trong hình nhi thượng học đời Đường • **THÁI ĐẠO THÀNH** : Quan niệm lịch sử Phật giáo • **PHAN BÁ CẦM** : Hạnh thuyết pháp • **TRẦN THANH ĐẠM** : Chùa Hàn Sơn với bài thơ Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế • **THANH PHONG** : Văn tế ngày giỗ Tồ Hùng Vương • **NGUYỄN ĐĂNG THỰC** : Phật giáo với Dân tộc • **LÊ VĂN SIÊU** : *Viết sử tạp ký* : Minh oan cho Trần Thủ Độ về vụ án lịch sử : chôn sống các Tôn thất nhà Lý • **ĐỖ TRỌNG HUỆ** : Nguyễn Du — giòng giới, thân thể, sự nghiệp • **K. H.** : Tác phẩm La Nausée dưới con mắt Phật tử.

☼ **Đặc biệt trong số này :** Nhạc phẩm « **BI HÀI KỊCH** » của **PHẠM DUY** thơ của **THÁI LUÂN**.



ĐỌC VÀ CỒ ĐỘNG VẠN HẠNH LÀ QUÍ VỊ TRỰC TIẾP GÓP MỘT VIÊN GẠCH XÂY DỰNG THÀNH TRÌ BẢO VỆ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA PHẬT GIÁO VÀ DÂN TỘC

LỜI NIỆM ƠN

Niệm ơn Bác sĩ MORINEAUD cùng các vị cộng sự tại trại « Pédiatrie II » của Bệnh viện **GRALL**, đã, bằng tài năng Y học và sự tận tâm không bờ bến, cứu con trai chúng tôi, Trần Thiên Luân, thoát khỏi tay tử thần.

Ngày 15 tháng 3 năm 1966

THÁI PHƯƠNG và TRẦN BÌNH

Mỗi ngày đón đọc :

Nhật báo :

ĐẤT TỎ

và

Nhật báo :

DÂN TIẾN

CÁC CHỨNG BỆNH CỦA PHỤ NỮ : Kinh nguyệt bất điều, thiếu máu, hành kinh đau bụng, đau lưng, người gầy yếu mệt nhọc, ít ăn kém ngủ, nước da xanh xao, quý Bà dùng :

NỮ KIM CAO Quảng-An-Hòa

(Có bán ở các tiệm thuốc Bắc) K.N số 614 ngày 18-12-63

QUÝ BÀ KHI CÓ THAI! Đề bồi dưỡng sức khoẻ cho quý bà, đề trị các chứng ọa mửa, bần thần dã dượi, thai trắng, quý bà dùng :

BỔ HUYẾT DƯỠNG THAI QUẢNG-AN-HÒA

đến ngày sanh mau, khoẻ khoắn — (có bán tại các tiệm thuốc Bắc) Tổng phát hành nhà thuốc Quảng-An-Hòa 169, Lê văn Duyệt — Saigon.

K.N số 612 ngày 18-12-63

CƠ THỂ BẠI HOẢI, THẬN YẾU

HAY ĐÁI ĐÊM, NHỨC ĐẦU, MỆT MỎI, ĐAU LƯNG, DI MỘNG HUỢT TINH, SINH LỰC SUY KÉM, DÙNG THUỐC BỒ THẬN.

THẬN-TRUNG-BỬU La-Vạn-Linh

CÁC CHỨNG BỆNH : Tê thấp, đau xương, nhức gân, tê bại, oải gân, đi đứng khó khăn, ngoài da tê lạnh, tê đầu ngón tay, ngón chơn, tê rần nửa thân mình, đau lưng nhức mỏi. Già cả ban đêm đau mình khó ngủ, các chứng Phong thấp **NÊN DÙNG THUỐC** :

HOÀN-KIỆN-ĐƠN La-Vạn-Linh

(2 loại: hoàn mật và ngâm rượu) (Có đề bán ở các tiệm thuốc Bắc)

Tổng phát hành, 532 Đồng-Khánh — CHOLON

K.N số 605.608 ngày 18-12-63

AI ĐÃ BỊ BỆNH ĐAU TIM thường hay bị : Hồi hộp, choáng váng, xây xầm, mệt lả, ngất xỉu, hay mệt bất thường, về đêm thường bị mất ngủ, giạt mình sợ hãi, suy yếu thần kinh, nên dùng :

THUỐC BỔ TIM Quảng-An-Hòa

ĐỂ TRỢ TIM AN THẦN

(Có bán ở tiệm thuốc Bắc) K.N số 616 ngày 18-12-63

Thận suy, mỗi một sanh ra bệnh hay đau lưng, đái đêm, mỗi một ít ăn ngủ, mất sức, di mộng huợt tinh, thận suy nên bồi dưỡng bằng thuốc **Bồ thận**

CƯỜNG-THẬN-TINH Quảng-An-Hòa

(Có bán ở tiệm thuốc Bắc)

Tổng phát hành: Nhà thuốc QUẢNG-AN-HÒA

169 Lê văn Duyệt Saigon

K.N 615 18-12-63

V
I
E
T
N
A
M
H
À
N
G
K
H
O
N
G

A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

TRONG ĐÔNG-NAM Á



**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌAN**



bằng
của
ĐƯỜNG BAY

Caravelle
PHÂN-LỰC CƠ TRẮNG LỆ NHÚT THỀ-GIỎI

Hasen VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG : 800 CÂY SỐNG MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI . MÁT-MẺ _ ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN . ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

*Ngoài ra , trên tàu Quý-vị sẽ thưởng
thực những món ăn đặc-biệt do các nữ
tiếp-viên xinh-lịch niềm-nở tiếp đãi*

★ ★

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG



115 NGUYỄN-HƯC SAIGON 21.624-625-626

AIP